

THƯ QUÁN

B ả n T h ả o



tranh TQT

■ **Chủ đề đặc biệt: Viết về Hoài Khanh**
(Đặng Tiến, Phong Nhã, Phạm Ngọc Lư, Nguyễn
Lệ Uyên, Hải Phương, H.T.L) ■ Những bài
thơ/văn của Hoài Khanh ■ **Mục thường
xuyên:** Viết Chung, sáng tác, đọc sách.....

Tập 24 năm thứ 5 tháng 7-2006

Thư Quán bản Thảo
Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật

Chủ đề nhà thơ Hoài Khanh

\

Thư Quán bản Thảo

TẬP HAI MƯƠI BỐN, THÁNG BẢY NĂM 2006

Chủ đề: Hoài Khanh

Trong số này:

Viết chung: *trang 5:* Phạm Văn Nhân. Trần Hoài Thư. NG~. Trần Bang Thạch. Cao Vị Khanh.

Chủ đề Hoài Khanh:*trang 28:* **Những trang báo cũ:** Phong Nhã. Đặng Tiến. H.T.L. *Lá thư* Phạm Kim Thịnh.

Những bài viết mới về Hoài Khanh: *trang 59:* Hải Phương. Phạm Ngọc Lư. Nguyễn Lệ Uyên.

Trang Thơ và Truyện Hoài Khanh:*trang 80*

Trang văn học thường xuyên:*trang 124*

Đặng Tiến. Trần lam Giang. Phạm Ngọc Lư. Hải Phương. Vũ Hữu Định. Khê Kinh Kha. Hoàng Xuân Sơn. Trần Mặc Hoa Huyền. Đoàn Chính Nam. Đoàn Ngọc Kiều Nga. Từ Thế Mộng. Trang Luân. Võ Đình Tuyết. Lữ Quỳnh. Trần Hoài Thư. Khoa Hữu. Nguyễn Cát Đông. Nguyễn Đức Nhơn. Đạm Thạch. Kiều Mộng Hà. Trần Chấn Hòa. Đặng Toàn. Cao Vị Khanh.

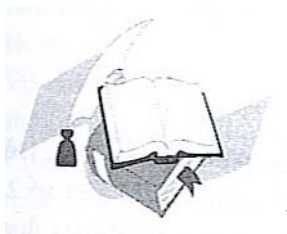
Độc sách:*trang 186:* Phạm Văn Nhân. Tập thơ Ô Cửa của Trần Hoài Thư.

Hình bìa: Trần Quý Thoại

TQBT 25 phát hành vào tháng 10 năm 2006.

Bài vở gửi về: phamvannhan@yahoo.com

Hay: tranhoaitu@verizon.net



VIẾT CHUNG

*PHẠM VĂN NHÀN * TRẦN HOÀI THƯ * NG~
* TRẦN BANG THẠCH * CAO VI KHANH *

Số chủ đề về Hoài Khanh

Phạm Văn Nhân

Chúng tôi dự định làm số chủ đề về nhà thơ Hoài Khanh đã lâu, trước khi làm số chủ đề nhà thơ Vũ Hữu Định (TQBT 23). Nhưng còn phải chờ nhận thêm tư liệu từ anh Hoài Khanh gửi ra. Và, cả tôi cũng như anh HK cũng có ý chờ anh HP về thăm nhà mang ra cho tiện. Nhưng vì bận việc làm, anh HP không về được... Cho đến ngày 31-03-2006 tôi nhận được bao thư đóng dấu bưu điện TP/HCM và thấy tên anh HK ngoài phong bì. Mừng quá, tối hôm đó tôi gọi điện cho anh THT và email về cho anh HK hay là đã nhận được những tư liệu do anh gửi. Gồm: hai tờ báo cũ trước năm 1975 viết về anh; mà đã lâu anh vẫn còn cất giữ.

Cũng như lần làm số chủ đề về nhà thơ Vũ Hữu Định , tôi với anh THT chia nhau đánh máy những bài thơ của anh ấy. Thì hôm nay, những tư liệu viết về nhà thơ Hoài Khanh chúng tôi cũng chia nhau để đánh máy. Mất mũi có kém, nhưng cũng phải ráng ngồi mà gõ trên bàn phím. Tôi gửi qua cho THT đánh máy bài viết của anh Đặng Tiến đi trên tờ báo MAI (10-12-1962) còn tôi lo đánh máy bài viết của Phong Nhã (bút hiệu của anh Trần Phong Giao). Bài viết này đi trên nguyệt san TIN SÁCH, chủ nhật 24-6-1962. Cùng với một vài bài viết ngắn khác. Đồng thời, anh NG~ trong nước cũng hỗ trợ thêm cho chúng tôi những truyện ngắn, thơ của Hoài Khanh mà anh đã cất giữ từ những trang báo cũ.

Báo chưa ra, nhưng có cái vui là anh em bạn bè email tới chúng tôi để hỏi: khi nào thì phát hành chủ đề Hoài Khanh. Đây là một niềm vui “ngất trời” đối với chúng tôi là khi làm số chủ đề về HK đã được sự hỏi thăm của anh em, bạn bè cầm bút, và cho việc làm của chúng tôi là chính đáng; dù TQBT chỉ là một tạp chí văn học : “nghịệp dư” trong làng báo chí ở hải ngoại này, mà được nhiều anh chị em đón nhận. Còn niềm vui và khích lệ nào hơn.

Kèm theo phong thư anh (HK) gửi, còn có một lá thư dài 4 trang trên giấy pelure vàng đầy chữ nghĩa. Quê tôi cũng là quê của anh, cùng trên một dòng Cà Ty chia đôi thành phố PT. Một dòng sông êm đềm, lắng dịu, chẳng bao giờ nổi sóng to gió lớn, một dòng sông ít ai biết đến.... Có lẽ cuộc đời “thơ văn” của anh trầm lặng và không “ồn ào” giống như dòng sông tuổi thơ của anh?

Với Hoài Khanh, ai cũng biết, năm 1957 tập thơ “Dâng Rừng” được xuất bản ở miền Nam, khi anh mới 23 tuổi. Cho dù tập thơ đầu tay chắc không gây tiếng vang bằng tập thơ “Thân Phận” xuất bản năm 1962. Tập “Lục Bát” xuất bản năm 1968. Và sau đó còn nhiều tập khác nữa được đã ra đời.

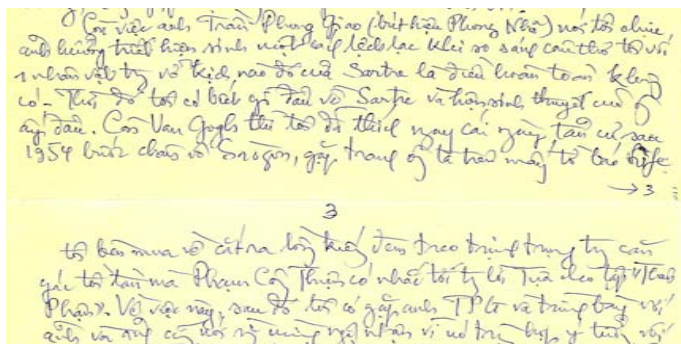
Vào năm 1957, chỉ ba năm, sau khi hiệp định 1954 chia đôi đất nước, phải nói văn học miền Nam trong thập niên 50 cũng chưa có gì là “nở rộ” cho lắm; mặc dù miền Nam có thêm những nhà văn, nhà thơ từ miền Bắc di cư vào. Theo tôi có lẽ vì “biến cuộc” và “cuộc sống” trong buổi giao thời của một Việt Nam chẳng? Nhưng dù gì năm

1957, tập “Dâng Rừng” của một thanh niên miền Nam 23 tuổi được ra đời cũng là một “dấu ấn” trong nền văn học thời bấy giờ.

Với một tác phẩm thơ đầu tay (1957) xuất hiện, anh vẫn có một cuộc sống lặng lẽ như dòng sông Cà Ty của tuổi thơ anh. Nhưng với bản tính ít nói, dè dặt, không ồn ào, cho nên anh không đứng vào một phe nhóm nào trên văn đàn miền Nam lúc ấy (?)(không lăng xê- tán tụng nhau, từ đó không một giải thưởng văn học nào được trao cho Hoài Khanh). Tuy nhiên, không vì thế mà Hoài Khanh không đi vào lòng độc giả. Ngược lại là khác. Chẳng những thơ, truyện, và cả những bài dịch của anh nữa. Nhất là thơ. Độc giả biết về Hoài Khanh qua những bài thơ lục bát rất Hoài Khanh đi trên các báo xuất bản ở Sài Gòn, mà thuở năm 1962 đa phần chúng tôi còn ngồi ghé nhà trường, nhìn nhà thơ Hoài Khanh như “ thần tượng” về lục bát thời bấy giờ và mãi bây giờ.

Nhưng với nhà thơ Hoài Khanh, nhiều người nghĩ anh chịu ảnh hưởng về thuyết “hiện sinh” của Sartre, trong bài viết của anh Trần Phong Giao. (đi trong số ngày) cũng nghĩ như thế. Nhưng trong lá thư anh gửi cho chúng tôi, đề ngày 20-3-2006, anh cho đó là không đúng, và sau đó anh có gặp anh TPG để trình bày, khi ấy anh TPG mới thấy là “ ngộ nhận”. Thật tình theo anh HK nói là anh chỉ thích nhà danh họa Van Gogh. Thích Van Gogh từ lúc anh tản cư sau năm 1954 khi chân ướt chân ráo bước chân vào Sài Gòn.

(scan trang thư của HK)



Chúng tôi đi lại những dòng trên trong lá thư anh gửi cho tôi, như một lần định chánh...

Đồng thời trong số chủ đề về anh hôm nay, chúng tôi đi lại nguyên bản câu hỏi của cô sinh viên Văn Khoa Phạm Kim Thịnh và lá thư của cô sinh viên ấy gửi cho anh vào năm 1970. Theo như anh HK nói với tôi là: anh rất ân hận vì anh đã từ chối cuộc phỏng vấn của cô sinh viên ấy. Và sau biến cố 1975, gia đình cô dùng ghe vượt biển và đã bị bọn hải tặc cướp của giết chết hết. Chúng tôi ghi lại những lời trong lá thư anh gửi “*khiến tôi ân hận*” qua!

Ở hải ngoại, tôi biết anh HP rất thân với anh HK. Năm 2000, anh HP có về thăm nhà, khi qua lại San Jose, anh gọi điện cho tôi nói là có gọi điện thoại cho anh HK từ BH ra Phan Thiết chơi. Những tấm hình mà TQBT đi trong số chủ đề về anh là do album của HP gửi khi chụp anh HK tại nhà của anh TTM, trong khuôn viên đất nhà tôi. Nhìn hình, thấy anh già quá rồi. Tôi có hỏi anh HP, và nghe anh HP nói là anh HK ốm, già và cực khổ, đang đánh lỗ trồng thêm cây bưởi trong vườn... . Những tấm hình đã gợi lại trong tôi của một thời đã từng ngưỡng mộ các anh (HP, HK, TTM...). Bây giờ, tóc người nào cũng

bạc. Nhưng lòng thì chẳng bạc bao giờ, phải không các anh HK, HP và TTM...?

Mong sau, với Hoài Khanh, hôm nay- nếu có- trong Tự Điện Văn Học Việt Nam Hiện Đại. Có tên anh.

Rong bút

Trần Hoài Thư

I.

Có lẽ đây là lần đầu, những bài thơ Vũ Hữu Định được đọc lên nơi đất Mỹ. Những bài thơ mới được sưu tập, được Thư Ấn Quán xuất bản, nay mới được dịp chia sẻ cùng nhau. Từ Biên Trấn Ca đến Một Nơi Nào Để Nhớ Để Thương. Và những tâm tình chân thành nhất mà chủ gia, nhà thơ Võ Đình Tuyết đã bày tỏ: Mong rằng đêm nay là đêm Vũ Hữu Định. Đêm chúng ta trân trọng Vũ Hữu Định.

Đêm thơ không chuẩn bị, không sửa soạn, không quan khách. Đêm thơ đến rất tình cờ khi chúng tôi họp mặt tại nhà anh chị Võ Đình Tuyết. Mà cần gì chuẩn bị đình đám. Bởi trong chúng ta, ai lại không một lần nghe Phố Núi cao phố núi đầy sương hay Em Pleiku má đỏ môi hồng/ Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông. Nên tóc em mượt nên mắt em ướt...

Trước hết, Võ Đình Tuyết và Phạm Tấn Phước bắt đầu bằng bài hát mà Phạm Duy đã phổ thơ. VĐT đệm dương cầm. Còn PTP thì đệm Tây Ban Cầm. Cả phòng nín thở. Hai anh đã hát xuất thần. Có lẽ hai anh đã dành tất cả con tim về một người mà hai anh đã trân trọng.

Tiếng hát đẩy đưa chúng tôi về một thành phố núi, trong thời chiến tranh. Có gì ở đó không, trừ bụi đỏ và nắng lửa cùng những cơn gió Lào khô khốc. Có gì ở đó không trừ tiếng dội âm âm của trọng pháo hay phi cơ phản lực xé mây. Có gì ở đó không, trong cung đình kia, có câu lạc bộ Phương Hòa người ta du hí, trong khi những người lính cấp thấp phải cam khổ không thấy cả mặt trời vì phải chui rúc trong hầm tránh pháo. Không có gì cả. Chỉ có bầu không khí chuẩn bị chiến tranh và bị ảnh hưởng của chiến tranh. Chỉ có thành phố của lính. Đủ sắc phục. Đủ binh chủng. Thế mà ta lại yêu nó. Yêu bởi vì có thơ Vũ Hữu Định. Có nhạc Phạm Duy.

Thời ấy, lính miền cao cô độc và cũng gian khổ lắm. Xung quanh chỉ núi và rừng, dưới thấp là lũng tranh, lũng cỏ, xa hơn là những cuộn khói bốc lên từ những nương rẫy, nhưng cũng đầy những đôi mắt của âm binh rình rập. Khó lắm mới được cơ hội theo một chuyến bay về Kontum hay Pleiku, vì đường bộ nguy hiểm. Những câu thơ Nguyên Sa trở thành một xa xỉ phẩm. Những câu thơ của Quang Dũng trở thành một chuyện xa vời không tưởng.

Chỉ có những Vũ Hữu Định, Nguyễn Tất Nhiên, Linh Phương, Nguyễn Bắc Sơn hay Trịnh Công Sơn mới có thể "cảm" được. Bởi vì họ cùng một một lửa bên trời lặn đặng, cùng nỗi buồn ta hồng tú tài ta đợi ngày đi đau lòng ta muốn khóc. Nỗi đau của họ là nỗi đau chung. Vui buồn hạnh phúc của họ là vui buồn hạnh phúc chung.

Căn phòng cùng chảy với lời thơ và tiếng hát. Đêm tháng tư năm nay trời vẫn còn lạnh. Nhưng ở trong này đã đầy ngập những ngọn gió tình thân. Ấm áp lắm. Như thơ tình của Vũ Hữu Định

II. Có những câu thơ sau khi đọc rồi, vẫn còn in giữ trong tâm trí. Hơn thế nữa chúng được xem như một niềm an ủi, hay một tâm sự của mình cần gỡ gắm. Nhưng cũng có những câu thơ thật hay vô cùng, tuyệt vời vô cùng, như áo bào thay chiếu anh về đất/sông Mã gầm lên khúc độc hành, nhưng cổ sao hình như đối với tôi, chúng không làm tôi "cảm" được. Có lẽ vì chất liệu và kinh nghiệm của bản thân nhà thơ Quang Dũng không phải là kinh nghiệm và chất liệu mà đám trẻ thuộc thế hệ chúng tôi. Những điển tích như da ngựa bọc thây hay áo bào có vẻ phù phiếm quá chăng?

Bởi vậy, khi đọc lại những bài thơ cũ của bạn bè trên các tạp chí miền Nam như Văn, Khởi Hành, lòng thấy bồi hồi không tả. Đọc và thương cho một thế hệ. Thiệt thời. Mất mát. Và bao nhiêu oan khiên phủ chụp.

Thử hỏi nếu không có đám trẻ chúng tôi, liệu những tờ báo văn học có thể tồn tại ?. Từ số lượng người đọc đến số lượng người viết.

Đất nước họ cống hiến. Văn học họ cống hiến. Thiệt thời họ nhận lãnh. Và cuối cùng họ nhận được gì?

Không. Không có gì cả.

III.

"rồi em lại ra đi như đã đến"

*dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù
ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu"*
(trích từ tập thơ Thân Phận)

hay:

*Bến sông này, bến sông này
Trắng xưa lạnh xuống hàng cây gục đầu
Người xưa chừ biết về đâu
Này trắng gió cũ này câu già từ...*
(trích từ tập thơ Thân Phận)

Những câu thơ mà có lẽ những người yêu thơ thời trước 1975 không ai lại không yêu mến.. Chúng mang cái âm hưởng rất đặc biệt : đọc là biết ngay của Hoài Khanh.

Sự đóng góp về văn học, văn hóa của Hoài Khanh vào giòng văn học miền Nam không phải là không nhỏ. Từ thi ca đến dịch thuật, đến nhà xuất bản Ca Dao do ông chủ trương với những tác phẩm dịch rất giá trị từng được coi là gối đầu giường của giới trẻ thời bấy giờ của Hermann Hesse hay Krisnamurti v.v...

Nhưng có điều thật lạ, là không được một tạp chí văn học thời bấy giờ trân trọng dành cho ông một vòng hoa trang trọng

Chính vì không hiểu nổi nên tôi mới gửi 6 câu phỏng vấn về HK ở trong nước. Đầu tiên ông hứa là trả lời.

Nhưng rồi sau đó, ông lại gửi thư xin lỗi. (PVN có cho đi lại lá thư này) . Hiện tại ông vẫn sống ẩn dật cùng công đất vườn rau như ông đã sống từ sau năm 1975. Riêng

tình trạng sức khỏe thì đã sa sút, không còn minh mẫn như trước nữa.

Ông vẫn làm thơ. Và tập thơ mới nhất là Hương Sắc mong manh mà Thư Quán Bản Thảo đã đăng rải rác và xuất bản.

Thư Quán Bản Thảo tập 24, chủ đề viết về Hoài Khanh như là tấm lòng của chúng tôi, những người viết trẻ của thời trước 1975. Ngày trước, vì hoàn cảnh đất nước, vì chiến tranh lính tráng, dù gần ông, nhưng không làm được. Bây giờ làm được, thì lại xa ông vạn dặm.

Chỉ mong tập này được đến tay ông để chứng tỏ tấm lòng của chúng tôi về một người đã cống hiến cả cuộc đời cho văn chương chữ nghĩa, cho thi ca Việt Nam.

IV. Để chủ đề về Hoài Khanh được phong phú, đặc biệt để quý bạn có cái nhìn rõ hơn về tập thơ Thân Phận, chúng tôi đã cố gắng lái xe lên đại học Cornell để sưu tập và sao lại tập thơ này cùng với tập thơ nhan đề Lục Bát của ông.

Đồng thời chúng tôi cũng đã ấn hành tập thơ mới nhất của Hoài Khanh là tập Hương Sắc Mong Manh. Thi tập này vốn được thầy Thanh Tuệ của An Tiêm dự trù in, nhưng thầy đã qua đời. Và tập thơ Gió Bắc Trẻ Nhỏ Đóa Hồng Và Dế. Tập thơ này được nhà thơ Khê Kinh Kha giữ gìn hơn ba mươi năm và tặng lại chúng tôi.

Sau đây là những tác phẩm mới được Thư Ấn Quán sưu tập và ấn hành trong thời gian qua:

1. **Một Thời Ý Thức**, dày 260 trang. Tuyển truyện sưu tập từ tạp chí Ý Thức trước 1975 của các tác giả trẻ của

miền Nam: Trần Hữu Ngũ * Nguyên Minh * Lữ Kiều *
Lữ Quỳnh * Hồ Thủy Giũ * Châu văn Thuận * Hồ Thanh
Ngạn * Trần Hữu Lục * Võ Tấn Khanh * Trần Hoài Thư *
Nguy Ngũ * Nguyễn Mộng Giác * Trần Duy Phiên *
Phạm Ngọc Lư * Nguyễn Lệ Uyên * Mường Mán * Thế
Vũ * Kinh Dương Vương * Hồ Minh Dũng * Vũ Hữu
Định * Phan Tấn Uẩn * Lê văn Thiện * Mang Viên Long

...

2. Thơ Vũ Hữu Định tập II thêm 40 bài mới được sưu
tập để cộng vào **Thơ Vũ Hữu Định** (80 bài) do Thư Ấn
Quán sưu tập và xuất bản vào tháng 4-2006 trước đây.

3. Thân Phận của Hoài Khanh (copy lại từ lần tái bản
thứ ba, 1973)

4. Lục Bát của Hoài Khanh (copy lại từ tập xb năm 1968
)

5. Gió bắc Trẻ nhỏ Đóa hồng và Dế thơ Hoài
Khanh(copy lại từ tập gốc do Ca dao xuất bản 7/1970)

6. Hương sắc mong manh của Hoài Khanh (tập thơ mới
nhất của HK)

Vì các tác phẩm này được in theo phương pháp Book-
On-Demand (in theo nhu cầu) nên quý bạn nào muốn
được biếu tặng xin vui lòng cho chúng tôi biết để chúng
tôi in và gửi đến quý bạn.

Xin cứ cho chúng tôi biết. Đừng ngại. Nói theo Bùi
Giáng: *Vui thôi mà.*

Chúc quý bạn những ngày êm đềm và an lành.

Cà Kê...chuyện văn chương

Ng~.

1/ Bài diễn văn đọc tại Viện Hàn Lâm Thụy Điển (tại buổi lễ nhận giải Nobel văn chương) có nhan đề “Văn học đích lý do”, Cao Hành Kiện đã nhấn mạnh đến vai trò của nhà văn, như là một con người mẫn cảm và tác phẩm văn học tự thân là sự khẳng định của con người về giá trị của bản thân, nó không bị ràng buộc bởi những lý do chủ quan được đưa ra từ một phía, từ chủ đích và ý đồ của một nhóm người chuyên chế mà hệ quả khủng khiếp là bóp chết sự sáng tạo của mỗi cá nhân nhà văn, đưa tới sự còi cọc xác xơ của một nền văn học “khủng bố”. Ông cho rằng: *“nhà văn chỉ là một người bình thường, có lẽ mẫn cảm hơn, mà người quá mẫn cảm thường lại yếu đuối hơn. Một nhà văn không lấy mình làm người phát ngôn của nhân dân, hoặc hóa thân của chính nghĩa, thì tiếng nói ấy chẳng thể nào không nhỏ nhoi yếu ớt; tuy nhiên chính tiếng nói của loại cá nhân ấy lại càng chân thật. (.) văn học cũng chỉ có thể là tiếng nói của cá nhân, mà vốn xưa nay vẫn thế. Văn học một khi uốn thành tụng ca của quốc gia, kì xí của dân tộc, mệnh lệnh của chính đảng, hoặc phát ngôn của một giai cấp hoặc một tập đoàn, cho dù có thể vận dụng thủ đoạn tuyên truyền, mở rộng thanh thế, rợp trời kín đất chi nữa, cái loại văn học đó cũng chôn vùi mất bản tính, không thành văn học, mà biến thành công cụ của quyền lực hoặc lợi ích”.*

Phải chăng chính sự “mẫn cảm” và “yếu đuối” ấy mà nền văn học Trung Quốc từ sau Cách mạng Văn hóa đã xòe những đài hoa rực rỡ với nhiều tác giả và tác phẩm

vượt lên màu “kì xị” như *Một nửa đàn ông là đàn bà* của Trương Hiền Lương, *Phế đô* của Giả Bình Ao, *Báu vật của đời* của Mạc Ngôn, *Diên cuồng như Vệ Tuệ* của Vệ Tuệ. Những đồn nén, xô đẩy của xã hội lên từng cảnh đời, từng thân phận như thể đang đè bẹp từng cá nhân dấn ép xuống mặt bụi bặm khiến cho nhà văn luôn tìm cách trỗi dậy từ bản năng tự do, để trước hết tìm sự quân bình trong tư tưởng đồng thời như là cách tự khẳng định cá nhân bất chấp mọi thách thức đưa tiếng nói chân thật tự đáy lòng sâu thẳm đi xa hơn, vang xa hơn, vang động cả đất trời?

Đọc các tác phẩm trên, độc giả có thể yên lòng vì tính chân thật của cảm xúc, nói lên được những điều cần nói mà không dối lòng, không gào rống kiểu văn học phát ngôn.

2/ Với xứ ta thì không, một loạt các tác phẩm văn học xã hội chủ nghĩa hầu hết là chữ nghĩa một chiều, dằn nén cảm xúc, bản năng tự do của người nghệ sĩ để nói và viết những điều không thật. Họa hoàng lắm mới có được vài tác phẩm nhưng với tối sự tự do hoàn toàn thì chỉ mới đi chừng một nửa đoạn đường. Đó là nỗi buồn. Nỗi buồn thâm thúy của một nền văn học sắp đặt, cố công vun đắp. Chính cái anh chính trị đã thò tay bóp chết anh nghệ sĩ. Và vì vậy sự sáng tạo đi đến chỗ hụt hơi là phải. Chỉ mới có một tác phẩm nhỏ, phơi bày những điều vụn vặt trong cuộc sống thôi, liền bị lên án, như thể tác phẩm và tác giả là những tập hợp phá hoại có ý thức. *Cánh đồng bất tận* đã âm ỉ kiểu đó khiến người “đẻ” ra nó và giới nhà văn đều lắc đầu ngao ngán.

3/ Nhớ ngày nào Thư Quán Bản Thảo ra số đầu tiên với sự cố gắng tập hợp trong chừng mực có thể để có một tạp chí văn học theo đúng nghĩa như nhóm chủ trương mong muốn. Giống như một đứa trẻ, cứ chập chững lẫy, bò, tập đi và hôm nay là chạy, là mang vác gánh gồng. Nhiều khi ngồi bên nhau, chúng tôi tự hỏi nhau, vì có gì mà nhóm chủ trương bỏ công sức, tiền của, nhiều khi thức đến trắng đêm để sửa morasse, để layout, in, đóng xén rồi chất lên xe mang ra bưu điện gửi đến từng độc giả, thân hữu mà không có đồng thù lao, lương lậu gì ráo trọi. Trong khi bên nhà, hầu hết các nhà văn đều là công chức, công chức văn nghệ thì bảo sao họ không xúm nhau để rống gào.

Oi, rồi sẽ ra cái giống gì nữa đây, khi mà những cái bóng đen tổ tiên cứ vén bức màn đỏ lù lù tiến ra hăm hiếp con cháu?

Những trang viết từ Houston:

Tháng tư, tháng năm mươi mà tình nghĩa

Trần Bang Thạch

Bạn thân mến xa xôi,

Bây giờ là những ngày cuối của Tháng Năm. Cái nắng Houston cũng đang bắt đầu gay gắt, nhiều hôm nhiệt độ lên đến trên 90 độ F. Mùa bão cũng đang bắt đầu ở vùng Vịnh Mỹ Tây Cơ này. Người ta nói Houston nắng nóng nhưng tình nồng. Cái nóng của Houston thì tôi đã thấy và

đã quen từ 26 năm nay rồi. Còn tình nồng thì cũng thấy mặt vài lần. Mỗi lần một khác. Nhớ hồi mới chân ướt chân ráo đến nhận Houston làm quê hương thứ hai; đến giữa đêm Đông lạnh giá, vợ chồng con cái trùm khăn, trùm mền, ngồi chụm nhum cho đỡ lạnh, chờ sáng. Ai cũng thấy cái máy nóng ở ngay đó mà không tài nào làm cho nó tỏa hơi nóng. Làm gan đập cửa nhà hàng xóm. Người hàng xóm già, đen như cục than bước vào nhà, chỉ một vài cái ấn, vài cái vắn, hơi nóng đầy nhà. Cục than hàng xóm là tình nồng đầu tiên tôi gặp giữa cái lạnh cắt da ở đây. Cho nên không bao giờ quên được. Cũng không quên được cái tình nồng đến với tôi giữa cơn mưa bão mấy năm trước. Đêm đó mưa to, gió lớn, ráng bơi cái xe về nhà, xe như cái chén chun trôi giữa đại dương. Chuyện không tránh được, cái xe con lọt xuống hố dưới dốc một cây cầu cao; nước đổ xuống như thác. Xe gần trôi xuống vực thì một cái xe to dừng lại, người tài xế nhảy ra khỏi xe, nhanh nhẹn móc dây xích giữa hai chiếc xe. Trong tích tắc, xe tôi được kéo tới vùng đất cao. Máy xe vẫn còn nổ. Người thanh niên tháo dây xích, vẫy tay chào rồi lên xe đi mất, cũng nhanh như lúc đến, để lại nụ cười đầy nước mưa. Không biết tên người thanh niên và cũng không nhìn rõ được mặt, nhưng biết thêm mặt mũi của một tình nồng trong cơn giông bão.

Bạn thân mến,

Tháng Tư và tháng Năm vừa qua tôi biết mặt thêm những tình nồng mới. Những tình nghĩa vượt mà. Kể cho bạn nghe vì nó ít nhiều liên quan tới bạn. Mà ví dù như không có liên quan thì chắc cũng không sao, vì nó không làm hại ai cả; có khi còn làm cho người ta vui lây. Chia

cho nhau một nụ cười cũng cần lắm trong cái cuộc đời mỗi ngày một hiếm niềm vui này, phải không bạn?

Những Tình Nồng có mặt trong Tháng Tư, Tháng Năm ở đây là những nghĩa tình có liên quan tới học trò, tới trường, tới lớp. Bạn thì không biết sao, chớ tôi mà mỗi lần nhắc tới trường, tới lớp thì tự nhiên thấy mình trẻ ra!

Trung tuần Tháng Tư vừa qua, tôi gặp những người cựu Việt Nam Học Đường. Ngôi trường tư, nhỏ so với nhiều tư thực khác cùng thời, nằm trên đường Đặng Tất, vùng tân Định này thì chắc chắn bạn còn nhớ. Bạn và tôi đã từng dạy ở đó khoảng giữa thập niên sáu mươi, thuở mình đang học Văn Khoa. Bốn mươi năm rồi còn gì! Có lẽ bạn không nhớ rõ được hình dáng ngôi trường, nhưng cây bông giấy cao trước cổng trường, có bông tím quanh năm, gặp dịp nhắc lại thì mình nhớ ngay lập tức. Lộp lộp thời gian trên đường dong ruổi, tưởng ngôi trường nằm yên trong ngăn kéo ký ức. Vậy mà không. Sau bốn mươi năm, những người từ ngôi trường đó mà ra đi, những người muôn năm cũ, đã gặp nhau tại cái xứ Houston nắng nóng tình nồng này. Trong ý nghĩa nào đó, Đêm Hội Ngộ của hơn năm mươi Cựu Việt Nam Học Đường và trong suốt những ngày đi du ngoạn chung là những ngày vui, những ngày hạnh phúc. Ly hương ngộ cố tri thì không vui sao được. Những giáo sư, những người học sinh những năm đầu trường khai giảng cũng có mặt. Sáu bảy mươi tuổi hết rồi. Vậy mà vẫn nói cười như tuổi trẻ. Vẫn hát hò, vẫn "Let's twist again" trên sân khấu, vẫn vui đùa nơi công viên xứ người như thuở mười bốn, mười lăm nói cười rộn rã trong sân trường năm xưa.

Nói như vậy thì chắc bạn cũng không hình dung được những ngày vui nó như thế nào; nhưng bạn vốn là một

phần tử của ngôi trường cũ, có lẽ bạn cũng thấy động lòng và thấy vui theo chúng tôi. Biết đâu thư sau gửi cho tôi bạn sẽ hỏi tôi xem một người nào đó có mặt những hôm ấy không. Chẳng hạn như bạn hỏi về người con gái Út của Thầy Giám Đốc, người phát ngân viên trẻ, đẹp và tử tế của trường. Bạn ạ, chị đã vĩnh viễn ra đi gần ba mươi năm rồi. Dàn bông giấy xưa cũng không còn. Có mất mát mới thấy những gì còn lại là quý.

Rồi giữa tháng Năm, một dự án in thơ của vị thầy cũ được bắt đầu từ xứ nắng nóng tình nồng nầy. Nhắc một chút xiu thì bạn nhớ ngay: Thầy là giáo sư toán kỳ cựu, bị chứng mất ngủ từ ngày mới về Cần Thơ, dạy toán các lớp đệ nhị cấp trường mình vào đầu thập niên sáu mươi. Thầy đã hưu trí, hiện ở Sài Gòn, trên bảy mươi, nay đau, mai yếu, nhưng hồn thơ thì lai láng. Nhiều tháng nay được đọc những bài thơ thầy liên tục gửi ra bằng email, có nhiều đồng nghiệp của Thầy, có người đã từng học với Thầy, có người không, thậm chí có người chưa hề biết Thầy, từ nhiều nơi, đã cùng nhau góp mỗi người một ít giúp Thầy trong cơn đau yếu và thực hiện việc in tập thơ của Thầy. Chỉ trong một tuần phát động Dự án tiến hành thuận lợi và tốt đẹp không ngờ. Thư Thầy gửi ra, nói rằng Thầy không bao giờ dám nghĩ rằng sẽ có tập thơ của mình in ở hải ngoại; và Thầy cũng không nghĩ đã có rất nhiều những tấm lòng quá tốt đến với Thầy. Đến từ những nơi thật xa xôi. Đến từ những người Thầy chưa hề biết mặt. Đến từ khoảng thời gian mấy mươi năm xa cách. Xa mặt mà không cách lòng.

Bạn thân mến,

Tưởng tượng bạn cũng có thể thấy trước mắt mình niềm hạnh phúc đã đến với mọi người. Hạnh phúc nầy đâu

phải khó kiếm, phải không bạn?

Bạn thân mến,

Bạn đã thấy trong thời gian qua, Thư Án Quán đã sưu tầm rồi in những tập truyện, những tập thơ của các cây viết đã một thời vang bóng ở Miền Nam. In rồi gửi về quê nhà hay gửi tặng những người biết thương yêu văn chương chữ nghĩa. Việc làm vô vụ lợi. Nếu có lợi nào thì cái lợi chính là niềm vui và niềm hạnh phúc. Các tác giả dù còn hay mất chắc cũng hiểu rằng những nghĩa tình văn chương đã có mặt qua những tác phẩm này.

Mong được chia xẻ những nghĩa tình này với bạn, bạn thân mến xa xôi.

tháng năm ở Cali...

Cao Vị Khanh

Khi tôi tới Cali lần này mùa xuân đang hồi diễm lệ. Con đường One-O-One (gọi theo người ở đây) ngược lên hướng bắc chạy vắt qua những đồi cỏ mượt, leo những đoạn đèo vắng vắng sương mù như thứ hơi thở rụt rè của người nữ gọi thức tình nhân buổi sớm. Cảnh vật lãng đãng màu tranh thủy mặc. Người qua đó lòng cũng nhẹ bâng. Ngày lên hay ngày xuống mà đời bỗng thôi huyền ảo. Thử nghĩ trên một chót đỉnh cô phong, một cội tùng đã cổ... Dưới xa những lũng thấp mở ra, âm ập lượm bao dung... Khí trời thông dong làm nhớ đến giấc mơ Tăng Nghi. Lòng ràn rụa mối thâm ân trời đất. Những cơn mưa dầm của mùa-đông-mới-đó đã thay hấn bộ mặt rám vàng của Cali trong trí tưởng. Mùa này, cây cỏ hoa lá mặc tình. Mùa này, phố xá đông vui.

Đất đai, phong thổ Cali hẳn dĩ người rất hậu. Người Việt tụ về đó từ một ngẫu nhiên giờ an bài thành định mạng. 30 năm ăn nên làm ra, chợ búa phố xá mới tỉnh, hàng quán nhộn nhịp, xe cộ bóng loáng và người, người ngơ ngác từ cơn thất tán, người xác xơ từ cuộc bại vong, ra vô đi lại, hân hoan tự tin và tươi rói ... như vốn sanh ra và lớn lên trên một vùng đất chưa từng có thống khổ. 30 năm kể ra đủ dài cho một cuộc sống yên phận thủ thường nhưng lại quá ngắn cho một cuộc đổi đời toàn diện. Lấy 30 năm làm thước đo cho đời một người bỏ chạy làm dân mất nước và một người chọn (bị) ở lại làm chủ (?) một đất nước có đầy đủ chủ quyền, đủ để thấy sự bám víu vào thứ chủ nghĩa mạt vận đó là một hành vi vừa bất trí vừa bất nhân. Sự thật đã rành rành ra đó. Cái khung chính trị để phát triển toàn diện đất nước và con người chỉ có thể là ý thức tự do chân chính. Mọi thứ giải thích lập lờ cong queo chỉ là ngụy biện. Và còn là một tội ác đối với nhân loại vì đã cố tình dìm chết mọi toan tính làm-người với đầy đủ phẩm tính con người.

Ba mươi năm rồi, sự phồn vinh ở đây và ở đó cũng đã được thống kê bằng những con số. Tuy nhiên còn một thứ phồn vinh không thể cộng trừ nhơn chia, đó là thứ hạnh phúc hồn nhiên trong cái nhìn thẳng hay tiếng cười dòn, biểu hiện cho một đời sống an lành, sung mãn và tự tin vào dự phóng tương lai. Người Việt phồn vinh ở Cali khác người Việt phồn vinh (?) ở Việt Nam chính là ở chỗ đó. 30 năm đã chứng tỏ sự thật và đối trá cách biệt nhau như cái biển Thái Bình mênh mông nằm ở giữa.

Mùa xuân này tôi đến Cali khi tháng tư vừa qua được mấy ngày. Trời Cali trong xanh, giữa trưa vàng hoe nắng, y như

quê tôi những ngày trở hạ. Lòng thấy vui như về lại chỗ thân quen. Ghé chợ Bolsa, vào những hàng quà vặt, uống lại ly nước mía ngọt xớt, nhấp miếng bánh khọt béo ngậy, gọi tô phở với đĩa rau xanh mượt xum xuê và nhất là những lá rau cần gai cứ làm nhớ tô phở Hiền Vương những ngày sinh viên ăn phở thay cơm, húp chén nước xúp hủ tiếu Mỹ Tho dậy mùi tôm khô y như hủ tiếu lè đường Chợ Cũ những sớm mai ngai ngái mùi lá me mới rụng... Bỗng dưng thấy quê hương đầy mùi vị làm cảm động đến tận ngần.

30 năm đứng lại góc quê nhà giữa một vùng đất trời lạ lẫm phải kể là một kỳ tích. Dù hàng cọ không lả lả ngọn như hàng dừa, dù bông magnolia không phơ phất như bông trang, dù kiến trúc phải thích ứng vào điều kiện phong thổ ... vẫn là một chỗ để đi đi về về của hàng triệu người Việt tha hương. Bởi vì thật ra nhà cửa phố xá chỉ là mặt nổi mà tâm thức Việt Nam mới chính là nổi lòng.

Little Saigon.

Đứng giữa Sài-gòn-nhỏ một buổi trưa tháng năm, bỗng giựt mình đến bàng hoàng nghe ra tiếng người gọi nhau rôm rả, rất giọng lục tỉnh, trơn trượt một chút ngọt ngào cứ y như buổi trưa nào đứng ăn đậu đỏ bánh lọt góc phía nam chợ Bến Thành, chỗ con đường Lê Thánh Tôn chạy qua. Chèn-ơi-di-đâu-mà-như-ma-bắt-ông-vãi-dzậy-chị-năm-làm-tui-theo-muốn-hụt-hơi-hà. Ngoảnh lại, hai người đàn bà quần (lãnh?) đen bóng mượt, áo bà ba vải bông, và trên đầu, trên đầu... là hai cái nón-lá che khuất mặt vừa gọi nhau ới ới vừa kéo nhau đi vội qua ... quá vội làm tôi không kịp nhìn rõ dưới chân có phải là hai đôi guốc đồng... ?

Ôi... nắng Cali bỗng dừng mà chợt mát

Bởi vì ai đội nón lá khum khum (1)

Người Việt đến ở đâu cũng mang theo cái lối đi đồng
đánh, cái lối nói xẩn xả mà thân mật, cách giao tế lễ mễ
nhưng ấm cúng... cùng với mở hành nghề tối ốt húng lủi
húng thơm tô phở chén cháo hội hè đình đám... nhưng chưa
ở đâu bằng ở đây, với số lượng người đông đảo nên sàng
lọc được lắm tinh hoa, đã làm dậy lên được một thứ hơi
hướm rất Việt Nam. Đứng ở đó, giữa trưa tháng năm Cali,
thấy lại Việt Nam, lòng vui rồi chợt buồn khan.

Trong một thoáng có ngón tay nào khều nhẹ vào miệng
vết thương tưởng đã lành. Và bỗng chốc cái tháng tư vừa
mới qua như muốn quày trở lại. Quày trở lại trên hàng lá
cờ vàng ba sọc đỏ treo đầy hai bên những con đường chính.
Người ở đây vừa mới kỷ niệm quốc hận ngày 30 tháng 4
tuần trước. Lễ lạc xong rồi. Một chút ngậm ngùi gói cất lại
đội năm sau. Những năm sau... và còn bao nhiêu năm sau
nữa. Người ta phải trở lại với công ăn việc làm, bốn mớ
gia đình, chăm chút người yêu... Chỉ còn hàng cờ vàng bay
lất phất trong gió trở chiều đã bắt đầu thấm lạnh.

Vâng, thì cũng chỉ còn là những lá cờ kỷ niệm. Mà kỷ
niệm nào thì không buồn nhất là thứ kỷ niệm dính đầy
xương và máu. Máu của bạn và thù. Máu của niềm tin và
của bội phản.

Ban này, lần đầu tôi được viếng khu tượng đài chiến sĩ ở
một góc phố Westminster..... Hai bức tượng đồng cao ngút,
đường dao khắc tạc sắc lẹm, dựng thẳng đứng trên bệ cao
như hai cổ tháp đen từ một bình yên phẳng nhoi lên xé toát
cái góc trời còn đang xanh im ỉm trong mắt người vừa đi
trở tới. Trưa đứng bóng. Tượng thì lừng lững bất động. Hai

lá cờ thì cứ phấp phật theo gió động đập không ngừng. Sự đối nghịch hổ tương của hai thế "động" và "tĩnh" phá vỡ cái bố cục rất cân bằng của toàn cảnh để từ đó thoát bay ra cái hơi trầm uất của một giai đoạn lịch sử gần như muốn bị bỏ quên. Ngẩng mặt nhìn lên, hai bức tượng lung linh đằng sau ngọn lửa thiêng vẫn đang tiếp tục cháy trong chiếc đỉnh đồng kê chính giữa vòm đài bán nguyệt. Cả hai người lính trẻ, một Việt một Mỹ, dáng hăm hở quyết tâm, ngực ưỡn như thách đố. Cả hai, trông thế đứng ngửa mặt, vai ngang, hai cặp mắt đăm đăm cùng nhìn về một hướng biểu lộ một sự đồng tình tuyệt hảo. Cả hai, mỗi người từ vị trí chiến đấu ở cấp thấp nhất của mình trong cuộc chiến thực sự 30 năm trước chắc cũng đã thực tâm nghĩ vậy về ý nghĩa keo sơn của tình liên kết minh thệ.

Nhưng cuối cùng, lịch sử đã diễn ra trái hẳn với những lời rao giảng.

Sau khi có gần sáu mươi ngàn quân lính tử trận, người Mỹ tìm mọi cách để rút chân ra khỏi cái mà họ gọi là vũng-lầy-việt-nam. Bằng mọi cách kể cả cách bán đứng những người lính đã từng cùng họ chiến đấu cho cái lý tưởng (!) mà cho tới giờ này họ vẫn còn tiếp tục tự nhận cái sứ mệnh đem truyền bá khắp nơi. Và bằng bất cứ lý do nào khi họ trả mọi giá nuôi dưỡng cuộc chiến tranh đó (kể cả lý do VN chỉ là cái cớ để những đại cường thương thảo cho một cuộc xích lại gần nhau...) thì lời nhận định sau đây của nhà văn Phan Nhật Nam trong bài viết "Đồng Minh "không" tháo chạy" đăng trong Hợp Lưu số tân niên Bính Tuất phải kể là ráo cùng tình lý của hai chữ "đồng minh" *".... mối tương quan liên hệ giữa hai quốc gia bị so kè từng đồng bạc một. Việc so sánh 300 triệu quân viện trợ của tháng 3, tháng 4/ 1975 đối với tồn tại của một quốc gia từng gọi là đồng minh với giá máu 58.000 mạng sống bình*

*sĩ Mỹ (và bao nhiêu mạng sống của người lính miền Nam?
và dân miền Nam ? * lời người viết thêm vào) trong mười
lăm năm chiến trận mang hình thức một lời nguyện rửa tìn
tội mà lịch sử hôm nay phải nhìn lại với mỗi trách cứ ngậm
ngùi..."*

Đứng ở đó, trưa tháng năm, dưới tượng đài hai người lính
chết trận vô danh, ở một nơi cách biệt chiến trường cũ dài
hơn độ dài của quên lãng, khi mùa xuân đang ở hồi diễm
lệ, tôi tự hỏi sự hy sinh của họ (trong cái nghĩa chất phát
nhất của hai chữ hy sinh) có ý nghĩa gì không...

... khi mà cũng trong tháng năm này, tin tức về chuyến
viếng thăm VN của nhà tỷ phú Bill Gate được đưa lên
trang đầu của những tờ báo ở đó kể cả những tờ báo đang
thúc giục cả nước tiến nhanh tiến mạnh lên xã hội chủ
nghĩa

... cũng trong tháng năm, những chuyến đi đi về về từ Hà
Nội qua Washington để tìm sự ủng hộ của Hoa Kỳ trong
việc xin gia nhập tổ chức Thương mại thế giới của VN

... vẫn trong tháng năm, có tin ông bộ trưởng quốc phòng
Mỹ sẽ chính thức viếng thăm VN

.....

Giả sử như không có cuộc chiến tranh đó, mọi sự có tuần
tự diễn ra như thế đó không ?

Giả sử như không có cuộc phản bội đó, có một Little
Saigon khang trang và là niềm kiêu hãnh cho người dân
Việt lưu vong không ?

Và có cần không, niềm kiêu hãnh đó ?

(1) thành thật xin lỗi thầy Nguyễn Sa , mà tại thơ tình của thầy hay đến
thuộc lòng !

CHỦ ĐỀ HOÀI KHANH



(Hoài Khanh qua nét vẽ Đinh Cường. Đà Lạt 5-62)

NHỮNG TRANG BÁO CŨ

* PHONG NHÃ (TRẦN PHONG GIAO) * ĐẶNG
TIẾN * H.T.L * Lá Thư của PHẠM KIM THỊNH *



(Bìa tập thơ Thân Phận)

Tác Phẩm, Tác Giả và Công Chúng

(mục này mở ra dưới sự bảo trợ của Trung tâm Văn Bút Việt Nam)

THÂN PHẬN

THI PHẨM của HOÀI KHANH

Bài của Phong Nhã (*)

Thân Phận là thi phẩm thứ hai của nhà thơ trẻ tuổi Hoài Khanh. Sách do tác giả xuất bản, dày 100 trang, khổ 13x19. Kiểu chữ Romain, thân 10, in trên giấy vergé. Bìa do Đinh Cường vẽ, in một mẫu trên giấy Ingtes, khá đẹp. Các hiệu sách bày bán với giá 32 đồng.

Tuyển tập gồm tất cả 50 bài thơ ngắn mà gần nửa viết theo thơ lục bát. Phần nửa khác, viết theo nhiều thể thơ mới, có khá nhiều bài là thơ tự do.

oOo

Trong thơ của những người trẻ tuổi hôm nay, có nhiều hình ảnh đã trở thành khuôn sáo. Điển hình nhất là cái không khí ngột ngạt, của đô thành với những *ghế đá công viên, cột đèn đại lộ, những vòng khói thuốc, những ly cà phê đen, những cung thanh êm ái của điệu kèn trompette...*những hình ảnh ấy phản ánh một cách sâu đậm cái tâm trạng rã rời của những anh hùng thất vọng.

Hoài Khanh cũng là một nhà thơ trẻ. Hơn thế nữa, anh còn được Phạm Công Thiện, người viết bài đề tựa, giới thiệu như một *hình ảnh bi đát của cuộc đời, của con người, của một kẻ bị đẩy giữa bãi đất hoang tàn của nghĩa địa trần gian*. Vì vậy, chúng ta không ngỡ ngàng gì khi gặp người thơ qua:

*“ Một ly cà phê đen nói về Van Gogh
Một ly cà phê đen nói về tương lai”.*

Nhưng không vì thế mà chúng ta tránh khỏi ngạc nhiên khi được nghe nhà thơ tâm sự.

“ tôi đi vào đường trí viện Biên Hòa học hạ uy cầm để tìm màu Van Gogh” (Trọn, trang 26)

Kể từ ngày cuốn phim *La Vie Passionnée De Van Gogh* được trình diễn trên màn ảnh Sài Gòn – cuốn phim quay phỏng theo tác phẩm *Lust For Life* của nhà văn chuyên viết tiểu sử danh nhân tăm tiếng Pierre La Mure – thì hình ảnh của nhà danh họa Van Gogh tưởng lớn vồn trong thơ văn của các bạn trẻ chúng ta như biểu hiệu của một thần tượng, hay hơn thế nữa như ẩn dụ của lòng ham mê cái đẹp được thúc đẩy tới cao độ để trở thành điên cuồng...Cũng như nhà thơ trẻ khác, Hoài Khanh cũng bị lòng đam mê này dẫn dắt, hành hạ đủ điều. Giữa đêm dài, anh đốt đèn “ *ngó vào hư vô qua bóng sáng*”(

DÔNG, trang 31). Đối diện với bóng đêm, anh càng cảm thấy bơ vơ. Mòn gối liêu trai, anh vẫn chưa vươn nổi đôi tay mà ghì lấy thi thần nên đành đem:

“ *Tâm tư gởi trọn vào trang giấy*”.

Song sau bao ngày tháng “múa bút làm mưa gió”, sau bao đêm trường khắc khoải nguyện cầu, lệ anh vẫn *ướt canh tàn*, và

“*Lòng vẫn chưa nguôi vụn cổ sầu*”.

(Trở Gối, trang 46)

Sau những khóc than, những nôn mửa, và ngay cả “*những lần toan hủy hoại*” không thành, Hoài Khanh đành an phận tự lưu đầy (se séquestrer) trong một dưỡng trí viện dành cho những

“ *Thiên tài cất kỹ để dành mai sau*”.

(An ủi, trang 98)

oOo

Bên cạnh những hình ảnh quen thuộc vừa kể, còn có một hình ảnh sâu đậm khác được Hoài Khanh tận dụng trong hầu khắp thi tập Thân Phận: *Những giòng sông*.

Những giòng sông của Hoài Khanh không phải là những giòng trường giang đã làm nên lịch sử của đất nước quê hương cũng không phải là những giòng sông được chọn làm biểu tượng quen thuộc trong thơ văn và cũng không phải là những giòng sông trong mát luân lưu (*)...chảy trôi về biển cuốn theo những rác rưởi, bọt bèo.

Qua những giòng sông ấy, Hoài Khanh đã gởi gắm rất nhiều suy tư về cuộc sống về thân phận con người. Tuy

những con sông ấy chưa tạo cho tác phẩm, một chứa đựng triết lý(portée philosophique) nào đáng kể, song ít nhất những điều bản khuôn ray rứt của tác giả cũng đủ để cho người đọc tạm gấp sách lại mà suy nghĩ – dù chỉ suy nghĩ trong một mẫu thời gian rất ngắn, trong một phút, trong một giây.

Nửa đêm thức giấc, nhà thơ băn khoăn tự hỏi:

“Còn chi chẳng hồi thanh xuân

Tình yêu tuổi trẻ với ngân ấy sao

Vai mang thế kỷ buồn đau

Ngàn xưa đã mất nghìn sau có còn

(trang 47)

Một nhân vật của Jean Paul Sartre (Frantz von Gerlach trong kịch bản Les Séquestrés d’Altona) cũng đã chia vai ra vác những thế kỷ nặng nề tạo hợp thành lịch sử (“ *J’ai pris les siècles sur mes épaules et j’en répondrai*”). Trong mấy vần thơ lục bát vừa dẫn, dấu vết đầu tiên của triết thuyết Hiện Sinh được thể hiện một cách khá lộ liễu.

Thức giấc, nhà thơ lại *đi trên thành phố phai nhàu bước chân xiêu vẹo...*vì

“ Vai mình mang một quê hương

Còn mang nặng cả nỗi buồn tử sinh”

(Đổi thay, trang 86)

Bất giác, tôi chợt nhớ tới nỗi niềm cô độc chế ngự trong tâm hồn thầy giáo Daru, nhân vật chính của L’Hôte (Albert Camus – L’Exil et le Royaume). Vẫn trong những vần lục bát, thi điệu cổ hữu của dân tộc, tôi đã tìm thấy dấu vết thứ hai của existentialisme, in hằn trên tâm hồn Hoài Khanh.

Chịu ảnh hưởng sâu đậm của triết thuyết Hiện Sinh, Hoài

Khanh đã nhìn đời một cách vô cùng lệch lạc. Một sa mạc mênh mông, một tinh cầu giá lạnh, một giòng sông bơ vơ, một nghĩa trang sâu thẳm; đó là thế giới dưới mắt nhà thơ. Trong cái thế giới đó, chẳng trách gì nhà thơ lại đã

*“ Đập vỡ kính những lần soi thấy mặt
Quên là mình chấp bàn tay nhắm mắt ”*

(Ngày tháng trôi qua, trang 14)

Và chúng ta cũng chẳng ngạc nhiên chút nào khi thấy con người bơ vơ đó thở than

*“ Lạnh không tìm thấy mặt trời
nửa đêm thấp đuối gõ hồi sinh ca ”*

(Hao mòn, trang 15)

**

Trong mấy năm gần đây, chúng ta được nghe nhắc nhở nhiều tới triết thuyết hiện sinh. Không phải hiện sinh của Heidegger hoặc Kierkegaard, mà gần gũi hơn, của Sartre và Camus. Và nói tới Sartre là chúng ta thường liên tưởng ngay tới vai trò “ triết gia vô thần ” của ông (!). Hoài Khanh chịu ảnh hưởng Sartre rất nhiều. Phải chăng anh là một nhà thơ vô thần?

Trước hết, chúng ta thấy Hoài Khanh nói nhiều Thượng Đế! Hai chữ Thượng Đế viết hoa song lại không xác định rõ là Jésus, là Mahomet, hay là Thích Ca Mâu Ni. Hãy đọc:

*“ Ôi ngày xưa hôm nay ngày mai
Bí mật lạ lùng như Thượng Đế ”*

(Tự Vấn, trang 93)

Hoặc là:

“ tôi cứ vẫn là tôi với hiện diện đại khờ ”

phơi tấm lòng lên trợn mấy vần thơ
 nói đạo đức với những phường giả trá
 rồi trở về cô đơn thường trực
 với bơ vơ ảm ức tự nhân nào
 cái quả này sao lại lắm thương đau
 tôi hỏi vậy
 những lần toan hủy hoại” (Tự Vấn, trang 94)
 và cũng bởi vì “ ta hiểu vợ thường nhưng lòng thắc mắc”
 (trang 73) cho nên
 “ ngàn tâm sự dư huyền nghe trách móc
 nếu Thượng Đế hữu hình người sẽ khóc”
 (Rồi tôi lại đi, trang 95)

Cách đây mấy năm, Sartre có tâm sự với Léo Gabriel, giảng sư Đại học đường thành Vienné: “ *Voyez vous, mon athéisme est provisoire. Il est lié au fait que Dieu ne c'est pas encore révélé moi*”(2) . Căn cứ vào lời nói đó, nhiều người đã phê bình Sartre là một triết gia *agnostique* chứ không phải là một *athée*. Về phía Hoài Khanh, anh có thể rên la than van, hay nguyên rửa nữa, song sau chót, anh không thể là người vô thần. Tôi đoán chắc như thế vì không thể nghi ngờ lời tự thú chân thành này:

“ Thượng Đế đành vắng mặt
 Chân lý lại xa vời
 Tôi đối lòng an ủi ngắm mây trôi
 Tìm một chút bình yên khi vong hồn sôi sục”
 (Tự vấn, trang 92-93)

Cũng như những người trai trẻ khác, Hoài Khanh cũng đi tìm an ủi trong tình yêu. Song dường như tình yêu không đem đến cho anh một chỗ trú ẩn nào thỏa đáng. Cái hăm

hở của tuổi đôi mươi sớm biến thành chán chường, khi
người thơ hãy còn xanh tóc:

(Mất 2 câu) (**)

*tôi thấp đèn soi gương
thấy đời mình trên tóc
với bàn tay năm ngón trơ vơ
nắm không trọn tình em
trong tháng ngày luân lưu vũ bão
suốt một đời tôi chẳng có niềm vui...”*
(trang 51-52)

Trên tình trường, chắc chắn Hoài Khanh đã gặp những
“chuyện lòng” quen thuộc như lỡ làng, phản trắc, chia
ly...Gọn có một câu:

“ tình yêu ư cũng một phương lận đận”
(trang 72)

nhưng cũng đủ náo lòng để mà:

*“ đưa tay tìm bóng xa xôi
biết mình vẫn sống một đời khói sương”*

(trang 70, Sương khói trên sông). Ngay trong tình yêu,
những giòng sông vẫn là nguồn thi tứ chính.

Vẫn theo người đề tựa, Hoài Khanh là một người *ít nói*.
Đó là chuyện ngoài đời. Còn trong thơ, anh nói rất nhiều.
Tiếng nói của anh đượm nhiều vẻ chân thành và cũng dễ
nghe. Điều đáng tiếc là anh đã lảm nhảm quá nhiều về
một điều dễ làm cho người nghe bất ngán: sự suy tư về
thân phận làm người.

*“ thành phố như không có một người
ta lảm lũi tựa án mây trời*

*chơi vơi trong thảng ngàn hư ảo
xiềng xích nào giam một kiếp đời”*
(Nước mắt, trang 67)

Những xiềng xích do chính bàn tay người tạo ra không những chỉ giam hãm cuộc đời hẩm phận của anh mà chúng còn cột chặt tác phẩm vào một cái cọc nhờn rêu. Có phải tại anh thuộc vào hạng người “ tự thân tác – nghiệp”? hay anh cũng chỉ là “ nạn nhân” của những mơ tư tưởng trừu tượng tiêu hóa khó khăn? Nhưng dẫu cho là gì đi nữa, những câu thơ dài tới 36 chữ như câu thơ mở đầu bài “ GIỌT SƯƠNG” (trang 18) cũng là một trở ngại rất nhiều ngăn cách. Cho những người muốn thưởng thức vẻ đẹp của tác phẩm. Cho cả chính anh, những người làm ra tác phẩm.

Rời xa những phù phiếm, kênh kiệu của lớp sơn hình thức là anh (*không đọc được vì lu*) những rác rưởi sô dạt theo giòng. Nếu như anh có được 1 sự nghiệp thi ca, và nếu ta có thể ví sự nghiệp đó với một giòng sông, thì chắc chắn là trước khi đổ về biển cả, giòng sông đó sẽ cuốn theo một giòng nước trong lành thơm ngọt. Đáng trong vị ngọt đó, trong thơ Hoài Khanh, đã, sẽ và chỉ là những vẩn lục bát hiền lành, những điệu thất ngôn đơn hậu.

Chính những câu thơ như:

*“ tay tôi bóp những chiều tà
với cồn phố cũ với ga ven rừng”*

(Những chiều tiếng súng, trang 37)

và

*“rồi em lại ra đi như đã đến
dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù*

*ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu.”*

(Ngồi lại bên cầu, trang 17)

không những đã minh chứng được rằng Hoài Khanh không phải chỉ là một ngòi bút muốn “ *chơi thơ*” mà còn tạo được Thân Phận một sắc thái riêng, khiến cho tác phẩm khỏi bị chìm giữa đám đông các thi tập đang ồn ào xuất hiện trên thi đàn trong mấy tháng gần đây.

Phong Nhã (***)

(Nhật báo Tự Do, số 1579. Chủ nhật 24-6-1962)

(1) Như nhận định của giáo sư Lê Thành Trị trong bài điểm sách *Les Séquesirés D’ Altona*, đăng trên báo Tự Do số 15-4-1962

(2) Quan niệm vô thần của tôi chỉ là tạm thời. Bởi lẽ Thượng Đế chưa hiện ra nơi lòng tôi.

(*) Theo lời anh Hoài Khanh cho biết vì tờ báo quá cũ và giấy mủn quá, nên có những chỗ mất câu và không đọc được.

(Những câu sau (khoảng 2 giòng) không đọc được vì anh Hoài Khanh copy không rõ, mực nhòe)

quen thuộc trong thơ v... cũng không phải là những giọng
sống. Trong mắt luân lý...
đây là những giọng sô...
mỗi đặc trưng giọng là vận của...
AT

(**)

Tôi ôm...
(

(***) Phong Nhã là bút hiệu của Trần Phong Giao

ĐẶNG TIẾN

Đọc THÂN PHẬN của HOÀI KHANH

Nếu *Thượng đế* hữu hình người sẽ khóc một câu thơ của Hoài Khanh nghe dường như muốn rửa nước mắt.

Tôi đã đọc nhiều câu thơ thật buồn :

Chao ôi ghê qua trong tư tưởng

Một vũng hoang liêu cũ vạ đời

Nhưng tưởng muốn cảm thấy nỗi buồn ghê rợn, ma quái ấy phải mang trong thân phận một căn bệnh hủ như *Hàn Mặc Tử*. Nỗi buồn bệnh lý kia vẫn xa xôi.

Tôi đã ngậm ngùi với nỗi xa vắng, mênh mông, đàng đàng của *Huy Cận* :

Một chiếc linh hồn nhỏ

Mang mang thiên cổ sâu

Nhưng lại là nỗi buồn vạ cổ của thi nhân theo lời *Xuân Diệu*, làm tâm sự cơn gió nức nở trên răng phi lao hay bóng mây bay qua cảnh lưng đeo quán chật.

Đọc Hoài Khanh, tôi cảm thấy sống dậy trong lòng nỗi buồn chính mình vừa bắt gặp hôm qua.

Nếu *Thượng Đế* hữu hình người sẽ khóc. Tôi chạnh nhớ đến Heine qua một câu thơ dịch sang tiếng Pháp :

Ces larmes qui n' ont pas été pleurées

(Những giọt lệ chưa bao giờ được khóc)

Hoài Khanh còn là một nhà thơ trẻ, trưởng thành trong cảnh xô bồ của một xã hội chưa tìm được lối đi. Anh đã

làm quen với độc giả, với tập *Dâng Rừng* xuất bản năm 1957.

Hoài Khanh của *Dâng Rừng* là một chàng trai, vui tươi, hý hửng với những buổi mai hồng hẹn hò một hoàng hôn ngập nắng :

*Thế hệ hai mươi vườn hoa thơm nắng
Nghe diu hiền thắm thiết với sao trăng
Bước chân đi đường rộng mấy mươi lần
Mơ hay tỉnh hỡi thiên đàng rực rỡ ?*

Dâng Rừng tr. 28

Niềm vui dễ dãi ấy đã tìm đến những vần điệu cổ điển, cổ điển đến thành khuôn sáo. Đọc *Dâng Rừng* sẽ bắt gặp những lời, những ý, những cảm xúc, những vần điệu tiền chế.

*Nát từng nếp áo hoàng hoa
Tâm tư lạnh cả bài ca độc hành*
Dâng Rừng tr. 30

Tâm hồn dễ dãi như vậy, kỹ thuật làm thơ khuôn sáo như vậy, thi phẩm đã không tạo cho Hoài Khanh một chỗ đứng nào cả.

Sang đến *Thân Phận* con người thực Hoài Khanh và nhà thơ Hoài Khanh đã đổi khác. Trong khoảng năm năm, nỗi buồn của một thế kỷ đã chồng chất tâm sự Hoài Khanh.

Trong thơ chàng luôn luôn có cái ám ảnh của thời gian; bài thơ đầu là *Sau lưng ngày tháng*, bài thứ hai là *Thời gian*, tiếp theo là *Ngày tháng trôi qua*, *Hao mòn...* và cứ như thế giòng thời gian liên tục xoáy vào tâm hồn Hoài Khanh những vũng hoang liêu.

Tháng ngày qua hôm nay nữa dần trôi

Rồi như thế tôi biết làm sao được

Tr. 14

Tượng trưng cho thời gian là những giòng sông. Thi nhân
vốn yêu giòng nước chảy từ một Apollinaire :

Sous le pont Mirabeau coule la Seine

Et nos amours

Faut-il qu'il m' en souviennne.

(Dưới cầu Mirabeau xuôi chảy nước sông Seine

Và tình ta

Cần chi mà nhớ mãi)

Đến một Nguyên Sa :

Hãy đưa tôi ra bờ sông

Để tôi nhìn cho rõ

Tôi nhìn giòng nước chảy

Tôi nhìn tôi bơ vơ.

Trong Hoài Khanh, giòng nước luân lưu là khung cảnh
thường xuyên của thi hứng.

Thôi em đời một lần quên

Dòng sông thưở ấy lênh đênh mất rồi.

tr. 70

Nước ơi sông vẫn còn đây

Hồn ơi thơ vẫn lên đây không trung

tr. 12

Khi Huy Cận viết

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Thì giòng sông và thi nhân vẫn là hai thực thể xa nhau.

Con sông của Hoài Khanh là một linh hồn, một tri kỷ.

*Con sông nào đã xa nguồn
Thì con sông ấy sẽ buồn với tôi*
tr. 24

Những hình ảnh khác trong *Thân Phận* cũng lại là những sự vật luân chuyển. Những áng mây bay đi sẽ không bao giờ trở lại.

*Còn gì nữa với mây trời đang trắng
Đã vô tình trôi mãi bến sông xa*
tr. 16

Ánh sáng trong *Thân Phận* cũng mong manh, ánh nắng hoàng hôn ngả sang bóng tối, với những sợi khói tan mờ trong gió thoảng.

Âm thanh trong *Thân Phận* là một điệu nhạc mơ hồ, đều hiu trong lau lách, xa vắng như từ một kiếp nào thối lại. Hoài Khanh chỉ mến thương những chiếc lá sắp sửa không còn là lá :

*Những ngày xanh những mầm xanh
Tôi nhìn chiếc lá rơi cành mà thương*
tr. 68

Rồi đến tà áo của người yêu cũng chỉ xuất hiện để chợt biến trong niềm ly biệt thường xuyên của mây nước :

*Màu áo đỏ phất phơ màu vĩnh biệt
Bay về đâu xin còn lại linh hồn.*
tr. 29

Trong sự thay đổi của linh hồn, Hoài Khanh nhìn sang những sự vật bằng hữu chung quanh đều thấy muôn màu đều chợt biến :

Nhưng núi rừng ngày tháng đã là mây

Bay vô định, tôi một loài vô định
tr. 58

Hoài Khanh chấp nhận ngoan ngoãn số phận thoảng qua.
Niềm biệt ly thường trực và chua xót trong lòng chàng đã
được gói ghém trong một bài thơ thật hay. Tôi xin trích
trọn vẹn vì bài thơ này tượng trưng cho hồn thơ và lời thơ
của Hoài Khanh. Thiết tưởng viết một trăm trang trình
bày không bằng để cho tác giả tự nói trọn vẹn tiếng nói
của mình :

*Người em gái trở về đây một bận
Con đường câm bỗng sáng ánh diệu kỳ
Tôi lẫn trốn vì thấy mình không thể
Mây của trời rồi gió sẽ mang đi*

*Em thì vẫn nụ cười xanh mắt biếc
màu cô đơn trên sợi tóc la đà
còn gì nữa với mây trời đang trắng
Đã vô tình trôi mãi bến sông xa*

*Thôi nước mắt đã ghi lời trên đá
Và cô đơn đã ghi dấu trên tay
Chân đã bước trên lối về hoang vắng
Còn chẳng em nghĩa sống ngực căng đầy*

*Quá khứ đó dòng sông em sẽ ngủ
Giấc chiêm bao nguyên vẹn có bao giờ
Ta sẽ gặp trong ý tình vũ bão
Con thuyền hồn trở lại bến hoang sơ*

Rồi em lại ra đi như đã đến

*Dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù
Tôi ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
Nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu,
(Ngồi lại bên cầu tr. 16)*

Tôi tưởng đây là một trong những bài thơ hay của Hoài Khanh và của thi ca hậu chiến. Tình ý rất bình thản và kín đáo gây được những cảm xúc lâu dài và thấm thía. Hình ảnh trực tiếp tạo cho ngôn ngữ một gia tài riêng phong phú, và vượt hẳn những ngôn ngữ không phải là thi ca. Âm điệu nhịp nhàng và uyển chuyển, nhẹ như mây bay, buồn như nước chảy, êm đềm như một cuộc chia ly, trong tâm trạng của kẻ lẩn trốn vì thấy mình không thể...

Thỉnh thoảng người đọc *Thân Phận* đã bắt gặp nỗi buồn thản nhiên, ngậm ngùi, chua xót của một Verlaine.

Mỗi con người đều bị thời gian cuốn đi. Sở dĩ Hoài Khanh thường nói đến thời gian, vì chàng có một ý thức lưu đầy trong thời gian : mỗi ngày mỗi tháng trôi qua, mòn mỏi một ít cô đơn, mà Hoài Khanh thì vẫn còn trở vơ với số phận.

Sau lưng là một khoảng hư vô, trước mặt là con đường vô định.

*Nước xuôi lạnh một giòng sầu
Biết về đâu hỡi mấy màu thời gian
tr. 24*

Hoài Khanh tự biết mình đã luân hồi lộn kiếp, kiếp người - nhất là con người đa mang sầu hận - là một sự lưu đầy mà chàng vô tình gánh chịu. Chàng tự hỏi kiếp sau sẽ làm gì.

Ta sẽ chết và rồi em cũng sẽ

*Dành bỏ đi những luyến nhớ một thời
Những buồn giận cùng tấm lòng ước vọng
Sẽ là gì trong một kiếp xa xôi ?*
tr. 36

Có lẽ trong tiềm thức chàng cũng chỉ ước mong như người xưa làm *cây thông đứng giữa trời mà reo*.
Con người từ chối tương lai ấy luôn luôn có cái thái độ ngoái lại :
*Ôi đời thông những chiều nghiêng nhớ nắng
Lòng ta trôi chiều cũ dưới chân đèo
Gió heo hút đường nghe niềm u hận
Em đi rồi ta vẫn đứng nhìn theo*
tr. 29

Hoài Khanh run sợ sự cô độc, phải chăng là trong sự cô độc kia, loài chim mù sẽ tiếc nuối đôi cánh trắng như sương ? Chàng sẽ vui sống trong gặp gỡ, dù chỉ là gặp gỡ mong manh của sự sống, dù chỉ là sự sống xa lạ :
*Tiếng xe đồa bỗng gặp giữa rừng mưa
Vui biết mấy một tiếng còi đơn độc
Rồi chuyển xe đi đường dài nối dốc
Biết làm sao tìm lại dấu qua rồi
Tiếng còi buồn thông cảm đã xa xôi
Thế là hết mộng manh niềm hạnh ngộ*
tr.19

Trong Hoài Khanh là tiếng còi tàu đang tắt ngấm, là chiếc khăn tay đang mờ trong sương khói, là mùi hương trong mái tóc còn vương trong hơi gió, là tiếng ân tình còn thì thầm trong lau lách. Trong Hoài Khanh là sự già biệt muôn đời của vật đổi sao dời, của người đi kẻ ở.

Cuộc sống của người thơ chỉ là một âm thanh lướt nhẹ trên phím tơ, lúc gặp tri kỷ thì đã trở thành dư âm của một thời xưa thiên cổ.

Những câu thơ hay của Hoài Khanh là những cảm giác đọng đưa dịu nhẹ.

Em đi lạnh một giòng mưa

Nguồn thanh xuân đó già nua nhánh cành

Bãi trùn phơi nắng chiều hanh

Gió thương cây lá long lanh giọt đàn

tr. 27

Nhưng mối sầu của Hoài Khanh trái lại đôi khi mãnh liệt xô bồ như một tảng núi u sầu vĩ đại cuốn theo giòng thời gian âm thầm thác lũ. Tấn thăm kịch bi thiết đó diễn khi Hoài Khanh, con người của một kiếp khác, muôn xưa đã sống trong rực rỡ huy hoàng nay muốn trở về trần gian tìm lại cuộc đời sang chói.

Ta là gió của nghìn năm xưa cũ

Tiết huy hoàng một thưở trở về đây

Ta là nhạc của luân hồi chín kiếp

Hồn trầm luân thấm máu những bàn tay

tr. 34

Tâm tình của Hoài Khanh còn bi thiết gấp mấy lần của Lưu Thần Nguyễn Triệu lúc đòi trở lại trần gian. Vì loài đà điểu của sa mạc, loài hải âu của đại dương, loài đại thọ ở rừng già đã hồi sinh trong một căn phòng hẹp. Loài đà điểu kia vẫn tiếp tục nuôi trong linh hồn chân trời sa mạc, loài hải âu kia vẫn tương tư muôn trùng sóng gió cũng như loài đại thọ vẫn tìm mãi trong không gian lớp khói rừng bay lên từ những hốc đá của dĩ vãng. Cho đến một ngày kia, đôi chân đà điểu, đôi cánh hải âu, rễ cành

đại thọ tàn lụi và mối sầu muôn thế kỷ chồng chất vào
một giấc mơ muôn đời tuyệt vọng.

Vai mình mang một quê hương

Còn mang nặng cả nỗi buồn từ sinh.

tr. 86

Nỗi tuyệt vọng của Hoài Khanh bắt nguồn từ một tấm
lòng vị tha đọa đầy trong một xã hội tăm tối. Ôi đẹp làm
sao giấc mơ của tuổi trẻ như đại dương.

Ta từng mơ một con đường dẫn lộ

Kết tình thương giữa tất cả người người

Và hạnh phúc tuôn tràn như thác nước

Trên cuộc đời không ai thét : cho tôi

tr. 36

Hoài Khanh dễ yêu ở mối tình quê hương và nhân loại
bàn bạc trong ý thơ. Tâm hồn chàng có lóe lên một tia
nắng ấm, tia nắng ấy chàng sẽ trao về cho đồng loại. Tôi
nhớ đến thuyết le pessimisme actif của Camus, tôi nhớ
đến những thanh niên đi tìm lãng quên trong hạnh phúc
của đồng loại.

Bao giờ đem nắng mười phương lại

Rộn rã nhân gian những tiếng cười

tr. 47

Hoài Khanh nuôi dưỡng tình vị tha cao quý đó trong tình
yêu của một người con gái.

Em giúp tôi thấy lại hồn mình

Gìn giữ lại những mối tình đã mất

Tình yêu

Tổ quốc

Quê hương

tr. 53

Làm sao đọc những vần thơ tình như thế mà ngăn được
ngậm ngùi, cảm động ?

Loài người vốn thường hay nuôi dưỡng những mối tình
rộng lớn bằng những niềm mến thương nho nhỏ. Quê
hương đâu phải chỉ là một cành hoa cải lung linh trong
nắng chiều hay mùi hương hoa cau phảng phất trong hơi
gió những lúc nửa đêm về sáng ? Nhưng đó lại là những
hương sắc nuôi nấng tình yêu quê hương. Hoài Khanh
vùng vẫy để vượt qua nỗi bi quan bằng mãnh lực của một
mối tình nhỏ bé.

Rồi em đến một chiều xưa man rợ

Khói sương tan trong vũng máu thiên đường

Ta cúi đầu giữa một trời thê lương

Ôm sự sống trong bàn tay bé nhỏ

Và như thế đóa hoa tình đã nở

tr. 83

Hoài Khanh sẽ bắt chợt đôi niềm vui tình cờ nhưng thành
thật, thiết tha

Em đã đến ta mừng ra nước mắt

tr. 81

Quả thật đây là một lời tâm sự giản dị thật thà đến rớm
lệ. Còn giản dị hơn nữa là bài thi ca tình ái :

Buổi em về hai đứa hát yêu thương

tr. 77

Hoài Khanh không thuộc vào hạng thanh niên nổi loạn
"chống hư vô" của thời đại. Ngay cái đề " Thân Phận" đã
ngụ một ý chấp nhận. Hoài Khanh chỉ là một loài cỏ hiền

lành ngoan ngoãn vâng theo lời giáo dạy, theo một ý của Tô Thùy Yên. Hoài Khanh thú nhận điều đó :

Trước cuộc sống cúi đầu yêu định mệnh

tr. 78

Hiền lành ngoan ngoãn như thế, Hoài Khanh vẫn giữ kỹ thuật làm thơ cũ : lục bát thật thà, hay thơ tám chữ chừng mực. Từ nội dung đến hình thức Hoài Khanh không phá cách, thách đố.

Thỉnh thoảng có những ý những lời rất cũ, làm nhớ một Vũ Hoàng Chương.

Rừng rừng ý cũ

Hẹn thăm bình minh trải lối về

Người ơi chừ hẹn ước

Nằm đây ấm lạnh hồn phong vũ

Hơi buồn trong gió cứ lê thê

tr. 47

Cho đến những câu :

Ai ngàn xưa ? ai ngàn sau ?

Tháng năm vàng xuống bờ lau tội tình

tr. 62

làm nhớ đến Trần tử Ngang :

Tiền bất kiến cổ nhân

Hậu bất tri lai giả...

Toàn tập chỉ có một bài thất ngôn, âm điệu trầm buồn, băng khuâng.

Trong mắt những người tâm sự ấy

Mây ngàn năm cũ bay lênhên

tr. 60

Đọc những câu trên chưa ai quên được âm điệu xa xăm của một Quang Dũng :

Nghìn thước lên cao nghìn thước xuống

Nhà ai pha loãng mưa xa khơi

Cũ không có nghĩa là sáo ; trái lại đôi khi cố ý làm ra mới lại thành sáo. Trong lúc thi ca Việt Nam chưa tìm ra được một đường lối mới, chưa khai thác được những giá trị của ngôn ngữ, những vần điệu cổ điển của Hoài Khanh còn đủ mãnh lực để quyến rũ người đọc.

Phải tóm tắt thế nào những nhận xét về Thân Phận ?

Hoài Khanh con người giàu lòng vị tha bất mãn trước xã hội, con người cô đơn đi tìm niềm vui trong mối tình nhỏ bé, con người ngoan ngoãn vâng theo lời định mệnh đã bị giòng sông thời gian ám ảnh. Hoài Khanh bám víu vào hiện tại để quay lại nhìn dĩ vãng trung thành với kỷ niệm. Một tâm hồn như thế dễ dàng chấp nhận một kỹ thuật thi ca cổ điển. Thơ Hoài Khanh thuộc loại lời cũ ý mới nếu ta tạm dựa theo cách sắp xếp cũ kỹ của Vũ Ngọc Phan lúc ông xếp Lưu Trọng Lư và Vũ Hoàng Chương vào hàng thi sĩ nửa cũ nửa mới.

Do đó Hoài Khanh có lẽ đáp đúng nhu cầu của đa số độc giả thi ca hiện nay, chưa tách rời ra được truyền thống Thơ Thơ và Lửa Thiêng và bất mãn với loại thơ Nhị thập bát tú.

Và khi tôi phân tích cái hay của Thân Phận không phải tôi đứng trên quan điểm "trẻ chưa qua già chưa tới" nhưng vì trong ngành xuất bản thơ xô bồ hiện nay, một tác phẩm trong sáng, thành thật đáng được khuyến khích. Nếu loại ra một Đinh Hùng, một Vũ Hoàng Chương cả

lời lẫn ý đều rất cũ vì họ thuộc vào một thế hệ khác, thì bây giờ còn nhóm thơ Huế với Thế Viên, Diên Nghi, Tạ Ký còn trung thành với những rung cảm xa xưa ; lâu nay nhóm này lại im hơi lặng tiếng.

E rằng Thân Phận của Hoài Khanh sẽ ghi dấu thời kỳ tàn tạ của lối thơ cổ điển chăng ?

Nhưng giá trị nghệ thuật của một tác phẩm không phải ở chỗ cực thịnh hay cực suy của một môn phái, cũng không phải ở chỗ được hay không được độc giả tán thưởng.

Trường hợp Thân Phận được nhiều người nhắc nhở đến, điều đó tỏ ra anh được lòng độc giả trung bình chứ không chứng tỏ Thân Phận là một tuyệt tác, hoặc ngược lại là một tác phẩm bình dân hạ cấp.

Trước đây có một người làm thơ khoe rằng tác phẩm mình bán chạy mỗi ngày bốn, năm trăm cuốn, thậm chí có cặp tình nhân nào đó đã rủ nhau xuống suối Lồ ô tự vận mang theo tập thơ kia. Nếu đó là một sự kiện có thật, thì sự kiện đó không chứng minh được gì cả. Cũng không phải là một sự thật đáng buồn, vì nếu nước mình còn nhiều người thích thơ T.T.KH thì ở Pháp còn khối người ưa Lamartine, và điều đó không ngăn được khúc quành vĩ đại của thi ca Pháp.

Phong trào xuất bản thơ tại Việt Nam hiện nay thật dồi dào đến cái độ hỗn loạn nhất là trong giới tuổi trẻ. Mỗi linh hồn thanh niên là một trời thơ, rồi làm được dăm ba bài là rủ rê dăm ba người bạn cùng nhau xuất bản. Thành ra rất khó nhận định được thực chất của thi ca hôm nay. Vì không thể bỏ qua các tác giả vô danh - biết đâu họ chẳng là thiên tài - mà đọc họ thật không xuể. Hơn nữa,

giải thưởng văn chương toàn quốc những năm nay lại tưởng thưởng những tác phẩm thi ca không lấy gì đặc sắc, nên không khuyến khích các tác giả rèn luyện kỹ lưỡng bút pháp, chỉ gia tăng hỗn loạn cho các bạn trẻ quá tự tin. Trong đám rừng hoang tăm tối này, tập thơ Thân Phận của Hoài Khanh xứng đáng được nhắc nhở giới thiệu. Trong cái tình thần gạn lọc đó chúng tôi trình bày Thân Phận và sự bình phẩm của chúng tôi cũng dựa trên tình thần đó.

Trận bão Lucy thổi tạt qua Sài Gòn những ngum nhớ thương lạnh lẽo. Tôi đã kéo lê nỗi buồn của Hoài Khanh trên các hè phố trong khi viết dở bài này. Tôi thấy gần gũi với Hoài Khanh hơn khi đi dưới những lùm cây ướt đầm tình yêu, hoặc qua cầu nghe dĩ vãng thổi lộng dưới chân.

Các trường hôm nay đóng cửa, lạy trời cho mưa bão quanh năm, để tuổi trẻ trở về với hè phố. Hãy đóng cửa các học đường, các phòng trà, các tòa đại sứ, hãy đóng cửa các thành phố để trả tuổi trẻ về với rừng xanh, ôi những khu rừng, những giòng sông thân yêu của vũ trụ thi ca !

Hãy trở lại hoang vu để cùng với Hoài Khanh nắm tay tự nhủ nhau rằng :

*Tôi lẩn trốn vì thấy mình không thể
Mây của trời rồi gió sẽ mang đi*

Đăng Tiến
10-12-1962

(Ghi chú : đọc lại bài viết tại Sài Gòn cách đây đã 44 năm, không khỏi thấy những chỗ vụng về non nớt. Nhưng được cái ngay thẳng và hồn nhiên của tuổi trẻ, nên xin giữ nguyên văn, hầu lưu lại một giọng nói. Một thời. Một tuổi.)

Đ.T. 30-04-2006

Văn Nghệ Đất Sống

Mỗi Tuần Một Khuôn Mặt: HOÀI KHANH

(Khoảng năm 1970)

T.H. L thực hiện

Sinh tại Phan Thiết, nguyên Thư ký tạp chí “ Giữ Thơm Quê Mẹ” chủ trương nhà xuất bản Ca dao, tác giả Đăng Rừng, Lục Bát, Thân Phận, Trẻ Nhỏ Đóa Hồng và Dế (thơ). Trí Nhớ Hoang Vu Và Khói (tập Truyện)

Sau buổi đọc thơ của Hoài Khanh tổ chức tại Viện Đại học Đà Lạt, tôi đưa anh Hoài Khanh về. Đêm xuống từ lâu và thành phố ngủ sớm. Lúc chạy vòng qua vườn hoa gần bờ hồ. Hoài Khanh đề nghị hãy “ngồi lại bên cầu” nghỉ một lát đã. Chúng tôi chọn một bến gỗ vắng lạnh. Hoài Khanh hỏi tôi có ý kiến chi về buổi đọc thơ đó. Tôi nói đợi mai rồi nói và cười. Hoài Khanh có vẻ sốt ruột

nhưng rồi chẳng biết làm chi hơn. Tôi nghĩ vào lúc này là cơ hội để Hoài Khanh có thể nói thật. Và tôi bắt đầu gọi chuyện.

- Gần như năm nào gần lễ giáng sinh, anh cũng lên Đà Lạt cả?

Hoài Khanh đốt thuốc, giọng hoài cảm.

- Đà Lạt có quá nhiều kỷ niệm với tôi, nhất là hồi còn Phạm Công Thiện ở đây, phải nói tôi yêu Đà Lạt như yêu “quê nhà” nên năm nào tôi cũng cố dàn xếp công việc để lên đây một vài tháng.

- Chắc anh lên để cảm hứng?

Hoài Khanh cười.

- Phải nói là nhận cảm hứng thì đúng. Tôi ưa đi một mình giữa đường vắng, gần như đếm bước lẻ loi của mình. Và Đà Lạt là nguồn cảm hứng bất tận chỉ cần nhìn đêm như đêm nay là có cảm hứng rồi cần gì phải tìm kiếm.

Tôi đưa câu hỏi lại gần.

- Anh nghĩ gì về sinh hoạt văn học nghệ thuật nơi đây?

- Theo tôi, sinh hoạt đó hiện chưa có gì đáng kể nếu nhìn chung và so với các tỉnh khác thuộc miền trung. Nhìn riêng thì hiện tại Đà Lạt đã có mặt một số tác giả đóng góp không ít vào sinh hoạt văn học nghệ thuật tại thủ đô.

- Với số người đó đâu có làm khởi sắc cho sinh hoạt nghệ thuật nơi đây sinh động? Nếu có thì trong điều kiện nào và với chiều hướng nào?

Hoài Khanh trầm ngâm một lát mới nói:

- Có thể lắm, có khởi sắc vì Đà Lạt là một thành phố du lịch nên trong số du khách lên đây thỉnh thoảng có một ít văn nghệ sĩ có thể gián tiếp thúc đẩy được sự tiến tới của sinh hoạt ấy. Điều kiện thì Đà Lạt đã quá đủ. Còn chiều hướng nào để cho sinh hoạt ấy tiến tới thì tôi thiết nghĩ

những người làm nghệ thuật ở đây cần phải kết hợp thường xuyên có những buổi sinh hoạt riêng tư hay cộng đồng để tạo cơ hội cho tài năng phát triển.

- Một trong những sinh hoạt đó, hiện Đà Lạt sắp có mặt một tờ báo. Anh nghĩ gì về vai trò của nó?

- Sự có mặt của tờ báo địa phương, nếu không quá chuyên biệt thông thường, mà còn có phần văn học nghệ thuật dồi dào, theo tôi, là một yếu tố lớn cho việc phát huy văn học nghệ thuật tại đây. Ở các nước khác một vài tờ báo địa phương đôi khi giữ một vai trò không nhỏ trong việc phát huy văn nghệ toàn quốc. Quan niệm làm báo văn nghệ tỉnh là thứ yếu và phụ thuộc, là một định kiến sai lầm, ta phải từ bỏ. Một nghệ sĩ chân chính bất cứ ở đâu cũng làm việc được cả, hướng nữa Đà Lạt là một thành phố thơ mộng nhất Việt Nam.

Thoảng thấy xe tuần cảnh hự còi bên kia ven hồ, tôi bỏ lửng cuộc phóng sự lý thú và rủ Hoài Khanh về. Lúc ngồi sau yên xe, Hoài Khanh kêu là lạnh quá và anh ngâm khế bài “ Xin Chào Đà Lạt” trong tập thơ Thân Phận.

T.H.L thực hiện

(Trang báo này viết vào khoảng năm 1970)

Lá thư của cô Phạm Kim Thịnh

(Trước khi chúng tôi làm số chủ đề về nhà thơ Hoài

Khanh. Chúng tôi đã liên lạc với anh ở quê nhà. Anh có kể cho chúng tôi nghe về cô Sinh viên Phạm Kim Thịnh đã gửi đến anh một số câu hỏi để anh trả lời.... Nhưng, anh từ chối và cũng không đi gặp cô sinh viên ấy từ năm 1970. Trong thư, có đoạn anh viết về cô sinh Viên ấy như sau:

“ Tôi đề nghị với anh là xin anh đề cập đến trường hợp bức thư của cô Phạm Kim Thịnh và việc từ chối cuộc phỏng vấn của cô, và không đi gặp mặt cô ta lần sau để khi hay tin sau biến cố 1975 cả gia đình dùng ghe vượt biển đã bị cướp giết hết, khiến tôi ân hận quá...”

Và, sau nhiều lần email cho nhau, cũng như gọi điện thoại thăm nhau. Anh Hoài Khanh lúc nào cũng nói với tôi về cô Phạm Kim Thịnh và nỗi ân hận của anh.

TQBT chúng tôi xin đi lại lá thư của cô Phạm Kim Thịnh, và cùng với anh Hoài Khanh chúng tôi cầu nguyện cho hương linh của cô sớm siêu thoát về cõi vĩnh hằng...”(TQBT)

Đây là lá thư của cô Phạm Kim Thịnh

Saigon, ngày 18 tháng 2 năm 1970

Thưa ông,

Chúng tôi hiện là sinh viên Chứng Chỉ Văn Chương Quốc Âm tại Đại Học Văn Khoa Saigon. Trong chương trình học năm nay Giáo Sư Thanh Lãng có tổ chức hướng dẫn các sinh viên phỏng vấn để thu thập tài liệu về các nhà văn và nhà thơ Việt Nam hiện đại. Chúng tôi đã nhận trách nhiệm thu góp tài liệu về Ông, một nhà thơ mà đã từ lâu chúng tôi hằng mến chuộng.

Chúng tôi mong Ông vui lòng bớt chút thời giờ cho chúng

tôi được biết ít nhiều chi tiết về Ông – theo bản câu hỏi đính kèm. Từ trước tới nay các văn, thi sĩ Việt Nam thường quá khiêm tốn và kín đáo nên các tài liệu về cá nhân các vị thường không được công bố nhiều. Điều này là một thiệt thòi lớn lao đồng thời cũng là mối khó khăn cho những người mến chuộng và muốn nghiên cứu về văn thơ của các vị ngày nay cũng như mai hậu. Chúng tôi hi vọng ông không quá ngại ngùng hay bất bình với những câu hỏi nhiều khi có vẻ quá tò mò, tọc mạch.

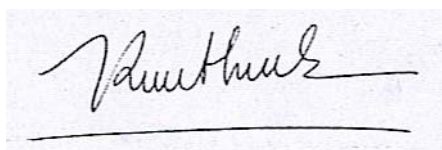
(hàng này, chữ copy quá mờ và mất chữ, không đọc được từ bản đánh máy)

Ông vui lòng cho một bức hình chân dung.

Chúng tôi ước ao sớm nhận được phúc đáp của ông và mong được gặp mặt ông trong một ngày nào gần đây.

Xin ông nhận nơi đây lời cảm ơn chân thành của chúng tôi.

Nay kính

A handwritten signature in black ink on a light-colored background. The signature is cursive and appears to read 'Phạm Kim Thịnh'. Below the signature is a horizontal line.

Phạm Kim Thịnh

194 Lê Thánh Tôn

Saigon

Bản phỏng vấn Thi sĩ Hoài Khanh

1. Dòng họ nhà thơ:

Xin ông cho biết quê quán, chức nghiệp và nếu có văn nghiệp của cha và mẹ của tác giả. Có anh chị em nào

hoạt động văn nghệ?

2. Lý lịch nhà thơ:

Tên Thật:

Ngày sinh:

Nơi sinh:

3. Thời kỳ vỡ lòng và tiểu học:

Xin cho biết nếu có những kỷ niệm gì đặc biệt trong thời kỳ này? Theo học trường ở tỉnh hay ở quê? Chương trình có ảnh hưởng Hán học hay Tây học?

4. Thời kỳ huấn luyện trung học:

Mấy tuổi vào trung học? Trường ở tỉnh hay ở quê? Chương trình học có ảnh hưởng Hán học hay Tây học? Hoạt động thi cử ra sao?

Có ảnh hưởng giáo sư nào không? Các loại sách, văn thi phẩm thường đọc? Các thú tiêu khiển khác?

Có hoạt động trong thời kỳ này (chính trị, văn chương nghệ thuật, tôn giáo, xã hội,...)

Cuộc sống tình cảm có gì ghi nhớ (bạn bè, gia đình...)

5. Thời kỳ huấn luyện đại học:

Xin cho biết các chi tiết như trong phần thứ 4 trên.

6. Cuộc sống gia đình:

Mấy tuổi lập gia đình? Hoạt động của vợ hôn phối? Có mấy người con, hoạt động của các con?

7. Đời hoạt động văn nghệ:

Mấy tuổi bước vào đời hoạt động văn nghệ? Bắt đầu bằng hoạt động gì (làm báo, viết báo, làm thơ, viết truyện...)?

Có những kỷ niệm gì về tác phẩm đầu tiên?

Thường sáng tác trong những trường hợp nào? Viết ban đêm hay ban ngày? Có hay sửa chữa nhiều?

Các tác phẩm đã xuất bản? đã đăng báo?

Dư luận của giới phê bình có làm tác giả hài lòng?

Quan điểm nghệ thuật của tác giả? Những trù tính về văn chương, văn hoá của tác giả? tác giả nghĩ gì về tình hình văn nghệ hiện nay?

8. Đời sống xã hội của tác giả

Hoạt động nghề nghiệp hiện tại và trong quá khứ?

Thú tiêu khiển và đam mê của tác giả?

9. Các điểm khác tác giả muốn cho biết.



(tranh Lữ Kiều)

NHỮNG BÀI VIẾT MỚI VỀ HOÀI KHANH

* HẢI PHƯƠNG * PHẠM NGỌC LƯ * NGUYỄN
LỆ UYÊN



Hoài Khanh và Hải Phương (trích Album HP)

HẢI PHƯƠNG

Hoài Khanh

“Một Đời Nghe Gió thổi Hoài”

Con sông Cà Ty nơi giáp cửa biển và rừng ở trên nguồn
cao trôi trong ký ức xanh làm nền bố cục lục bát Hoài
Khanh thứ âm điệu ảm buồn không ngọt. Không ngọt:

Bao nhiêu con nước xa nguồn

Thì con sông đó cũng buồn thế thôi.

Hơn nữa, thơ chàng, lục bát của chàng là "Một trời thơ
buồn bã vô cùng" (1) :

Thôi ngày xưa đã hoang vu

Một thân thể mọc rễ từ sơ sinh...

Hơn nữa, thơ lục bát của chàng là một trời thơ chiêm bao
lênh lảng đêm qua đêm kia hay đêm nào nữa ngàn đêm
trên đôi vú mộng tỉnh thể mọc nhánh ra hoa:

*Đêm kia ta mộng hoang đàng
Thấy đôi vú mộng em tràn trề hoa.*

Đánh hơi được chút gì còn che giấu nơi tính thể "*thấy đôi vú mộng em tràn trề hoa*" để thấy Dâng Rừng "*một trời thơ buồn bã vô cùng*" để thấy buổi ra đi buổi ra về buổi ra khỏi nơi hang ổ là lúc "*chỉ còn trong cõi lạc loài nhớ nhau.*"

Không có bước chân êm ái trên cát biển quê nhà nơi con còng mở dấu nguyên ngôn sóng vỗ về phía dặm trường miền viễn mà chỉ mở phôi ra thên thang bày biện ra vội vàng một chút gì lóng lánh "*hương sắc mong manh.*"

Bởi vì nó "*phôi phôi*" cho nên nó rất "*mong manh rất Hoài Khanh*" còn ở lại nơi "*Quê Hương Giữa Đỉnh Cao và Hố Thẳm.*"

Đánh hơi được chút gì còn che giấu nơi tính thể thấy đôi vú mộng chiêm bao là "*những điều quỷ nói với ma những điều bướm nói với chim những điều gió nói với sương những điều biển nói với sông nghe ra chết chìm nghe ra đậm niềm yêu thương nghe ra cội nguồn mệnh mông*" hé mở trong mắt em một thiên thu chưa về một thiên thu chưa có nhưng là một thiên thu với với đợi mong:

*Một lần ta thấy thiên thu
Ẩn trong màu mắt mịt mù của em.*

Đánh hơi được chút gì còn che giấu nơi tính thể của khoảnh khắc giây phút lá phục sinh thổi gió vào núi xanh lơ không khí bị xé rách thứ khí hậu ảm lạnh mà xôn xao từ chỗ thiên thai vỡ oà mặt trời trong mắt em để nghe:

*một đời nghe gió thổi hoài
nghe mưa rụng mãi nghe dài dậm xa.*

Và để nghe trong sâu thẳm của ký ức của hoài niệm của lãng quên êm ái một quê nhà chưa có và cũng để thấy để nhìn để chiêm nghiệm "sắc màu phiêu hốt giọng cười ra ma," cũng chỉ bởi vì một lý do hay cũng không lý do nào xui khiến để:

*Như em tuyệt đỉnh cung buồn
Vì chưng nhan sắc dậy bừng chiêm bao!*

Ông Lương Minh Đức (2) chủ trương tuyển tập Mây Thu, giới thiệu Tiếng Thơ Miền Trung, phát hành năm 1958, thì Hoài Khanh xuất hiện trên thi đàn như một tác giả "rất ấn tượng." Nhưng phải đợi gần 5 năm sau thi phẩm thứ hai, sau Dâng Rừng 1957, mới được phát hành: Thân Phận, thơ, 1962.

Cũng từ dạo đó cho đến bây giờ mỗi lần được về thành phố quê nhà của tác giả Thân Phận tôi lại thêm ngâm câu lục bát của chàng:

Về Phan Thiết thêm ngâm câu lục bát
Hoài Khanh, Từ Thế Mộng, Thế Viên ơi
Con sông ấy có chở theo "Thân Phận"
Sao thuở "Dâng Rừng" đôi vú mộng ra hoa.

Cũng chính bắt đầu từ năm đó, năm 1962, tác phẩm Thân Phận đã chọn lựa thân phận của Hoài Khanh. Cho chàng cái thân phận mà chàng đã chịu và cũng xác định được vị trí chỗ đứng của chàng trong giòng văn học miền Nam.

Cái vũ trụ ngoại giới cời lên cảm trạng nội tâm cào cấu

lóc ra từ cái nhìn cuộc đời mà thân phận trao cho chàng. Chàng không có quyền chọn lựa thân phận. Thân phận chọn lựa chàng. Ngay chính "Thân Phận" là tác phẩm của chàng cũng vậy, nó vận vào, vận mãi vào đời sống chàng. Hay chính thân phận trao cho chàng cuộc đời. Cuộc đời chàng sinh ra lú mằm trên nách cây tươi nõn bên bờ sông Cà Ty và giữa hai triền núi Cú và Tà Dôn. Và còn nữa. Và gió núi. Thứ khí hậu nam Trường Sơn nóng ẩm và mưa rừng. Và còn nữa. Và gió biển mang hơi muối mặn thổi hoài thổi hoài không ngớt cái âm điệu ảm buồn con sóng vỗ. Vỗ hoài thổi hoài một đời nghe sao thân phận réo gọi dâng rừng đi tám hướng mười phương đi mãi:

Tôi lớn lên ven bờ sông Cà Ty

Với giữa hai triền núi Cú và Tà Dôn

Lưu luyến nhìn biển cả gọi hồn đi tám hướng (3)

Cái cảm trạng đó được thấy từ được bao phủ được rực sáng lên với thân phận chàng đẹp lóng lánh cái "phong vận kỳ oan ngã tự cư." (4)

Cha tôi một nơi mẹ tôi một nơi và súng nổ

làm chúng tôi ôm nhau khóc hoài giữa cánh đồng

mà vài tấm tranh không sao che nổi

cơn gió bắc cũng như tôi lớn lên sau này

không sao che nổi buồn đau đón trên gương mặt râu rì của tôi... (5)

Vị đắng của bất hạnh, hay nói khác hơn là cuộc đời, là của "*Quê hương giữa đỉnh cao và hố thẳm,*" đã trao cho chàng đã trang điểm cho chàng cái khuôn mặt sáng trưng của thân phận lưu đày. Nguyễn Đình Tuyển viết tiếp: "*Giữa xã hội hôm nay, Hoài Khanh là hiện thân của kẻ bị*

lưu đầy." (6)

Khuôn mặt thân phận của chàng lại rực rỡ hơn lên để đón nhận "*chính từ cõi thế gian này*" nơi cư trú giữa cánh đồng gió bắc mùa đông này vòng hoa tặng giữa trùng ngộ mai sau:

Có từ tình thế gây hao

Là cơn trùng phục mai sau vĩnh tồn.

Cơn trùng phục mai sau vĩnh tồn là cơn gì? Phải chăng đó là tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đầy trên chính quê hương của chàng. Một mai sau vĩnh tồn đã dụ dỗ chàng đã khuyến khích chàng sống lây lất và nhiều khi bày biện cho chàng một dạ tiệc nhân sinh cũng không ra gì chỉ là thứ dự phóng bèo bọt từ một tâm thức quá yêu thương cuộc đời này mà thôi. Ngoài ra chỉ có mỗi dạ tiệc ăn gió nghe gió là *mãi mãi Hoài Khanh*

Một đời nghe gió thổi hoài.

Viết ở San Jose,

Tháng nam 2006

haiphuong68@hotmail.com

Ghi chú:

* Những câu, chữ viết nghiêng là thơ là chữ của Hoài Khanh. Thơ ông mộng mơ. Nhưng ngôn ngữ ông dùng không mộng mị. Chữ nghĩa rất sang trọng.

1- Nguyễn Đình Tuyển. Những Nhà Thơ Hôm Nay (Saigon -Đại Nam) trang 112.

- 2- Lương Minh Đức. Tuyển tập Mây Thu. Saigon 1958
- 3- Nguyễn Đình Tuyển. Sđd. Trang 111.
- 4- Nguyễn Du. Đọc Tiểu Thanh Ký. Câu 6.
- 5- Nguyễn Đình Tuyển. Sđd. Trang 111.
- 6- Nguyễn Đình Tuyển. Sđd. Trang 112

* Tác phẩm của Hoài Khanh:

Đã in:

DÂNG RỪNG, thơ, 1957

THÂN PHẬN, thơ, 1962

LỤC BÁT, thơ, 1968

GIÓ BẮC TRẺ NHỎ ĐOÁ HỒNG và DẾ, thơ, 1970

TRÍ NHỚ HOANG VU và KHÓI, tập truyện, 1970

HƯƠNG SẮC MONG MANH, thơ, 2005(Thư Ấn Quán Hoa Kỳ)

Sẽ in:

PHƯƠNG TRỜI LƯU VIỄN, thơ

QUÊ HƯƠNG GIỮA ĐỈNH CAO và HỒ THẨM, thơ

HẢI PHƯƠNG

Hoài Khanh

Từ Thế Mộng

Thế Viên ơi!

Người cầm bút chúng ta không ai quên được những bạn bè xưa của một thuở Sài Gòn đầy không khí văn chương, chữ nghĩa. Những bạn bè đó, có kẻ đã không còn nữa, có kẻ sống ngơ ngác trong nỗi khốn cùng, tuyệt vọng. Nhớ

bạn văn, từ San Diego Hải Phương gửi về bài thơ sau đây với những ghi chú đặc biệt của anh. Mời quý độc giả cùng đọc với chúng tôi.

Về Phan Thiết thêm ngâm câu lục bát
Hoài Khanh, Từ Thế Mộng, Thế Viên ơi
buổi sinh thời các người cùng ta chén rượu
nay xa người ta không rượu cũng môi cay
một thuở, bạn ta ơi, làm thơ ngất trời ngất biển
chiếc cầu gỗ có chở theo thân phận
sóng Cà Ty cồn bãi nhánh rêu bầy

Còn nhớ thuở lùa nai về chợ Đũi
Trần Sa Giang múa võ đi quyền
bài Tân Khánh bày ra thế trận
em-bán-bar bèn tặng hai két bia cao
Tạ thi sĩ bèn đọc người yêu tôi khóc
quán bên đường biết ai khóc ai đây
rừng Quế Sơn trắng khuya sâu ở lại
đêm rộng rình thương nữ áo quên cài

Bạn ta ơi, Hoài Khanh, Từ Thế Mộng, Thế Viên ơi!
Hải Phương

- *Người Yêu Tôi Khóc* , của Thế Viên, xuất bản giữa thập niên 60, giải Văn học Nghệ thuật của TổngTHống. Thế Viên mới mất ở bệnh viện Nguyễn Trãi Sài Gòn tháng 2 năm 1993. Dạy học ở Phan Bội Châu, Phan Thiết; Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho; Võ Tánh, Nha Trang. Cựu Đại úy ANQĐ. Tù ở Gia Trung.
- *Thân Phận*, thi phẩm của Hoài Khanh, xuất bản đầu năm 60. Hiện ở Sài Gòn. Có in thơ trên Khởi Hành số tháng 5- 1997
- *Từ Thế Mộng* hiện dạy học ở Phan Thiết. Sắp in thơ (tin của

Trịnh Cung)

- Nại, thi phẩm của Sa Giang Trần Tuấn Kiệt, Bùi Giáng viết tựa, xuất bản năm 1962, Tân Khánh, bộ sách vô của Trần Tuấn Kiệt (5 cuốn), xuất bản đầu thập niên 70. Hiện đau nặng ở Sào Gòn.

- Sầu ở lại, thi phẩm của Tạ Ký, Quế Sơn (nhà in của chị Bùi Giáng, ở đường Nguyễn Thiện Thuật Sài Gòn) xuất bản năm 1970, được giải Văn học Nghệ thuật của Tổng thống. Tạ Ký vượt biên, mất ở trại giam Rạch Giá năm 1980.

- Thế Viên ra mắt tập Người Yêu Tôi Khóc, sài Gòn. Hách quá! Các em bán bar ta ơi!

(thông tin của hải Phương, năm 1997, khi ở La Village Jolla)

PHẠM NGỌC LƯU

Hoài Khanh và Thân Phận

(Tập bút)

Nhắc đến Hoài Khanh, rất nhiều người yêu thơ miền Nam thập niên 1960 và đầu 1970 nghĩ ngay đến *Thân Phận*, tập thơ giúp anh thành danh trên văn đàn thuở đó. Phải mất gần mười năm chập chờn đồng bóng đeo đẳng đuổi bắt “nàng thơ”, phải ngàn ngàn đêm bồng bềnh lơ lửng giữa hai bờ lục bát, Hoài Khanh mới có một *Thân Phận* cho mình, cho đời.

Trước *Thân Phận*, tập *Dâng Rừng* (xb năm 1957) chẳng gây nổi một âm vang nào bởi những non nớt thô thiển

không thể tránh khỏi của một tập thơ đầu tay. Tuy vậy, văn học miền Nam vào cuối thập niên 1950 cũng chưa có gì khởi sắc cả, chỉ mới bước đầu tập hợp, hình thành; nên việc một chàng thanh niên mới 23 tuổi sẵn sàng bán chiếc mobilette của mình (theo lời anh kể) để lấy tiền tự xuất bản tập thơ đầu tay nên đã nói lên lòng đam mê thơ và sự khảng khái quyết tâm dẫn bước vào ngưỡng cửa thi ca. Sau *Thân Phận*, Hoài Khanh còn in tiếp hai tập thơ nữa nhưng cũng chẳng có âm vang gì lớn lao cả, có thể do tình hình văn học miền Nam sau hiệp định Paris 1973 đang hồi dao động nhốn nhác, thi ca “chẳng là gì” khi mà thời cuộc đang chuyển động để bước đến bước ngoặt định mệnh của lịch sử.

Chung quy, theo tôi, cả đời thơ của Hoài Khanh chỉ còn để lại một *Thân Phận*. Mai kia, khi mà “những đám mây hắc ám tan biến đi, bầu trời (văn học) muôn thuở vẫn tươi xanh trong sáng”, tôi tin rằng một số bài thơ trong *Thân Phận* sẽ còn tồn tại với văn học sử Việt Nam.

Khi tập *Thân Phận* ra đời, kẻ viết bài này đang học trung học và mới tập tễnh đến với thơ, chiêm ngưỡng thơ như một nữ thần nhan sắc, ngẩng nhìn tên tuổi các thi sĩ thành danh với lòng ngưỡng mộ: nào Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Viên Linh. Nào Bùi Giáng, Nguyễn Đức Sơn, Hoài Khanh.v.v. Đạo đó tôi chưa hề đọc *Thân Phận* mà chỉ đọc thơ Hoài Khanh đăng rải rác trên các tạp chí văn nghệ và một số nhận định về thơ anh của các nhà phê bình uy tín. Có rất nhiều lời khen thơ Hoài Khanh, đặc biệt là lục bát, một lục bát của riêng anh, khác với lục bát Viên Linh, càng khác hẳn lục bát Bùi Giáng. Mỗi nhà thơ mỗi vẻ, mỗi

tính cách; mỗi cây bút đều muốn tìm cho riêng mình một đặc trưng tâm kỳ độc đáo. Điều quan trọng là liệu cái hay và cái mới của thơ thời đó còn đứng vững cho tới hôm nay hay không?

Hôm nay, hơn 40 năm sau khi *Thân Phận* ra đời, qua bao nhiêu ngày dẫu tháng bề, qua trùng trùng nước chảy chân cầu, bèo trôi bọt nổi, tôi mới được đọc *Thân Phận* ngay trước mặt tác giả và hiểu vì sao một số bài thơ của Hoài Khanh đã đi vào lòng người đọc một thuở. Trong tay tôi lúc này, *Thân Phận* là bản tái bản năm 1969, màu giấy đã vàng úa nhưng nhiều bài viết trước năm 1962 (thuở mà miền Nam đang tương đối thanh bình) như vẫn còn nóng hổi hơi thở, ngậy ngậy mùi tâm sự và thuần thục cái buồn thiên cổ.

*Thôi tôi trăm một vũng sầu
Rừng hoang bản ngã cúi đầu trống trơn
Nghiến răng xưa mối u hờn
Lòng nghe tịch mịch tiếng buồn muôn xưa*
(*Thân phận*, trg 29)

*Nước xuôi lạnh một dòng sầu
Biết về đâu hơi mấy màu thời gian
Ta nghe lòng vỡ cung đàn
Hồn âm thanh rợn chiều hoang lá cành*

...
*Con sông nào đã xa nguồn
Thì con sông đó sẽ buồn với tôi*
(*Dòng sông của tôi*, trg 26)

Đó là cái buồn không của riêng Hoài Khanh mà của cả muôn thuở nhân sinh hữu hạn này và anh đã phổ nó vào lục bát rất thành công. Cũng cái buồn căn cơ cốt nhục đó anh đẩy vào thể thơ 8 chữ liên vận bằng bằng trắc trắc hoặc thơ tự do thì nó khắp khễnh ngay. Bởi vậy, theo tôi,

sở trường của Hoài Khanh là lục bát; thể thơ này rất phù hợp với tính cách và tâm trạng của anh. Trong khi nhiều bạn bè rất thích bài *Ngồi Lại Bên Cầu* và thuộc lòng nó vì ai cũng muốn tưởng tượng thấy hình bóng của chính mình trong:

Tôi lẩn trốn vì thấy mình không thể

Mây của trời rồi gió sẽ mang đi

Thì tôi khẳng định với Hoài Khanh rằng: *Trông Theo* mới là bài hay nhất trong *Thân Phận* và có thể, của cả đời làm thơ của anh:

Bến sông này, bến sông này

Trăng xưa lạnh xuống hàng cây gục đầu

Người xưa chừ biết là đâu

Này trăng gió cũ này câu già từ

Lối đi vàng nhạt mùa thu

Nghe lau lách động niềm u uất buồn

Mất người mang cả quê hương

Lòng ta mang cả đoạn trường tháng năm

Nhưng khi đã biết tình cờ

Thì hai thứ tóc đã mờ giắc xưa

Với trăng chia nhớ đôi bờ

Với sông bến nọ chia giờ ra đi

Người ơi còn lại những gì

Mai sau nếu chút tình si úa tàn

(trg 56-58)

Vậy nhưng chẳng có bến bờ nào đâu! Chảy mãi không ngừng nghỉ trong Hoài Khanh là dòng-sông-không-có-hai-bờ của đìu hiu cô đơn, hoang vu quạnh quẽ. Một nỗi buồn miên viễn thiên thu cứ lững lờ gợn gợn, cứ thấp thoáng nhấp nhô, không chót vót cao, không thăm thẳm sâu, chẳng mênh mông rộng, nó u u ỉn ỉn, mờ mờ mịt

mịt, lạnh lạnh thê thê Gấp sách lại, nhắm mắt định tĩnh một phút rồi lại mở ra, bàng hoàng đọc: “*Nhìn nét mặt Khanh tôi thấy sự Chết, tôi thấy Bệnh hoạn, Đau khổ, Quần quai, Khắc khoải, Ray rứt, Xao xuyến, Hãi hùng, Cô đơn; tôi thấy sự Chiến bại, sự Thất vọng của con người*” (Phạm Công Thiện, lời tựa Thân Phận).

Tôi giật mình, ngẩng nhìn Hoài Khanh và e dè hỏi: “Chữ nghĩa của Phạm Công Thiện khốc liệt quá, có thật hồi còn trẻ anh ít nhiều giống như được miêu tả không?”. Hoài Khanh bình thản nói: “Đời tôi ăm ắp nỗi buồn từ khi còn nhỏ tuổi”. Người buồn thì làm sao làm thơ “vui” nổi! Người đọc hầu như không tìm thấy trong Thân Phận một bài hoặc năm ba câu tương đối lạc quan hoặc có chút gì khinh mạn kiêu bạc là phải. Tôi lại tò mò: “Cùng thời với anh, một số nhà văn nhà thơ khá ồn ào, tìm cách lăng xê xưng tụng tán thưởng nhau, được phỏng vấn, được các người đẹp ái mộ, lại còn được giải thưởng .v.v. Còn anh thì lại im lìm lặng lẽ, nghĩ cũng lạ”. Hoài Khanh vẫn bình thản: “Tôi khác họ, tôi không thích những thứ đó”. Thì ra vậy. Tôi lại cúi xuống trang sách:

“*Rồi tôi nhìn Khanh. Bỗng nhiên tôi thấy tất cả sự vật ngừng lại, cả thế giới lặng lẽ và Hoài Khanh cũng lặng lẽ như một bức ảnh treo tường*” (Phạm Công Thiện, lời tựa).

Lặng lẽ: cái mà tác giả *Ngày Sinh Của Rắn* ranh mãnh nhìn xuyên suốt bạn mình 40 năm trước, thì hôm nay càng lặng ngắt thê thiết hơn, giữa một thế giới quá hỗn mang chẳng phút giây tĩnh lặng, Hoài Khanh không còn là “bức ảnh treo tường” nữa mà anh đã hóa thạch từ lâu. Tôi “đọc” ở anh sự hoang mang và nỗi hãi hùng của của một người đang lẩn trốn quá khứ của chính mình, tự chôn vùi mình giữa Tang-Hải-Trận-Đồ hung bạo, cho dù phải dày vò mình trong cái cô đơn truyền kiếp, cho dù đời đã

cuối mùa tóc bạc, cổ lai hi!
Hỡi ơi dâu bể không làm mệnh
Mà kiếp trầm luân cũng bạc đầu.
(Trở gối)

Như thế, rõ ràng Hoài-Khanh-nhà-thơ-không-chết, bởi anh là *nhà thơ đích thực*. Từ lâu chúng tôi đã nghiệm ra điều này: giữa trầm luân dâu bể, chắc chắn chúng ta bị tước đoạt và mất mát rất nhiều thứ, nhưng nếu tự đánh mất *nhân cách* của mình thì không bao giờ có thể trở thành nhà văn nhà thơ đích thực được. Tuy vậy, trước một Hoài-Khanh-đời-thường, lắm khi chúng tôi cảm thấy áy náy, không vui bởi anh quá lặng lẽ, khép kín, ít nói, hững hờ, nhạt nhẽo, giấu mình quá kỹ và rất ái ngại những gặp gỡ có nhiều người. Anh vẫn đắm mình trong cái thâm u hiu hắt, không chịu thoát ra khỏi vòng tay của nỗi cô đơn thâm căn cố đế và dường như cứ bị những hình bóng ma quỷ dữ dằn nào đó ám ảnh, đe dọa. Một lần nữa tôi thắm thía đọc lời tựa dữ dội mà Phạm Công Thiện viết cho *Thân Phận* khi ông mới 21 tuổi, đó không hẳn là những câu tiên tri mà còn là một phán quyết khắc nghiệt về thân phận của Hoài Khanh cũng như của thơ anh: “*Chỉ nhìn nét mặt Hoài Khanh và chỉ nghe sự im lặng của anh, tôi kinh hoàng. Tôi muốn đuổi anh đi ngay*Bởi vì đây là hình ảnh bi đát của đời, của con người, của một kẻ bị dày ải giữa bãi đất hoang tàn của nghĩa địa trần gian”. Chắc Phạm Công Thiện không còn nhớ gì lời tựa bốc đồng đó, nhưng lúc này nếu gặp lại người bạn cũ của mình chắc ông sẽ rưng rưng và im lặng cái-im-lặng-của-Hoài-Khanh! Và:

Ta đi lòng có trong mờ
Bước vô tư vẫn lạnh bờ ly tan
Sông xanh rời trắng mây vàng

*Chút hồn sơ cổ rợn ngàn sương phong
(Quên, trg 34)*

Phạm Ngọc Lư
(tháng 3.2006)

NGUYỄN LÊ UYÊN

Gió Bắc Trẻ Nhỏ Đóa Hồng Và Dế (*)
Khúc hát nao lòng



Khoảng giữa thập niên 1960, tôi đứng xa nhìn ngắm Hoài Khanh qua những bài thơ đăng rải rác trên các tạp chí Văn Nghệ Sài Gòn, một vài truyện ngắn, một số dịch phẩm và đặc biệt là các bài viết về thi ca châu Phi da đen. Đứng rất xa đọc và không có một ý niệm nào rõ rệt, ngay cả khi đến tòa soạn gửi bài cho tập san Giữ Thơm Quê Mẹ thấy ông đang ngồi tiếp chuyện thầy Thanh Tuệ và Tuệ Sĩ.

Mấy năm sau đến nhà xuất bản Ca Dao, vẫn thấy đôi kính cận ngồi lún giữa chồng bản thảo. Vẫn đứng xa mà

nhìn ngắm, chưa một lần được hầu chuyện. Cho mãi đến năm 1973, sau hiệp định Paris, Nguyễn Mộng Giác, Quán Như rủ tôi và Bùi Nghi Trang lên nhà Hoài Khanh ở Biên Hòa bàn chuyện ra một tạp chí văn nghệ. Ba mươi mấy năm qua, hẳn không ai còn nhớ chi tiết về nội dung bàn bạc chuyện làm một tờ báo như mong đợi, nhưng không ai có thể quên căn nhà nhỏ nhẵn nhụi lọt thỏm giữa vườn bưởi trắng hoa, trái tròn lủng lẳng và bữa rượu ngoài bờ sông Đồng Nai. Một khung cảnh thật trong lành, thanh bình. Không gian ấy cộng với những ý tưởng thời tuổi trẻ tưởng đâu có thể giúp chúng tôi ra được một tờ báo theo đúng nghĩa mà chúng tôi hằng ấp ủ. Nhưng khôn thay ảo vọng lừa mị năm 73 làm đổ vỡ tất cả. Những hào hứng chữ nghĩa vừa mới khởi dựng thì rầm một cái, tan tành thành mây thành khói, thành chia lìa, tan tác và chấm hết.

Mấy chục năm sau, thỉnh thoảng mới được đọc vài bài thơ của ông dưới hình thức tuyển tập, qui tụ những cây viết Sài Gòn cũ. Thơ ông vẫn dung dị, mộc mạc, vẫn giữ được giọng điệu rất riêng từ những năm trước, không lên gân, không đồng bóng như một số người cầm bút (cũ) khác trên các tờ báo “bây giờ”, ví như mấy câu sau:

Rằng em là gái má hồng

Rằng nhà em ở bên dòng Cà Ty

Một hôm hạnh ngộ bất kỳ

Gặp người trong mộng dễ gì quên sao?

(Hoài Khanh, Hỡi người tóc tuổi áo bay).

Câu thơ vừa thoáng gặp, dường như có chút gì se thắt không như trước kia với *Thân phận* với *Gió bắc trẻ nhỏ* *đóa hồng* và *đế* và *Hơi thở ánh trăng* và *mặt đất* mà ở đó chữ nghĩa không bị câu thúc, không bị ràng buộc, không phải dòm trước ngó sau, vẫn ngồi ngồi là dòng thơ riêng

biệt của một Hoài Khanh dung dị mà ẩn chứa tầng sâu ngôn ngữ chỉ có thể đồng cảm trong nỗi bi thương cùng khổ về thân phận làm người, về những điều muôn năm sẽ vẫn phải còn nói đến, phải còn gào rống, tuy mỗi người có cách nói và gào rống khác nhau.

*

28 bài thơ trong *Gió bắc trẻ nhỏ đóa hồng và để thoát đầu* tưởng như dòng chảy lững lờ của tuổi thơ, của an nhiên tự tại, vô ngã vô thanh để vút lên tiếng sáo diều vi vu giữa tầng không thênh thang xanh ngắt:

Để làm chi em bé biết hay không

Và đóa hồng xin người đừng đáp vội

Và chú để thân yêu xin chờ nói

Để cho ta còn có thể – rất mơ màng

Thở nhẹ qua những dòng sương trắng

Để cho ta còn nghe thấy tiếng thời gian

Đi chậm chậm trên những tàu lá chuối

Và chú bé

Hãy cười như đá cuội

Ngủ cùng ta trong giấc ngủ vô cùng

(trg 108-109)

nhưng không, *dòng sương trắng, tiếng thời gian* chưa phải là sự quay về để ngắm nhìn quá khứ tuổi thơ mà là cái nhìn phóng tối, chạm hấn vào thực tế đau thương tròn như *viên bi lăn là bài học thuộc lòng*, là cánh chuồn chuồn, con dế, con còng tất cả đều lăn vào cõi mộng diu ông đi bằng đôi hia bảy dặm, bằng cơn mộng du lăn cù từ đôi cát xuống mép biển êm và lênh đênh trên đại dương mênh mông. Một cuộc viễn du mộng mị tuổi thơ bị cái giật mình khóc thét để *biết rằng đã trễ giờ đi học*, dường như là những báo ứng về những số phận mong manh sẽ hiện về, rất gần trong tầm mắt, trong cái với tay của đôi

cánh thời gian:

Hốt nhiên tôi trực nhận dòng sông

Chính là máu của ngàn năm tích lũy

Đã chảy hoài trong những cuộc chiến tranh kia

() Cũng từ đó tôi bắt đầu làm thơ

Những vần thơ quá buồn dường như ích kỷ

Nhưng đâu lỗi tại tôi

Vì dòng sông cứ lặng lẽ trôi hoài

Như những cuộc chiến tranh – tôi không làm sao chịu nổi

(trg 23, 25)

Vâng, không phải lỗi từ phía nhà thơ – những nghệ sĩ, những người luôn đi tìm kiếm cái đẹp cho cuộc đời đau thương này, những người luôn tự do trong suy tưởng, không hề bị câu thúc, trói buộc bởi những luận điểm hoang tưởng của các nhà chính trị hoạt đầu. Bởi cái đẹp của nghệ sĩ là *trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng*, trong khi cái đẹp giáo hoạt là đẩy cả dân tộc, cả loài người đến bờ vực của máu, xương khô, tù ngục do một dùm người khổng chế bằng lưỡi lê, xiềng xích, bằng thứ chữ nghĩa ba hoa, bằng những luận điểm thô lỗ cục cằn

Con đường đi đến cái đẹp của thơ ca là tự do tuyệt đối.

Con đường đi đến hạnh phúc của chính trị là ngục tù, đẩy chết.

Cái thực tế ấy cứ lồ lộ trước mắt, không che đậy.

Và như bao nhiêu nghệ sĩ khác, Hoài Khanh đã bay theo đường bay nghệ thuật, đẩy cái nhìn ra cõi xa xăm, rung lên theo từng cơn run rẩy của số phận đói no, tồn tại và hủy diệt. Cứ vậy, ông bay đi cùng niềm hạnh phúc trẻ thơ, nỗi đau nhân thế, ấm lạnh từng cơn

*

Cứ ngỡ một Hoài Khanh dung dị trong đời thường, dung dị hồn nhiên khi sử dụng ngôn ngữ phối bày những rung

cảm hẳn sẽ làm người đọc ông cũng rung lên cảm xúc của đêm góc phố xanh cùng ông. Nhưng không. Sự yên tĩnh của Hoài Khanh chính là những vòng xoáy thời gian, vòng nghịch lý của định mệnh được báo trước, sự khốn cùng của khiếp người ở cõi trần gian bụi cát:

Tiếng đồng hồ mãi mãi lạnh lùng buông
Như triệu nghìn đêm đi vào ngõ vắng lưu
của tiếng trống định mệnh đập chùng
khởi từ cõi vô chung vô thủy!
Và đó hoa hồng này không để tặng ai
Vì máu đã chảy bởi một người đã sống

(trg41)

Niềm viễn lưu trong thơ ông chính là cuộc tình chữ nghĩa lang thang vô tận vô cùng, lẫn lộn lốc trên ghềnh vực thẳm của vòng xoáy, của nỗi khao khát tự do:

Mỗi người là một viên bi
Suốt đời lăn tròn trong niềm viễn lưu
Của ngày nổi trôi bèo bọt ốc đảo
Của đêm lang thang cánh dơi
Và đời sống mỗi người
Như chiếc pháo bông đã được đốt lên
Tình cờ đứa bé nào đó quay tròn

Và thơ tôi cũng vậy (trg 51)

Suốt cả 109 trang thơ *Gió bắc trẻ nhỏ* đó hoa hồng và để là cõi quạnh hiu đến nao lòng. Có lúc tưởng chừng ông ngoảnh về cõi Thiên với cõi trắng không hình dạng, nhưng chỉ trong một sát na, tâm tưởng ông lại chạm ngay tới nỗi đau muôn năm không nơi bày giải. Và cứ thế nỗi lòng ông xé toang lên, ùng ục bị thương bằng lời ru của bà mẹ quê cam chịu số phận đắng cay:

Hãy ngủ đi hỡi những bé con thiên thần ở khắp mười phương trái đất – dù em là da đỏ hay da vàng, da đen hay

da trắng.

*Vì em là tiếng thiên thu
Hóa thân về cõi ngục tù nhân gian*

Cho nên mộng cũng hoang tàn

Thiên thu ời cứ phụ phàng nữa đi (trg 86)

Đó là tiếng thở dài nấu ruột gan của Hoài Khanh cách đây 36 năm.

Dấu kính biếu của nhà xuất bản Ca Dao nhòe màu son.

Nỗi lòng gửi gắm của ông như còn run rẩy bên dưới nét gạch ngập ngừng của chữ ký.

(*) Gió bắc trẻ nhỏ đóa hồng và đế, nxb Ca Dao, SG 7/1970



(Tranh Lữ Kiều)

TRANG THƠ & TRUYỆN CỦA HOÀI KHANH

**Lá thư của anh Hoài Khanh gửi cho PVN qua
“điện thư”. Chúng tôi đi trên số này để độc giả
thấy rõ thêm về Hoài Khanh**

Sun , 23 Apr 2006

Anh Nhân Thân mến ,

Nghĩ tới nghĩ lui thôi tôi xin Anh và THT cho tôi miễn trả lời 6 câu hỏi , tôi cũng còn yếu quá , vả lại tôi vốn dốt quen nên không biết trả lời ra sao , mong 2 Anh thông cảm cho ; Thay vào đó , tôi xin gửi TQBT mấy dòng viết của Bùi Giáng để làm đối trọng cho nhận xét của ĐT cho là tập này hoàn toàn vô giá trị và cổ quá . Sự thực thì tập này đã làm cho độc giả chú ý tôi nhiều vì tôi viết lúc ấy mới khoảng 20 tuổi . Nhờ đó mà khi Thân Phận ra tiếp sau đó độc giả đã tiếp đón rộng rãi trước khi ĐT viết về nó. Tôi xin trích lại của một người viết :

“ Anh làm thơ rất sớm , lúc chưa 20 tuổi đã xuất bản tập thơ Dâng Rừng . _ Nhà Thơ Bùi Giáng trong sách Giảng Luận về Chu Mạnh Trinh (Nhà xb Tân Việt 1959) , trang 24 có viết về tác phẩm này (xin trích một đoạn)

(Và Hoài Khanh

“Chỉ yêu là một nụ cười

“Chỉ đau lòng lệ của người mà thôi

“ Ai lên mà hỏi được trời

“Vì sao nhân thế hay cười lại đau

“Qua sông là một nhịp cầu

“Qua tôi là một kiếp sầu vô chung

“Anh chưa quá 20 tuổi , anh viết những vần thơ mà Nguyễn Du, Nguyễn Khắc Hiếu tái sinh nghe được phải lạnh mình trước cái vĩ đại hồn nhiên lẫm liệt của tài hoa chưa ráo máu đầu . cái vẽ ngậy thơ thăm thẳm của lời

thơ , chỉ những thiên tài xuất chúng mới có được . Những làm ơn che khuất⁽¹⁾ , những ngàn xiêu gió thành⁽²⁾ , những chỉ đau lòng lệ⁽³⁾ , những tôi còn gì nữa là tôi⁽⁴⁾ , những rằng không thì cũng vâng lời rằng không⁽⁵⁾ , những rung lòng dưới lối em đi⁽⁶⁾ , những lời ký nữ đã vỡ vì nước mắt⁽⁷⁾ , những gió bao lần từng trận nhớ thương đi⁽⁸⁾ , chính chúng là dấu hiệu , là bằng chứng tuyệt đối của thiên tài.

(1) thơ Nguyễn Du (2)?(3) thơ Hoài Khanh ,(4) ?(5) thơ Nguyễn Du , (6)?(7)?(8)? (HK chú thích)

(Năm 2002 về Phan Thiết (sau 1975) có ghé thăm Anh Từ Thế Mộng và thấy trên kệ anh M có tập Lục Bát Tình dày 616 trang . Xin trích bài Thay Lời Tựa của Trần Hữu Dũng :

(...) Một Hoài Khanh với một dòng sông thơ buốt giá tâm linh :

“ Qua sông là một nhịp cầu
Qua tôi là một kiếp sầu vô chung (trích Dâng Rừng)

*

“ Con sông nào đã xa nguồn
Thì con sông ấy sẽ buồn với tôi

Lục Bát Tình còn ra dưới hình thức mini , 2 cuốn đều có in bài Thơ , Đất và chiêm bao của Hoài Khanh)

Vài hàng gửi thăm anh chị và các cháu vui khoẻ . Hy vọng là ngày anh về tôi vẫn còn sống để được cùng anh nói những chuyện tràng giang , đại hải của củ gừng củ nghệ cho đã thềm .

Tình Thân .

Hoài Khanh



Hoài Khanh hình mới nhất

.Người ta thường nhắc đến một Hoài Khanh làm thơ, một Hoài Khanh viết tiểu luận về thi ca da đen, dịch thuật, nhưng hiếm người biết đến anh qua những truyện ngắn dung dị, chân chất nhưng lại sâu lắng của tầng ngôn ngữ thứ hai.

TQBT trích đăng hai truyện ngắn của anh:

- Cho Lòng Thở Than.

- Thấp Một Ngọn Đèn

Sau đây là một ẩn dụ như thế) (TQBT).

CHO LÒNG THỞ THAN

(truyện ngắn)

Cái ao nước đó, cánh đồng đó, khuya hôm nay bỗng sáng chói trong linh hồn chị Năm một cách xót xa tột đại. Đó là một trong muôn vàn cái ao, cánh đồng Việt Nam

hay rộng hơn của Á châu đau khổ đang phản chiếu lại cùng tận những gì là khốn khổ, thê lương của mỗi linh hồn đau khổ, bơ vơ, trong đó, khuya hôm nay có một chị Năm đang lắng nghe, đang lắng nghe.

Đã lâu rồi chị Năm không biết khóc nữa. Nhưng khuya hôm nay những dòng lệ thi nhau lẫn xuống đôi má nhăn nhéo của chị như những giọt sương nào lẫn xuống những cọng cỏ đã khô. Chị nằm đó một cách bất động đang lắng nghe tiếng côn trùng nỉ non bốn phía, thỉnh thoảng căn nhà tắm tối bỗng vụt lóe lên những tia chớp ngời sáng rồi tắt lịm, như tiếng một con dế đang hăng hái gáy rân bồng tắt lịm. Chị hình dung đến một con rắn mỗ vào đầu con dế như chị đã thấy trưa hôm kia con ve đang cất tiếng hát bài ca mùa hè bất tận của nó thì một con cắc kè lừ lừ, lạnh lùng mỗ vào đầu con ve nghe một cái “cụp” khô khan và rồi khoảng không gian như đọng cứng lại với cái oi bức của trưa hè vắng lặng mệnh mông dần trải ra trong linh hồn chị một nỗi xót thương cùng cực.

Chị không hiểu sự đời sao lại như thế! Con ve và con cắc kè. Con rắn và con dế. Và cánh đồng quê làng mỗi đêm đen tối, thỉnh thoảng đằng cuối chân trời vụt lên những tia chớp cũng một cách thế lạnh lùng, tàn bạo như hình ảnh con ve và con cắc kè. Làm sao biết chị nghĩ gì với những hình ảnh mà có kẻ cho là thơ mộng đó. Ấy là những ngày Việt Nam hắt hiu tự bao đời với vô vàn sự sống và sự chết. Ấy là những đêm Việt Nam với vô vàn mộng寐 và khổ đau. Một chị Năm quê mùa chất phác có suy nghĩ gì đâu. Chẳng qua những hình ảnh đó ngẫu nhiên đến với chị, và đến trong một kỷ niệm khó phai mờ.

Cũng khuya nay chị lắng nghe trong xương máu mình

rung động lên nhịp điệu dầy lừng của thời con gái. Và thời con gái trôi qua đem đến cho chị một vết thương theo với tháng ngày dai dẳng của một đời lạnh lẽo không người. Người ta chắc phải sinh ra để sống với một vết thương. Bởi vì người ta không ai lại chẳng thương mình. Như thế, hẳn là chị Năm có đủ duyên cớ để thương mình gấp bội hơn ai.

Thời con gái, tình yêu đã đến với chị Năm một cách dầm thắm, dung dị. Có gì đâu, một sớm kia, sự tình cờ dun rủi đã khiến chị gặp anh Năm. Lúc đó, anh Năm là một chàng trai chăn trâu mướn cho một điền chủ trong làng. Bữa nọ anh lơ đãng thế nào mà để trâu vào ăn và đạp phá vườn của ông hai Lý. Ông hai Lý giận lắm quát tháo om sòm khi cột hai con trâu vào gốc mít

-Có chuyện gì vậy ba? Chị hỏi, chị là con gái thứ hai của ông hai Lý.

-Trâu nhà ai thả vào dẫm nát hết vườn chứ gì. Tao cột lại đây để coi ai là chủ nó thì phải bồi thường. Tức lắm không chịu nổi. Đâu phải cây trái tự nhiên nó mọc. Làm hết hơi hết nhẩn mới coi được mát mắt một chút chớ phải chơi đâu.

Và chị Năm cũng cảm tức nữa. Chị biết rằng vườn tược xanh tốt là do sự cần cù chăm sóc của ba chị và chị để kiếm hoa lợi nuôi bốn đứa em nhỏ – Má chị mất cách đây bốn năm sau căn bệnh trầm kha suốt mười mấy năm trời. Do đó mà gia đình đã nghèo lại khổ hơn. Tự nhiên chị cảm thấy thương ba chị vô hạn. Và càng thương ba chị càng cảm thấy căm giận kẻ nào đã thả trâu vào dẫm phá vườn chị.

Nhưng kẻ thả trâu vào vườn chị vốn là một chàng trai. Và chàng trai đó đủ sức làm chị thẳng thốt tâm thần khi

chị gặp mặt. Sự xuất hiện của chàng trai có một cái gì như hình ảnh khổ đau của gia đình chị lảng vảng, nhất là qua điệu bộ bi thảm và giọng nói phân trần chân thực của anh ta:

-Xin bác thương tình tha cho cháu, cháu nghèo khổ mới đi làm thuê ở mướn cho họ, đừng kiếm tiền

-Chú mày làm có tiền thì phải bồi thường những thiệt hại này chứ không thương tình gì ráo trọi.

-Dạ cháu định nói là cháu làm kiếm tiền để nuôi ba cháu. Ba cháu bị bệnh bại nằm liệt giường mấy năm nay.

-Thôi mệt lắm rồi – giọng nói ông hai Lý lạt hẳn xuống.

-Xin bác thương mà tha cho cháu, thuốc men cho ba cháu còn chưa đủ lấy gì mà bồi thường. Tội nghiệp cháu mà bác.

Giọng anh Năm lúc đó trầm lắng xuống và dư vang âm ỉ tỏa rộng ra phủ trên tâm hồn chị Năm khi chị hai tay chấp đàng sau đứng dựa vào vách lắng nghe. Hốt nhiên chị nghe trái tim chị đập rất mạnh và nhanh. Và chị cũng biết rằng ba chị đã động lòng – có thể ông hai Lý sẽ nghĩ đến bà hai Lý. Có thể ông sẽ nhớ đến tuổi trẻ của ông không còn nữa.

Vậy là hôm ấy có hai trái tim cùng đập rất mạnh và nhanh khi anh Năm quay cặp mắt hoảng hốt, ngỡ ngàng của mình về phía chị Năm: hai cặp mắt dường như nói rất nhiều, và có thể nói rất lớn hơn tất cả những chiếc loa trên cõi đời hiện tại mà ta thường nghe – Và chị Năm vội chạy xuống nhà bếp.

Cố nhiên, sau cùng anh Năm khỏi phải bồi thường gì cả. Nhưng có một điều mà anh Năm vượt qua một cách khó khăn là việc anh cậy người đến cưới chị Năm. Ông hai Lý thì không ghét gì anh, còn trái lại là khác. Song cái

khổ mà gia đình ông đã kinh qua, khiến ông lạnh lùng đứng đứng trước hai trái tim đập mạnh đó. Ông đã biết thế. Ông cũng thương “con Liên nó giống mẹ nó lắm” , ông thường khoe với người ta như vậy. Song nếu thương thì phải cương quyết, ông tự nghĩ, bởi vì một đời cha mẹ nó đã khổ, lẽ nào con Liên cũng khổ nữa hay sao!

Đó là những tình tự của A châu đau khổ, nghèo nàn. Ở đó những đêm nằm không ngủ nghe bốn bên vắng lên tiếng côn trùng thao thức như dòng suối róc rách trôi chảy không ngừng, như cuộc đời đi mãi những thế hệ: bởi sau cùng chị Năm cùng anh Năm đã tạo ra một đứa con trai ngộ nghĩnh. Nó tên là Luân. Trần Văn Luân.

Khi bé Luân được mười hai tháng thì có tin “Tây lại đổ bộ lên đất nước Việt Nam yêu dấu của chúng ta”” và ít hôm sau thì có tin Tây sắp đi bố vùng quê làng chị Năm. Chị bàn tính với anh Năm nên đi trước. “Đàn bà với con nít bề gì cũng không đến nỗi nào”. Chị nói và hối thúc anh Năm nên đi tránh trước. Nhưng sáng hôm sau thì làng kế cận khói lửa đã bốc cao và súng đã nổ một cách dồn dập, một cách ngán ngợp, lạc lõng bởi từ lâu làng quê vốn im lặng đều hiu.

Chị hối hả bồng bế bé Luân chạy theo đám đông. Khi ấy những cành gai mắc cổ dưới chân chị vừa cộm nhứt vừa mát lạnh bởi những giọt sương. Đó là một buổi sáng nào như sáng nay, nhưng là một buổi sáng của dân làng hốt hoảng, một buổi sáng không còn cạnh những bát chè xanh bốc khói đang khởi đầu thêm một ngày bình lặng, quen thuộc của làng Bình Thới Trung, một buổi sáng mà sự bình lặng quen thuộc chợt vỡ tung ra như tiếng “xoảng” vang vọng khô khan của một cái chén rơi xuống nền nhà. Đó là một buổi sáng của chị Năm. Vâng, phải

nói rằng đó là một buổi sáng duy nhất mà chị Năm đã trải qua. Một buổi sáng mà chị biết thế nào là thương yêu, hối tiếc, đau khổ, xót xa. Đó cũng là một buổi sáng của Á châu, nơi ánh mặt trời lên rất đẹp, vì những dòng sông lấp lánh, phản chiếu cứ trôi chảy mãi không ngừng.

**

Khuya hôm nay, cái ao đó, cánh đồng đó, buổi sáng đó sống lại trong trí nhớ chị một cách rõ ràng khi chị chợt nghe trong tiềm thức vẳng lên tiếng hát ru em của bác Liêu. Bác Liêu là người đàn bà miền Bắc, theo chồng vào Nam đã lâu, tận cái thời theo đợt tuyển nhân công cho đồn điền cao su. Bác Liêu vào đây đã lâu, nên giọng hát của bác như có một sự giao nối giữa hai miền; nhất là giữa trưa vắng vẻ của làng quê hoặc những đêm mưa rả rích trên mái lá, cạnh ngọn đèn dầu, người ta nghe giọng hát ấy ngân dài ra một cách tức tưởi, một cách xót xa bởi lời hát bình dị dường như đã được người hát phổ vào đấy linh hồn mình. Linh hồn của một người đàn bà Á châu nghèo nàn, khốn khổ không biết vì đâu!

Người ta thường đem câu chuyện của bác Liêu ra bàn tán. Qua những câu chuyện ấy ta biết rằng bác Liêu trai đã bỏ xác ở một đồn điền xa xôi vì sơn lam chướng khí và vì những lý do không ai biết được. Bơ vơ lạc lõng bác Liêu đành phải ở mướn làm thuê kiếm tiền nuôi mấy đứa con. Đôi khi quá buồn bác cũng nhậu nhẹt thả tay nên đã say sưa đến đổi. Năm lẫn giữa đường. Chửi rửa tục tũ. Đập phá đồ đạc. Xóm làng ai cũng khinh ghét bác. Nguyên rửa bác là người đàn bà hư đốn “thứ đàn bà mà uống rượu thì còn ra cái nước mẹ gì”.

Duy chỉ một người có thể “thông cảm” hoàn cảnh bác Liêu ấy là chị Năm. Hải nói rằng chị Năm hết sức thương yêu bác. Vì qua giọng hát tức tưởi, xót xa đó chị Năm như cảm nghe được cái hình ảnh bi đát hẩm hiu của người đàn bà góa bụa và lại xa cách quê hương. Quê hương xa rồi là xa cả những hoài vọng thiết thân tự thuở mình biết thở nhịp thở đầu tiên của một đời sống: nhịp thở rất yếu mềm song rất keo sơn gắn bó với trời đất giao hòa. Người chồng mất rồi là mất cả niềm vui sâu rộng, là mất sự đau khổ cao vút huy hoàng của ánh mặt trời lên. Bởi những người như chị Năm và bác Liêu lấy chồng không phải để sung sướng tắm thân, lên xe xuống ngựa, nhưng là để thiết lập bảng giá trị mới của riêng mình: sống trong mối sâu như sông và niềm vui như núi, và dựng lại cuộc đời mình qua hình ảnh của một Trần Văn Luân chẳng hạn.

Sau buổi trưa duy nhất ấy chị Năm đã trở thành một kẻ xa quê. Cũng là sự tình cờ dun rủ hình ảnh quê hương chợt hiện lên trong tâm hồn chị qua tiếng hát của bác Liêu. Có gì lạ lắm đâu. Nếu có một tấm gương đối diện, ta sẽ thấy ngay mặt mình. Cái mặt vừa hiện lên rõ ràng vừa chập chờn thoáng hiện, bởi vì khi ta nhìn cái mặt ta nó không còn là cái mặt: nó là một đối diện trong gương đã mất đi những khung trời tưởng nhớ.

Mặt trời lên vừa khỏi ngọn cau – người ta nghe tiếng chó sủa dồn dập đằng xa rồi càng lúc càng gần hơn. Khói. Nắng. Cánh đồng như nghe được sự đổ vỡ trong cơn gió hắt hiu, xào xạc. Đất nghe rền lên thành thạch của những

bước chân. Rất nhiều bàn chân hối hả. Những bàn chân không còn bước đi trên trái đất về nẻo chân trời. Những bàn chân lạc mất nhịp điệu hòa hài: hối hả, dồn dập, ngỡ ngác, lưỡng lự. Đúng là những bàn chân không thấy con đường về cõi trú ngụ. Những bàn chân đang quẩn quại chọn lựa giữa lẽ sống và sự chết. Những bàn chân hốt hải như con kiến đang lằng xằng chạy tới chạy lui trên một khúc củi đang cháy dở. Những bàn chân ấy ai biết sẽ về đâu? Và súng nổ dồn dã. Và khói bốc cao, bốc cao. Và mặt trời lằm lì ứốt đầm mồ hôi.

Có tiếng đứa bé khóc thét lên từng hồi cùng với tiếng vang rền của những bàn chân nện xuống bờ ruộng thình thịch. Đứa bé càng khóc thét lên. Súng càng nổ gần hơn với khói bốc cao lên tận chân trời. Tiếng chó sủa vọng theo cơn gió bùng lên lắng xuống từng hồi như sự ngổn ngang dằn trải trên cánh đồng cháy nắng chói chang. Buồn thay đứa bé vẫn khóc và khóc một cách không gì cản nổi.

Có tiếng thét lên lạnh lạnh như một mệnh lệnh của Thượng Đế ác nghiệt:

-Bóp họng nó lại hay là mấy trăm người sẽ chết.

Tiếng thét như một nhát dao chém xuống dưới nước thật mạnh, dư âm của nó là một sự bất thần vụt điếng lặng mênh mông. Những con mắt ngỡ ngác tìm nẻo cảm thông. Rất nhiều những con mắt chớp lên nhìn xuống, ta trông như những con đom đóm lập lờ tìm lối trong đêm tối.

-Bóp họng nó ngay hay là liệng nó xuống ao! Trời ơi không thể chần chờ được.

Rồi như từ một chỗ ma quái nào có tiếng nước nổ vọt lên một cách rời rã, một cách đứt đoạn, một cách tan nát.

Được rồi bà con cô bác ơi tôi sẽ ném nó xuống ao, trời ơi tôi không thể nào bóp họng nó được, nó tên Trần Văn Luân nó mới được mười hai tháng tôi không thể nào hiểu được tôi sợ lắm anh Năm ơi con ơi cha mẹ tôi đâu... súng nổ lửa khói – tôi sợ lắm tôi có biết gì đâu. Con ơi, trời ơi tôi sẽ ném nó xuống ao tôi sẽ ném nó xuống ao tôi sẽ ném nó xuống ao, trời ơi...!

Và những cái bọt nước bật lên sùng sục từng cụm rồi lan mãi lan mãi vào bờ, mặt ao lại lặng lẽ phản chiếu một bầu trời rất đẹp vì từng khối mây trắng chồng chất ngổn ngang lên nền trời xanh biếc – Im lặng – Im lặng – Im lặng – Im lặng. Thỉnh thoảng người ta nghe một tiếng nấc lên song đã được chặn lại bởi sự dồn nén quá độ. Một tiếng nấc tức tử, nhỏ nhoi, vô vọng nhưng ta nghe như đất trời đã rung chuyển bởi vì trong một buổi trưa người đàn bà chợt thấy cuộc đời khác hẳn. *Cuộc đời đâu có cho ta được quyền mãi mãi yêu con. Ta là nó nó là ta. Sao ta vẫn còn mà nó đâu?*

Câu hát không có gì cả, nó chỉ có hai câu được lặp đi lặp lại qua giọng hát náo nê của bác Liêu. Không biết ma lực nào đã gọi lên trong tiềm thức chị Năm tất cả những hình ảnh: quê hương, ấu thơ, tình yêu, đau khổ. Những hình ảnh ấy quay cuồng thoáng hiện qua giọng hát chợt trầm chợt bổng theo nhịp võng kéo kẹt đung đưa. Giữa một đêm khuya tiếng hát bỗng bừng lên như tiếng nói vô cùng đích thực của cuộc đời. Một cách ray rức. Một cách ẩn ức, xót xa. Câu hát ấy như vậy:

Trách trời sao khéo rặng đông,

Chẳng khuya chút nữa cho lòng thổ than

Phải nói thêm rằng câu hát này là của chị Năm. Của riêng biệt một chị Năm. Bởi vì chị Năm vẫn nằm đó – một cách bất động – trong căn nhà tối tăm mà thỉnh thoảng những tia chớp đằng cuối chân trời lóe lên cũng không sáng được bao nhiêu. Khuya khoắt – Tối đen – Im lặng – Duy chỉ có tiếng hát là lên thật cao – Thật cao vút tận bốn chân trời.

(Trích *Giữ Thơm Quê Mẹ*, tập san văn nghệ, Lá Bối xuất bản số 1 tháng 7 năm 1965)

THẤP MỘT NGỌN ĐÈN

(truyện ngắn)

Du ngừng lại để thở và nghỉ mệt một lúc. Con đường Trần Quốc Toản nắng chiều vẫn xoáy vào mặt người đi về phía Tân Định một cách khó chịu. Chàng ngừng lại dưới gốc một cây dầu cạnh xe nước mía. Chàng thần thờ gọi: “ cho tôi ly nước mía” và uống một cách chậm chạp. Chàng chấp chặt miệng để giữ vị mát ngọt nơi cổ họng lâu được chút nào đỡ chút ấy. Đoạn chàng lấy khăn lau mồ hôi và nói “cho thêm một ly nữa”. Bà bán nước mía nghe cười, và nói “ cảm phiền đợi một chút nha cậu”. Đoạn dứt bó mía vào bánh xe chạy rù rù và những giọt nước mía đục ngà nhỏ lách tách xuống trên những cục đá trắng xóa chồng chất óng ánh. Ngoài Du, còn ít nhất là bảy tám người đang đợi. Cạnh đường những chiếc xe vù

vù vụt qua, vụt qua nhưng không lúc nào dòng xe cộ đó gián đoạn. Cầm ly nước mía thứ hai mát lạnh trong tay Du đã thấy lòng dễ chịu và khỏe lại. Chàng đã đi bộ một quãng đường khá xa. Từ đại lộ Trần Hưng Đạo, qua Phạm Ngũ Lão đến Công Lý và rồi Trần Quốc Toản. Bây giờ đầu óc chàng trống rỗng, chỉ nghe mang mang trong thân thể nhất là ở hai đầu gối một sự mỏi mệt. Chàng thản nhiên lạnh lùng nhìn vào dòng xe cộ đang luân chuyển. Thỉnh thoảng tiếng xe thắng rít lên một cái nghe lạnh cả người. Thỉnh thoảng vài người Mỹ ngồi trên xe la lối, chỉ chỗ chắc là say. Thỉnh thoảng chàng thấy một cô gái ngồi nép sát vào lòng xe xích lô máy một cách ngượng ngịu khó chịu khi bắt gặp cặp mắt Du và những cặp mắt khác. Bởi vì cô gái ấy để lộ cặp đùi và hai bắp chân trắng toát khi chiếc váy đầm tung lên. Hình ảnh này chàng đã tình cờ bắt gặp nhiều lần, và lần nào cũng vậy chàng cảm thấy một nỗi xót xa làm bủn rủn cả tâm thần. Chàng thường tự hỏi những cô gái ấy mặc chi những thứ “kiểu” ấy để phải ngượng ngùng, khốn khổ như vậy. Ấy là chưa kể đến những trường hợp không “hợp co” một cách dị hợm hơn như tối hôm qua chàng đã gặp trên đường phố Tự Do. Một cô gái quê đen đũi lùn xùn và rất ốm, và “kiểu” áo nọ đã bày ra hai bắp chân đen đũi tong teo có nhiều vết xẹo đen và hai cánh tay da thịt như gắn vào một cách lạc lõng. Lại đi bên cạnh một người Mỹ cao ngệu. Và những ngọn đèn của Sài Gòn về đêm thường huyền ảo lắm nhưng cái hình ảnh đó Du cho rằng nó không huyền ảo mà còn thô鄙 nữa là khác.

Nhưng rồi Du nghĩ đến đời sống của mình và tự hỏi giữa mình và cô gái kia ai đã hơn ai? Đời sống đô hội ở đây

đâu cần đến những giá trị nào đâu. Khi ra đường phố, có một bộ đồ đắt giá và hợp thời trang vẫn “bảnh” hơn như thường. Ấy là chưa kể đến cô gái kia ở trên buyn-đin cao nghệu có máy lạnh và chàng thì ở một căn gác mà trưa nào chàng cũng phải đi lang thang. Những lần mệt mỏi, ngồi trong quán nhỏ bên ly nước đá chanh hoặc trong một công viên vắng người chàng thường hát với nụ cười vắng lạnh và dáng điệu trầm tĩnh rất dễ sợ: *ngày hôm nay lang thang trên đường, lòng vương vấn và nhớ* Chàng chấm dứt ngang sau chữ *nhớ* với hai con mắt ngầu đục lại lúc đó như muốn nổi lại những chân trời nào cũ xưa quen thuộc đã mất. Và đời sống ở đô thị này đã dạy chàng một điều là chàng không thể nào sống ở đô thị được. Chàng đã quyết định trở lại quê hương nơi có mảnh vườn con, có đồng ruộng xanh và nhất là có một hình bóng không bao giờ nguôi tan không bao giờ hóa kiếp. Nhưng rồi có phải là định mệnh chẳng mà chàng lại phải nán lại đây một thời gian? Tuy rằng lúc quyết định chàng đã quyết đi ngay nhưng sức nhớ cần phải mua một món thuốc chữa bệnh cho người chú, nên chàng đã phải nán lại một buổi. Và trên một chuyến buýt Sài gòn- Chợ lớn trong một buổi sáng nọ khiến chàng phải ở lại đây. Ở lại một thành phố đông đảo, ồn ào. Thành phố của một khối cô đơn chen lẫn. Thành phố của những chuyến buýt chở cả niềm mỗi một chạy đều trên những con đường đã có từ lâu lắm...

Trả tiền hai ly nước mía, chàng thong thả bước đến trạm xe buýt gần đó. Nơi đây hàng mấy mươi người đang đứng thấp thỏm chờ đợi. Một ông lão ngó chàng nói “xe cô gì lúc này đón mệt quá”. Không biết nói sao chàng chỉ khẽ

cười với ông lão. Thấy ông lão còn giữ nguyên vẻ chất phác của người dân miền quê, chàng vui vẻ hỏi lại “Thưa bác, bác là người gốc gác ở đâu vậy”? Như gặp người đồng xứ, ông già vui vẻ đáp “Qua hả em, qua ở tại Phước Long. Lúc này lộn xộn quá nên mò về đây sống đỡ qua ngày. Về đây nội cái nước đón xe này qua ngán quá. Mà bây giờ chỗ qua ở cũng chưa về được đâu”. Còn em ở đâu? ông già ngó Du bằng cặp mắt thật hiền lành. Chắc có lẽ ông nhận xét cách ăn mặc xuề xòa và đáng điệu hiền lành của Du.

Cháu ở Mỹ Tho. Cháu cũng định nay mai về ở dưới. Vùng cháu ở không yên lắm nhưng tạm được.

Rồi chuyến buýt cũng phải đến. Du nhận thấy chuyến xe khá đông người và ông lão thở phào ra một cái. Cố gắng Du và ông lão cũng kiếm được một chỗ đứng trên xe. Hơi người bốc ra lẫn với hơi khói xăng của chiếc xe cũ kỹ nghe nóng hầm hập và khó chịu.

- Em có về tới Gia Định không? Ông già lại hỏi.

Không, cháu xuống chợ Trương Minh Giảng. Còn bác về đâu? Du hỏi một cách miễn cưỡng.

- Bác xuống Gia Định thăm thằng con trai qua, nó bị giam ở dưới. Nghe nói nó nhậ nhệ rồi đánh lộn tranh gái gì đó. Thật là mệt, hồi ở trên nó hiền lành mà bây giờ không biết sao nó lại như vậy. Qua rầu quá. Vái trời ngày nào bình yên trở về trên ở cho nó sướng cái thân. Khỏi phải nể non, chen lấn như thế này”. Ông già nói một hơi không ngừng khiến mọi người trong xe nhìn ông một cách thương xót và ngạc nhiên. Bởi ở đây, trên những chuyến xe buýt này, những chuyện như thế không mấy ai nói đến. Họ chỉ nói bằng những con mắt mệt mỏi của họ mà thôi. Đã bước lên một chuyến buýt đông đảo

như thế này dù là một cô gái hay cậu trai tinh nghịch cũng có một cái nhìn và thái độ khác ngay. Những cặp mắt đổ dồn về phía ông già và Du khiến chàng ái ngại. Bất thần khi xe mới đến đường Kỳ Đồng chàng nhảy phóc xuống quên cả chào hỏi ông lão và cũng không nhìn vào chuyến buýt.

Buổi sáng kia khi lách mình qua khỏi xe buýt và sau khi nghe cách cửa đóng rầm lại một cái Du cảm thấy trong tâm hồn mình dậy lên một nỗi phân vân rất lạ. Một năm trời ra đi, biết dưới quê chàng có còn nguyên vẹn chẳng? Chiến tranh đâu có báo trước những điều thay đổi. Khi ở nhà thu xếp đồ đạc thì lòng chàng cảm thấy cương quyết lắm. Nhưng hiện giờ chàng không hiểu sao, đầu óc không dứt khoát gì hết. Hai việc đi và ở cứ loay quanh trong ý nghĩ đuổi bắt thoáng hiện của chàng. Chàng đang miên man với ý nghĩ lộn xộn trong đầu thì bỗng một cái hình ảnh quay cuồng trước mặt chàng trở về với dĩ vãng ấm êm mà đau khổ thực tại mà mơ hồ. Có phải thật như thế chẳng? *Đỗ Tú Uyên. Bây giờ là tháng mười một. Nghĩa là đúng một năm. Em còn nhớ không? Thời gian đi mau quá. Mà chuyến buýt này còn đi mau hơn. Những kỷ niệm còn đi mau hơn nữa. Để bắt gặp tâm hồn ở cuối đường tưởng nhớ? trên một chuyến xe chở cả nỗi niềm mệt nhọc. Ôi những con người trên chuyến xe buýt. Chén lặn trong một cô đơn chung.*

Qua hình ảnh quay cuồng trên chuyến xe gầm thét giữa lòng thành phố sáng hôm đó, chàng bỗng nhớ lại tất cả những hy vọng, khổ đau, say mê, đắm đuối. Mới chỉ có

một năm. Nhưng đủ cho chàng cảm thấy như sự sụp đổ mất mát trong hồn chàng như bao đời sống tình khôi đã mất đi vĩnh viễn. Nhưng chỗ trống mất mát đó chắc là không sao lấp nổi. Những bom đạn của chiến tranh có bao giờ lấp được. Chúng chỉ cày xới tan hoang. Và sau cái tan hoang là một điều bi thảm khôn cùng. Bởi vì đã có một lỗ hổng. Và một lỗ hổng không bao giờ được lấp kín. Đỗ Tú Uyên. Một năm rồi. Khi một người bước xuống bầy chiếc băng trống, chàng lặng lẽ ngồi xuống. Năm ngón tay người con gái đứng trước mặt chàng bấu vào dưới cặp da, những ngón cong cong thon muốt dịu dàng. Cái cặp da mà chàng thấy thật là lạ lùng thật là đẹp. Bởi vì trên đó nơi phía phải có một hàng chữ in đậm nét: *Đỗ Tú Uyên*. Bấy giờ trong chàng đã bừng hiện lên hai hình ảnh Đỗ Tú Uyên. Một Đỗ Tú Uyên đang đứng đó trên chuyến buýt và một hiện chỉ là một hình bóng mờ mờ trong kỷ niệm yêu đương đắm thắm một thời. Nhưng chàng cũng không hiểu tại sao có sự giống nhau lạ lùng như thế? Hay là trí nhớ chàng đã hoang vu như lá cây rừng? hay là có một phép lạ nào đó? Cũng một khuôn mặt thon thon cũng một mái tóc uốn dài xõa ra phía sau và nhất là một nốt ruồi đen tròn như hạt tiêu nhỏ nằm gọn gàng trên má phải. Cũng một cặp môi đỏ thắm tự nhiên và hơi trề ra một chút, cũng một cái cằm hơi nhọn và dáng dấp thanh thanh. Du ngồi đó mà tâm hồn như bay bổng về cõi kỷ niệm xa mờ. Một năm trước chàng đã yêu một người con gái. Đó là mối tình đầu tiên trong đời chàng.

Tình yêu tha thiết chân thành của chàng đã vượt thắng bao trở ngại lúc ban đầu. Bởi vì chàng vốn nghèo. Và

Đỗ Tú Uyên cũng đã lọt vào mắt xanh của bao cậu trai làng mà gia cảnh lại bề thế hơn chàng nhiều. Ban đầu gia đình nàng cương quyết không chịu nhận chàng là “rể” bởi vì cái rể của chàng còn non yếu không bám nhiều vào những màu mỡ phì nhiêu của dưỡng tố T. Chàng và người yêu phải khổ một thời gian. Sau cùng tình yêu chân thành đã vượt thắng. Nhưng định mệnh, thứ định mệnh được viết hoa trong thời buổi chuẩn tranh đã quàng lên hồn chàng một tan vỡ từ trong xương máu bồi hồi của một đêm nghe nhìn thời gian ngưng đọng của một đêm chân lý trở về trong dòng nước mắt khổ đau bởi vì sống là sống với thử thách khôn cùng của một đêm bỗng muôn đời tình yêu dựng đứng từng đường tơ kẽ tóc của một đêm con người là con người yếu đuối xanh xao trước một đột biến từ đâu như chiếc vung khổng lồ chụp xuống và chân lý muôn đời thường nằm ngoài tầm tay với của con người vốn bất lực từ lúc tu oa nhưng mầu mỡ phì nhiêu nổi chết lạ lùng không hiểu sao được. Bởi vì định mệnh đã từng sống. Và định mệnh ác nghiệt kia là một trái bích kích pháo từ đâu rơi xuống ngay nhà người chàng yêu dấu vào một đêm mà những ngọn đèn đã được thấp sáng hơn, những đồ đạc đã được sửa soạn chu đáo lộng lẫy hơn. Bởi vì sáng mai Du sẽ đến đó. Đến để biến tình yêu đau khổ thành nghĩa vợ chồng. Nhưng chiến tranh có cần gì tình nghĩa. Và thế là Du trở thành một kẻ lạc loài ngay ở quê hương mình.

Buồn bã, chàng bỏ lên Sài gòn tìm sinh kế. Sống ở đây như một chiếc bóng chấp chờ, leo lét. Rồi cái sinh hoạt náo nhiệt, tranh dành hỗn tạp ở chốn đông đảo này đây lại khiến chàng có ý định trở lại miền quê. Khi ý định kia

sắp sửa thành tựu thì chàng lại một phen nghe trong tâm hồn dậy lên nỗi xôn xao đưa chàng trở về với nỗi xôn xao, bàng hoàng của những tháng ngày cũ mà một hình bóng đã sáng rực lên từ cõi tình luân lưu từ trong xương máu.

Thế là chàng đã phải ở lại. Bởi vì giữa một hình bóng tưởng nhớ qua ký ức hoang vu và một hiện diện thật da trước mắt chắc ai cũng không thể làm khác Du là chọn cái hình ảnh thứ hai. Cứ mỗi lần lên chuyến xe buýt Sài Gòn Chợ lớn nhằm vào giờ tan học chàng lại cảm nghe một nỗi phân vân rất lạ. Đôi lúc chàng muốn cô gái kia biến thành một hình bóng cũ đôi lúc chàng muốn quên phút cái hình ảnh đậm thắm một cách xót xa của thuở ban đầu và muốn rằng giữa mình và cô gái kia là một kiếp sống mới không biết từ đâu đến nhưng chỉ hiện diện vào giờ phút cùng có nhau trên một chuyến xe buýt hay cùng đi với nhau giữa một thành phố đầy đầy những khuôn mặt lạ. Sự thực thì có bao giờ họ cùng đi với nhau đâu. Bao giờ Du cũng giữ một khoảng cách đủ nhìn thấy nhau phía sau người con gái. Nhưng lâu dần thành ra người con gái cũng chợt hiểu. Đi một khoảng đường thế nào người con gái cũng hơi nghiêng mắt ra sau như đã tỏ rằng ta đây cũng “thông cảm”. Và những lần như thế Du liền đứng khựng lại, ngoái qua ngoái lại làm ra vẻ ngờ ngác như không biết gì. Thật ra chàng đã sợ. Chàng liều lĩnh ở lại chọn cuộc phiêu lưu này cũng vì qua hình ảnh người con gái chàng có thể vượt ve nỗi ẩn ức tê tái của mình. Tuy vậy, những lần vì chuyến buýt vào giờ đó quá đầy không ghé lại trạm, thế nào chàng cũng đón một chiếc xe taxi chạy đến chỗ trạm người con gái thường xuống. Những lúc không đón được taxi chàng thường thơ thẩn

suốt cả buổi như cảm thấy một sự thiếu vắng gì đó rất mơ hồ xa vút nhưng cũng rất thân thiết.

Về phía người con gái cũng thật lạ. Nàng không có vẻ gì là một cô gái Sài gòn của năm 1965. Lúc nào nàng cũng chỉ mặc chiếc áo vải trắng, nội hóa, và chiếc quần đen không lệch bếch dưới gót giầy. Mái tóc uốn nhưng xõa xuống dài tận phía sau và trên đầu có chận ngang một miếng vải tím bằng hai ngón tay. Bây giờ sự đuối bắt giữa Du và cô gái đã thành một thói quen. Không biết lúc này đối với chàng – cô gái kia – có còn là một hình ảnh để nối với chân trời cũ trong đó có một hình ảnh xa xưa chẳng? Hay là hai hình ảnh đã trở thành một, đã đủ cần thiết để xóa mờ ký ức leo lét của Du.

Nhưng rồi một hôm chàng lại điên dại đi khắp cả thành phố Sài gòn. Chàng đã đi từ Trần Hưng Đạo đến Phạm Ngũ Lão qua Hồng Thập Tự, đến Nguyễn Thiện Thuật qua Phan Đình Phùng đến Công Lý qua Phan Thanh Giản đến Trần Quốc Toản. Bởi vì hôm đó là lần thứ tám, chàng không gặp cô gái. Không biết nàng đã về đâu. Kể từ lần thứ tư sợ cô gái đổi giờ đi trên chuyến buýt, chàng đã đứng đợi chờ trong thấp thỏm, mệt mỏi suốt ngày sau đó. Và các buổi sáng hôm sau chàng lại đến thật sớm vào lúc Sài gòn những ngọn đèn đường còn vàng vọt trong cơn gió mát rượi. Và chàng cứ đứng đó một cách lăm lăm một cách tê dại để đợi chờ, đến trưa, đến chiều. Chàng như muốn quay cuồng khi phải nhìn hoài cái dòng xe cộ lũ lượt không bao giờ ngừng nghỉ trên con đường Trần Hưng Đạo vào Chợ Lớn. Và những chuyến buýt vẫn cứ đông nghẹt cả người. Nhưng chàng vẫn thấy nó trống

trải một cách lạ, bởi vì trên ấy toàn là những cặp mắt lạ, như nhìn vào nỗi ái ngại của chàng. Bởi vì chàng cứ đứng mãi ở một trạm chờ. Và giữa dòng thác lũ không ngừng nghỉ của xe cộ của tiếng động của sự hối hả ngược xuôi của bao khách qua đường chàng cảm nghe sự trống rỗng từ đâu trong tâm hồn toát ra một cách mơ hồ mà lảng đãng một cách rần rụa mà xót xa. Bây giờ chàng không hiểu chàng nhớ tiếc hình ảnh cô gái trên chuyến xe buýt này hay hình bóng một Đỗ Tú Uyên của một đêm nào tóc tang khởi đến đã buộc chặt chàng vào với hình ảnh đó suốt đời. *Làm sao ta quên được. Đêm vẫn là đêm đen tối nhưng bởi vì đêm đã lên tiếng. Đỗ Tú Uyên. Anh sẽ mang bóng hình em như mang tháng ngày trong hai con mắt mở to nhìn suốt cõi hoang vu đã thành ra kỷ niệm.*

Có thể là cả hai hình ảnh cùng dựng dậy trong mơ hồ một cõi vượt ve cho nỗi đau đớn của chàng. Hai nhưng là một. Bởi vì trong nỗi đắm thắm của kỷ niệm mơ hồ mà chúng hằng ấp ủ thì cô gái trên chuyến xe buýt kia chính là một thực tại hiện có trước mặt chàng. Bởi vì nàng vẫn thường đứng đó hay ngồi đó trên cùng một chuyến xe với chàng. Bởi vì thỉnh thoảng cô gái nhìn chàng bằng một cặp mắt có thể giao nối lại niềm hoài vọng xanh xao của chàng.

Và nàng cũng là Đỗ Tú Uyên. Bây giờ chiếc gương để chàng soi thấy khuôn mặt thương tích của mình đã biến mất. Bây giờ cùng một lúc trí nhớ hoang vu của chàng phải dựng dậy một chiếc gương xưa và một bóng mơ hồ trong gương đã xa mù, huyền hoặc. Có phải tại chàng quá tham lam chăng? Nếu nghĩ thế thì tội cho chàng biết mấy. Bởi vì giữa một kỷ niệm thiết tha và qua một hình

ảnh dựng dậy cõi mơ hồ kia vẫn chỉ là một cõi rạo rực, xôn xao dấy lên từ một tâm hồn cân bằng. Bây giờ ý nghĩ chàng như tấm màn ảnh đón nhận mọi hình ảnh liên tục dồn dập chiếu lên trên đó. Chàng tự đặt ra nhiều giả thuyết về cô gái. Có thể vì biến chuyển gia đình và nàng không học nữa. Hay nàng là con một công chức đã chuyển chuyển đi nơi khác. Hay nàng lâm bệnh, có thể nào nàng chết rồi chẳng. Bây giờ chàng lại hối tiếc sao những lúc đi theo nàng không đi luôn đến nhà để bây giờ có thể đến đó hỏi thăm tin tức của nàng. Lần nào cũng thế, chàng chỉ đi theo một đoạn đường ngắn để được đứng lại (chỗ góc đường nơi cô gái quẹo khuất vào ngõ tư kè đó) và cảm nhận trong tâm hồn mình một cảm giác huyền diệu lâng lâng mà chàng không sao hiểu được. Nhưng chàng lại nghĩ nếu biết nhà cô gái thì biết đâu sẽ làm cho chàng mất đi cái niềm bí ẩn của một hình bóng vừa gợi dậy một làn khói mơ hồ vừa gìn giữ tình yêu chàng mãi mãi một vẻ gì kỳ bí. Bởi vì chàng biết nàng, rồi sẽ gặp những khuôn mặt khác của gia đình nàng, như thế nàng sẽ không còn là một Đỗ Tú Uyên. Bởi vì Đỗ Tú Uyên thực ra đã chết rồi. Và bởi vì nàng đã chết một cách rất đỗi oan nghiệt, nên hình bóng của nàng là một hình bóng sẽ dựng sống trong hồn chàng một hình ảnh cô đơn cùng cực ở giữa tháng ngày mòn mỏi trong cõi ý thức hoang vu leo lét thoáng hiện thoáng biến của chàng. Đột nhiên chàng cảm nghe trong tâm hồn mình có một cái gì vừa đau nhói vừa trống rỗng khi ý nghĩ cô gái kia cặp tay đi với một người Mỹ vào tử điểm hiện lên trong đầu óc chàng. “ Có thể lắm chứ, biết đâu đấy” chàng nói ý nghĩ đó lên thành tiếng và cùng lúc sự lạc lõng của câu nói khiến chàng nhận thấy một điều có thực là hai bắp chân

chàng như buộc vào một vật nặng. Chàng nghe mỗi một cả tinh thần lẫn thể xác. Chàng lại lẩm bẩm. “ Có thể lẩm chữ. Chiến tranh đâu có báo trước những sự biến đổi”. Lúc đó chàng lại nhớ đến gương mặt hiền hòa của ông lão mà chàng đã gặp trên chuyến buýt và cuộc nói chuyện của hai người. Hình ảnh này khiến chàng chọn ngay một quyết định mà không phân vân chút nào. Đó là việc trở về sống ở Mỹ Tho như chàng đã có nói với ông lão. Nhưng lúc nói với ông lão chàng chỉ nói như là một câu chuyện để mà nói thôi. Bây giờ thì nghĩ đến bao điều biến đổi nghĩ đến ngày mai phải xa thành phố này, nghĩ đến điều huyền nhiệm vừa gợi dậy trong hồn chàng một cách bình thản, nhẹ nhàng, chàng hiểu rằng cô gái kia cần phải biến đi để chàng có thể bình tâm trở lại với quê hương. Bởi vì chỉ có Quê Hương – nhất là quê hương của nàng chàng mới thật sự là chàng: nghĩa là thực sự là một bóng đèn mà hình ảnh kia có thể chiếu lên. Thôi. Hãy trở về Quê Hương. Hãy thắp lên một ngọn đèn đủ sáng. Cho riêng em cho riêng anh. Cho riêng những nỗi khổ đau trên trái đất này. Và chiến tranh tàn bạo ới, chắc người không bao giờ cần một ngọn đèn. Một ngọn đèn, và bởi vì đó là một ngọn đèn leo lét ở trong tâm hồn quần quai như Đỗ Tú Uyên như Du nên người chẳng bao giờ biết được. Người chỉ biết có một điều: ấy là bóng tối trùng vây lạnh giá, tê dại hằng triệu ngàn năm .

Thế là sáng hôm sau trên một chuyến xe Sài Gòn về Mỹ Tho có một chàng trai đáng điệu bình thản vô song, lạnh lùng vô song, trầm tĩnh vô song. Bởi vì chàng đang trên đường trở về với mình, trở về với chân lý khổ đau, trở về

với ngọn đèn leo lét trong ký ức mơ hồ từng gọi dậy nỗi triền miên xanh xao của núi rừng sông biển. Chuyến xe đã đi, tâm hồn chàng đã đi và ngày tháng cũng sẽ đi. Nhưng dưới nắm đất khô cằn kia vẫn ngàn đời còn lại Đỗ Tú Uyên ./.

(Trích từ tập: *Trí Nhớ Hoang Vu Và Khói* do Ca Dao xuất bản, năm 1970. Đây là tập truyện duy nhất của anh, gồm bốn truyện ngắn)

Về Dịch Thuật

(Bài: *Giáo Dục Và ý Nghĩa Cuộc Sống của Krishnamurti* do Hoài Khanh dịch. Bài này đã được nhà xuất bản Ca Dao in lần thứ ba. Và, anh Hoài Khanh đã đồng ý để TQBT đi lại bài này trong số chủ đề về anh)

GIÁO DỤC VÀ Ý NGHĨA CUỘC SỐNG Krishnamurti

Hoài Khanh (dịch)

Khi ta du hành quanh thế giới, dù là ở Ấn Độ hay Hoa Kỳ, ở Âu Châu hay Úc CHâu, ta đều nhận thấy có sự cực kỳ giống nhau của bản chất con người. Điều này đặc biệt đúng tại các trường trung học và các đại học.

Chúng ta thành ra, như thể qua một cái khuôn, một mẫu người mà điều chú tâm chính yếu là tìm kiếm sự bảo đảm an toàn, cốt để trở nên một con người quan trọng

nào đó, hoặc để có được một thời gian vui chơi thỏa thích với ít suy nghĩ suy tư chừng nào hay chừng ấy.

Nền giáo dục theo tập quán đã làm cho việc suy tưởng độc lập cực độ khó khăn. Sự giống nhau đưa đến tầm thường. Khác biệt với đoàn nhóm hoặc chống lại hoàn cảnh chung quanh không phải dễ dàng gì và thường hay có nhiều hiểm nguy bao lâu mà chúng ta còn tôn sùng thành công. Sự thôi thúc để được thành công là việc chạy theo điều tưởng thưởng có thể nó ở trong vật chất hoặc trong cái gọi là lãnh vực tinh thần, sự tìm kiếm điều bảo đảm an toàn bên trong hay bên ngoài, khát vọng cho sự an lạc - toàn thể tiến trình này đã che đậy cái tinh thần bất mãn bất bình, làm chấm dứt tính tự phát và làm nảy nở sợ hãi; và sợ hãi làm bế tắc sự hiểu biết thông minh của cuộc sống. Với tuổi tác gia tăng, tâm trí và tâm hồn bắt đầu khô cỗi.

Trong việc tìm kiếm điều an lạc, chúng ta thường hay tìm một góc xó vắng lẽ trong cuộc sống nơi ít có sự tranh chấp, và lúc bấy giờ chúng ta sợ bước ra ngoài nơi ẩn dật ấy. Điều sợ hãi cuộc sống này, sợ hãi tranh đấu và kinh nghiệm mới mẻ này đã hủy diệt cái tinh thần mạo hiểm của chúng ta: hết thấy sự dạy dỗ và giáo dục của chúng ta đã làm cho chúng ta sợ mình khác biệt với người lân cận của chúng ta, sợ việc suy nghĩ trái lại với cái khuôn mẫu đã được thiết lập của xã hội, kính trọng một cách lầm lạc quyền lực và cổ tục.

May mắn thay, còn có một số ít người nhiệt thành, họ sẵn sàng quan sát những vấn đề con người của chúng ta mà không có thiên kiến của phe tả hoặc cánh hữu, nhưng trong tối đại đa số chúng ta, không còn có cái tinh thần bất bình, tinh thần phản kháng thực sự. Khi chúng ta đầu

hàng một cách không thể lý giải được với hoàn cảnh chúng quanh, thì bất cứ tinh thần phản kháng nào có thể là chúng ta có được đã lắng dần xuống, và khả năng của chúng ta chẳng bao lâu đến chỗ chấm dứt.

Phản kháng có hai loại: có loại phản kháng bạo động chỉ thuần bằng sức phản ứng, không hiểu biết, chống lại cái trật tự hiện tồn; và có một loại phản kháng tâm lý sâu xa của trí năng. Có nhiều người phản kháng chống lại những qui tắc chánh truyền để chỉ lại rơi vào những qui tắc chánh truyền mới, tạo thêm những ảo tưởng và chứa chấp sự tự khoan dung. Những gì thường xảy ra luôn là chúng ta ra khỏi một nhóm này hay hướng về những lý tưởng khác, như vậy tạo ra một khuôn mẫu tư tưởng mới mà chúng ta lại sẽ phản kháng nữa. Sức phản kháng chỉ làm nảy nở sự chống đối tương phản, và sự cải cách này cần sự cải cách khác nữa.

Nhưng có một sự phản kháng thông minh mà nó không phải là sự chống đối, và nó đến với sự tự hiểu biết qua việc nhận ra cảm giác và tư tưởng của mình. Chỉ khi nào chúng ta đương đầu với cái kinh nghiệm như nó xảy đến và không lẫn tránh điều quấy rối của nó thì khi ấy chúng ta mới đánh thức trí thông minh tội bậc; và sự đánh thức trí thông minh tội bậc ấy là trực giác, nó là sự dẫn đạo thực sự duy nhất trong cuộc sống.

Vậy thì đâu là ý nghĩa của cuộc sống? Chúng ta đang sống và chiến đấu cho cái gì? Nếu chúng ta được giáo dục chỉ cốt để đạt đến sự phân biệt ly cách, để chiếm một nghề nghiệp tốt hơn, để được kết quả hơn, để chi phối trên các kẻ khác rộng rãi hơn, thì lúc bấy giờ cuộc sống của chúng ta sẽ nông cạn và trống rỗng. Nếu chúng ta được giáo dục chỉ cốt để trở nên những nhà khoa học,

những nhà học giả kết hợp với những cuốn sách, hoặc những nhà chuyên môn chăm chú vào kiến thức rồi thì chúng ta sẽ góp phần vào sự hủy hoại và nổi thống khổ của thế giới.

Mặc dù có một ý nghĩa cao cả và rộng rãi hơn cho cuộc sống, nền giáo dục của chúng ta có giá trị gì nếu chúng ta không bao giờ khám phá ra nó? Chúng ta có thể được giáo dục tốt bậc, song nếu chúng ta không hợp nhất sâu xa tư tưởng với cảm giác thì cuộc sống của chúng ta không hoàn toàn, mâu thuẫn với nhau và bị xâu xé với nhiều nỗi sợ hãi; và bao lâu giáo dục không bồi bổ một viễn ảnh hợp nhất về cuộc sống thì nền giáo dục ấy rất ít có ý nghĩa.

Trong nền văn minh hiện thời của chúng ta, chúng ta đã phân chia đời sống thành ra nhiều khu vực thế nên giáo dục có rất ít ý nghĩa ngoại trừ trong việc học một nghề hay một kỹ thuật đặc biệt nào đó. Thay vì đánh thức trí thông minh toàn vẹn của cá thể, giáo dục khuyến khích y làm đúng theo khuôn mẫu và như vậy là làm trở ngại cho sự hiểu biết mình của y như một tiến trình hoàn toàn. Để cố gắng giải quyết nhiều vấn đề sinh tồn ở những bình diện theo thứ tự của chúng, đã chi biệt ra khi chúng nằm trong những phạm trù khác biệt nhau, biểu thị một sự hoàn toàn thiếu thốn sự hiểu biết của nó.

Cá nhân là sự lập thành của những thực thể khác nhau, nhưng nhấn mạnh vào sự khác nhau ấy và khuyến khích phát triển một kiểu mẫu rõ ràng nào đó đưa đến nhiều rối rắm và mâu thuẫn. Giáo dục sẽ gây ra sự hợp nhất của những thực thể riêng rẽ này - bởi vì không có sự hợp nhất, cuộc sống trở nên một chuỗi những chấp tranh và phiền muộn. Có giá trị gì ở việc đào luyện những người

như những luật sư nếu chúng ta cứ mãi tranh tụng nhau? Đây là giá trị của kiến thức nếu chúng ta cứ tiếp tục trong sự lầm lạc của chúng ta? Những gì là tính cách trọng đại của kỹ thuật và khả năng thuộc về công nghiệp nếu chúng ta sử dụng nó để hủy hoại người khác? Đây là yếu điểm của cuộc sinh tồn của chúng ta nếu nó đưa đến bạo động và hoàn toàn khốn khổ? Mặc dù chúng ta có thể có tiền hoặc có khả năng kiếm ra tiền, mặc dù chúng ta có những lạc thú và những tổ chức tôn giáo của chúng ta, chúng ta vẫn ở trong cuộc chấp tranh vô hạn.

Chúng ta cần phải phân biệt giữa con người và cá thể. Con người là sự ngẫu nhiên, vô cố, và bởi sự ngẫu nhiên vô cố ấy tôi định nói đến những trường hợp sinh đẻ, hoàn cảnh mà trong đó tình cờ chúng ta được nuôi nấng, với chủ nghĩa quốc gia, những mê tín dị đoan, những phân chia giai cấp và các thiên kiến của nó. Con người hay sự ngẫu nhiên vô cố chỉ là trong chốc lát, mặc dù cái chốc lát ngắn ngủi ấy có thể kéo dài suốt cả một đời, và khi hệ thống giáo dục hiện thời dựa trên con người ấy, dựa trên sự ngẫu nhiên chốc lát ấy nó dẫn đến sự suy đồi tư tưởng và khắc sâu vào những nỗi sợ hãi tự phòng vệ.

Tất cả chúng ta đều đã được huấn luyện bởi giáo dục và hoàn cảnh chung quanh để tìm kiếm lợi lộc và an toàn cho cá nhân, và chiến đấu cho bản thân chúng ta. Mặc dù chúng ta che đậy nó dưới những thành ngữ thú vị, chúng ta đã được giáo dục nhiều nghề nghiệp trong một hệ thống tựa nền trên sự lợi dụng và hàm chứa nỗi sợ hãi. Một giáo huấn như vậy ắt không tránh khỏi đưa đến hỗn loạn và thống khổ cho chính chúng ta và cho thế giới, bởi vì nó tạo ra trong mỗi cá nhân những chướng ngại tâm lý chia cách và cô lập y với những người khác.

Giáo dục không chỉ là một vấn đề huấn luyện tâm trí. huấn luyện đưa tới hiệu năng, nhưng nó không gây ra sự toàn vẹn. Một tâm trí chỉ được huấn luyện không thôi thì chỉ là sự kéo dài thêm ra cái quá khứ, và một tâm trí như vậy có thể chẳng bao giờ khám phá ra được điều mới mẻ nào cả. Đó là do đâu, tìm kiếm những gì là nền giáo dục thích đáng chúng ta sẽ phải dò xét toàn thể ý nghĩa cuộc sống.

Đối với hầu hết chúng ta, cái ý nghĩa cuộc sống như một toàn thể thì không phải là điều quan trọng trên hết, và nền giáo dục của chúng ta chỉ nhấn mạnh vào những giá trị thứ yếu, chỉ làm cho chúng ta thành thạo một vài ngành của kiến thức mà thôi. Mặc dù kiến thức và hiệu năng cần thiết đấy, nhưng chỉ khẳng khẳng một mực nhấn mạnh vào chúng sẽ dẫn đến chấp tranh và hỗn loạn. Một hiệu năng mà được phát sanh bởi tình yêu vượt quá siêu việt thì lớn lao hơn là cái hiệu năng của lòng tham vọng và không có tình yêu, mà tình yêu đem đến hiểu biết toàn bộ cuộc sống, thì bấy giờ hiệu năng sinh ra sự tàn nhẫn, vô tình. Điều này không phải là những gì hiện đang xảy ra tại khắp nơi trên thế giới sao? Nền giáo dục của chúng ta đã ăn khớp với việc kỹ nghệ hóa và chiến tranh, và mục đích chính của nó là phát triển hiệu năng; và chúng ta đã bị tóm lấy trong cuộc ghanh đua của máy móc vô tình và sự hủy diệt lẫn nhau này. Nếu giáo dục dẫn đến chiến tranh, nếu nó dạy chúng ta tiêu diệt hoặc bị tiêu diệt, thì không phải nó đã hoàn toàn thất bại rồi sao?

Để phát sanh nền giáo dục thích đáng, hiển nhiên chúng ta phải hiểu biết hết ý nghĩa cuộc sống như một toàn thể, và do đấy, chúng ta cần phải suy tưởng, không phải một

cách cứng ngắt giáo điều, nhưng là một cách trực tiếp và thực sự.

Một nhà tư tưởng cứng ngắt giáo điều là một người khinh suất vô tâm, bởi vì ông ta làm đúng theo một kiểu mẫu; ông ta lập lại những thành ngữ và tư tưởng trong lề lối cũ kỹ. Chúng ta không thể nào hiểu biết cuộc sinh tồn một cách trừu tượng hay thuộc về lý thuyết. Hiểu biết cuộc sống là hiểu biết chính chúng ta và đấy là cả hai bắt đầu và chấm dứt giáo dục.

Giáo dục không chỉ là sự tiếp thu kiến thức, gom góp lại những sự kiện có tương quan với nhau; giáo dục là để nhìn thấy ý nghĩa cuộc sống như một toàn thể. Nhưng cái toàn thể ấy không thể đạt đến quan từng phần - đấy là những gì mà các chánh phủ, các tổ chức tôn giáo và các đảng chánh trị đang cố gắng thi thố.

Sứ mạng của giáo dục là đào tạo những con người toàn vẹn và do đấy là những con người thông minh. Chúng ta có thể chiếm được những phẩm trật và có khả năng như máy mà không cần thông minh. Thông minh không chỉ là sự hiểu biết; nó không phải nhờ ở những cuốn sách, cũng chẳng phải cốt ở những phản ứng tự vệ khôn khéo và những xác ngôn công kích. Người vô học cũng có thể thông minh hơn người có học. Chúng ta có những cuộc thi cử và những phẩm trật làm tiêu chuẩn cho trí thông minh và đã làm nảy nở những đầu óc xảo quyệt lẩn tránh những vấn đề sanh tử của con người. Thông minh là khả năng nhận thức được cái cốt yếu, cái tự tại (what is) và việc đánh thức khả năng này, trong bản thân mình và trong các kẻ khác, đấy là giáo dục.

Giáo dục sẽ giúp chúng ta khám phá ra những giá trị muôn đời, thế nên chúng ta không chỉ đeo bám vào

những định thức hay lập lại những khẩu hiệu: giáo dục sẽ giúp chúng ta phá vỡ những hàng rào quốc gia và xã hội của chúng ta, thay vì nhấn mạnh vào chúng, bởi vì những hàng rào ấy làm phát sinh sự tương phản giữa người và người. Bất hạnh thay, hệ thống giáo dục hiện tại làm cho chúng ta quá khúm núm, máy móc và cực độ vô tâm, dù nó có đánh thức trí năng chúng ta đi nữa, một cách tinh thần nó lưu lại cho chúng ta sự bất toàn vẹn mà họ tự do với sợ hãi, bởi vì chỉ có giữa những con người như vậy mới có thể có một nền hòa bình vĩnh cửu.

Chính vì hiểu biết bản thân chúng ta mà sợ hãi đi đến chỗ chấm dứt. Nếu cá nhân đương đầu với cuộc sống từng phút giây một, nếu y đối diện với những phức tạp thiên hình vạn trạng của nó, những nỗi thống khổ và những đòi hỏi bất thần của nó, thì một cách vô hạn y hẳn có thể uốn nắn nó được và do đấy tự do với những lý thuyết và những kiểu mẫu đặc biệt nào.

Giáo dục sẽ không khuyến khích cá nhân làm đúng theo xã hội hoặc phủ nhận sự hòa điệu với nó, nhưng để giúp y khám phá ra những giá trị thực sự đến từ sự dò xét vô tư và tự giác. Khi không có sự tự hiểu biết, điều tự bày tỏ trở nên độc đoán khẳng quyết với tất cả những công kích và tham vọng chấp tranh của nó. Giáo dục sẽ đánh thức khả năng tự giác và không chỉ làm thỏa mãn sự phóng túng của sự tự bày tỏ mà thôi.

đâu là việc học hành giỏi dang nếu trong quá trình của cuộc sống chúng ta hủy diệt chính chúng ta? Khi chúng ta đã có hằng loạt những cuộc chiến tranh, cuộc chiến tranh này tiếp theo sau cuộc chiến tranh kia, hiển nhiên là có một cái gì sai lầm từ căn để ở cái cách thức chúng ta nuôi nấng dạy dỗ con em chúng ta. Tôi nghĩ rằng hầu hết

chúng ta đều ý thức đến điều này, song chúng ta không biết làm thế nào tiếp xúc đối mặt với nó.

Các hệ thống, dù là giáo dục hay chính trị, đã không được đổi thay một cách huyền diệu; chúng chỉ chuyển hóa khi nào có một sự thay đổi nền tảng trong chính chúng ta. Các nhân là quan trọng trên hết, chứ không phải hệ thống; và bao lâu cá nhân không hiểu biết toàn thể quá trình của mình, thì không có một hệ thống nào, dù là ở phe tả hay cánh hữu, có thể mang đến trật tự và hòa bình cho thế giới.



Hoài Khanh, Giảng sinh 1968

TRANG THƠ Hoài Khanh

Ngồi Lại Bên Cầu

người em xưa trở về đây một bận
con đường cảm bỗng ánh sáng diệu kỳ
tôi lẫn trốn vì thấy mình không thể
mây của trời rồi gió sẽ mang đi

em - thì vẫn nụ cười xanh mắt biếc
màu cô đơn trên sợi tóc la đà
còn gì nữa với mây trời đang trắng
đã vô tình trôi mãi bến sông xa

thời nước mắt đã ghi lời trên đá
và cô đơn đã ghi dấu trên tay
chân đã bước trên lối về hoang vắng
còn chẳng em nghĩa sống ngực căng đầy

quá khứ đó dòng sông em sẽ ngủ
giấc chiêm bao nguyên vẹn có bao giờ
ta sẽ gặp trong ý tình vũ bão
con thuyền hồn trở lại bến hoang sơ

rồi em lại ra đi như đã đến
dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù
ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu

Trông Theo

Bến sông này, bến sông này
Sương khuya phủ xuống hàng cây gục đầu
Người đi chừ biết về đâu
Này cơn gió cũ, này câu già từ
Lối đi vàng nhạt mùa thu
Mghe lau lách động niềm u uất buồn
Mất người mang cả quê hương
Lòng ta mang cả đoạn trường thảng năm
Trăng chia niềm nhớ thì thầm
Lệ chia niềm nhớ ướt đầm núi sông
Lớn lên vì một tấm lòng
Để bao nhiêu hận buột vòng sơ sinh
Bao nhiêu tuổi bấy nhiêu tình
Bao nhiêu nguyện ước giận mình bấy nhiêu
Nhưng thôi...buồn đã ra nhiều
Trong ta là mấy vụn chiều rừng rưng
Trong ta là núi là rừng
Là trăm tiếng hát đã ngừng trên môi
Tiễn đưa thì...tiễn đưa rồi
Nhớ thương thì...nhớ thương rồi người ơi
Vòng tay không chắc luân hồi
Xa xưa nghe nặng bóng trời luân lưu
Người đi mang cả mùa thu
ta về mang chút tạ từ héo hon
Bến sông này gió trăng còn
Mên mang vị cũ nghe buồn bay bay
Tưởng chừng như chắc bàn tay

Ta ôm vũ trụ tròn đầy mà mơ
Nhưng khi đã biết tình cờ
Thì hai thứ tóc đã mờ giấc xưa
Với trăng chia nhớ đôi bờ
Với sông bến nọ chia giờ ra đi
Người ơi! Còn lại những gì...
Mai sau nếu chút tình si ưa tàn ???

Tiếng Đàn Trầm

Tưởng niệm Ludwig van Beethoven

Tiếng đàn trầm, tiếng đàn trầm
Nghe như có một bán âm rạc rời
Bán âm còn lại đâu nơi
Phải chăng thất lạc trong thời chuyển cung
Phải chăng ẩn nấu trong vùng
Cỏ non ẩm ướt nguyên rừng chiêm bao
Phải chăng cung thể chuyển màu
Mong manh âm hưởng tràn trào dư thanh
Phải chăng cung bậc tan tành
Tiếng đàn trầm thoảng điệu thanh xướng _ tùy
Lạc loài ôi hỡi cung Mi
Để cung Đô trưởng, thứ - kỳ ngộ đau
Rồi từ ấy tới muôn sau
Tiếng đàn trầm bỗng nhuộm màu lưu linh !

1-5-96

Màu Thiên Thu

(Chỉ một lần và chẳng bao giờ)

Một lần ta thấy thiên thu
Ẩn trong màu mắt mịt mù của em
Một lần ta biết ru êm
Khi em nhìn với êm đềm mi cong
Một lần ta biết long đong
Khi đôi mắt ấy nói không thiệt buồn!
Một lần ta ghen xót thương
Khi đôi mắt ấy trào tuôn giọt vàng
Một lần ta hiểu tan hoang
Khi em bỏ cuộc hồng nhan nửa chừng
Ta về ôm mặt rưng rưng
Thiên thu từ ấy dậy lừng chiêm bao
Thiên thu từ ấy có màu:
Thanh sơn, hồ thủy đón chào lưu ly
Nào xanh phí thủy, yên chi
Hỏa hoàng, huyết dụ xá gì lục lam
Một lần trong cõi trăm năm
Người quên đất lạnh âm thầm hại nhau
Một lần *người* chẳng thương nhau
Để trăm năm chẳng còn bao giờ là.

Hẹn Hò

But...be false...do what you will

Lesbia! must love you still (1)

CATULLUS (87-57>B.C

Kính tặng nhiếp ảnh gia Ngô Đình Cường

Tác giả ảnh Nghệ Thuật “ Hẹn Hò ”

Hẹn hò có nghĩa gì đâu
Là mây gió thổi qua cầu nổi trôi
Hẹn hò là vậy là thôi
Để khi nhớ lại bồi hồi có chăng?
Hẹn hò ôi chuyện ngàn năm
Rồi ngàn năm nữa vọng âm hưởng nào
Kể từ em “lạc” về đâu
Đời ta lại mất mấy màu lưu ly
Đời ta thêm một hạn kỳ
Trải qua cho hết những gì phải qua

Tưởng rằng em vốn là hoa
Tưởng rằng ta chỉ là tha nhân buồn
Ngàn xưa đã có đoạn trường
Thì ngàn sau nữa cũng thường vậy thôi
Tiếc thay em sớm quên “ người”
Tiếc thay ta trót làm đời thi nhân
Biển xưa trở lại bao lần
Phố xưa ta vẫn tần ngần lại qua
Những hò hẹn ấy như hoa
Sớm tươi hương thấm chiều qua, còn gì
Nụ trà mi, nụ trà mi
Tiếc thay lại nở trong kì hạn quên!

Nhớ xưa sánh gót kề bên
Dòng Cà Ty ấy lênh thênh ngọn triều
Thẹn thùng ôi mà hồng yêu
Em cười ta bỗng thấy chiều rợp hoa
Nhưng rồi năm tháng phối pha

Hẹn hò xưa ấy chỉ là vậ thôi
Là mây: cho núi xa trời
Là hương: cho sắc tới bởi chiêm bao
Hẹn hò là nghĩa làm sao
Xin người năm cũ nơi nào giải cho!

(1) *Hãy làm những gì em muốn...cho dù....giả dối*
Lesbia ơi, ta vẫn cứ yêu em!.

Ôi Chon Von!

Ta đã quyết chẳng bao giờ tìm tới (1)
Chiếc cầu xưa ngồi lại một thuở nào
Một thuở của mộng đời xanh Bích Ngọc
Một thuở buồn thiên địa cũng hư hao!

Ai có lẽ cũng qua cầu một thuở?
Nhớ vầng trăng trôi quạnh cuối phương trời
Lòng trót trái những ngọn ngành xuôi ngược
Tuổi của đời là tuổi xa khơi

Lại có kẻ đi về nơi ẩn dật
Vẫn còn nghe tiếng động phố qua phường
Bước chân cũ một thời vang dội mãi
Ôi một thời em có nhớ hà phương?

Quên hay nhớ chỉ là điều nhỏ mọn
Nếu lòng ai tơ tóc vẫn vương tròn
Cầu miên viễn để cho người qua lại
Sá chi điều đau khổ hỡi chon von!

Ôi chon von – Ấy là hồn riêng biệt
Trót lao đao nổi nước lại xa nguồn
Thì cầu xưa xin tìm về ngôi lại
Để nghe hồn lạnh suốt thấu vắng dương!

5-03

(Trích từ tập Phương Trời Lưu Viễn)

(1) Tác giả viết bài này để gọi là nói điều bài *Ngôi Lại Bên cầu in trong* (Thân Phận-1962)

Bản Tự Khúc Leonora

Một hôm trở lại Sài Gòn
Nghe đau cỗi lạ nghe mòn mỏi tâm
Nghe em thiếu phụ âm thầm
Đời ta thêm một nỗi bầm dập đây
Bạn bè như khói như mây
Cuộc đời như tháng như ngày đi qua
Thì thôi ta cứ là ta
Để coi khi vượn chơi trò hư không
Để coi thiên địa lên đồng
Đầu thôn cuối bãi rờn rờn chiêm bao
Rằng thiên niên kỷ mai sau
Máu người ất sẽ là màu Từ tâm.

Chiêm Bao (1)

(Tặng Hải Phương nhân ngày
hội ngộ tại Phan thiết)

Một đời nghe gió thổi hoài
Nghe mưa rụng mãi nghe dài dậm xa
Một đời nghe lạc loài ta

Nghe em goá bụa trên đà sắc xuân
Tiếc thay mộng vốn vô chừng
Mà chiêm bao cũng ngập ngừng lắm phen
Một đời giữa thói bon chen
Phất phơ, trầm túy, nào quen thói đời
Ô hay một kiếp - lạ - người
Sắc màu phiêu hốt giọng cười đưa ma
Lạ gì trong cõi người ta
Tài tình chi lắm cho ma quỷ hờn
Như em tuyệt đỉnh cung buồn
Vì chưng nhan sắc dậy bưng chiêm bao !

2-96

Gợi Xa Khơi

(gợi Hoàng Xuân Sơn)

Không bao giờ
Về lại giữa nhân gian.
Một con nước
Đã có lần trôi chảy
Ta cũng vậy
Hồn ta đau biết mấy
Chợt hôm nào
Hương cũ lại bay xa
Về chi đây
Hơi nỗi buồn cổ đại
Ai tiếc thương gì
Một chút nghĩa phai pha
Em non trẻ
Hiếu chi lòng đại hải?

Từng giọt buồn
Đọng lại đến muôn sau.
Còn pho phất
Trong cõi lòng hóng phé!
Bến sông nào?
Ồ, Hỡi bến sông xưa!

05-06 (chưa in)

Mất Lạ Nhìn hải Ngạn Qua Đèo

Qua đèo Ngoạn Mục thên thang
Tưởng như trở lại thiên đàng ấu thơ
Mây ơi thông hơi hãy chờ
Ngày ta trở lại bên bờ chân không
Ngày ta là án mây hồng
Bay từ thiên cổ về trong bụi mù
Ngày ta gặp lại thiên thu
Trong đôi mắt lạ mịt mù chiêm bao
Ngày ta hiểu nghĩa gây hao
Xuân xanh tàn phá, nắng đau ngọn tùng
Em từ lệ nhớ rừng rừng
Ta từ *thế sự* tận cùng nỗi đau
Làm chi hơi nắng phai màu
Hỡi phương hải ngạn hơi sầu lưu linh
Sá chi nào chuyện bất bình
Đời ta trong đục cũng bình thường tâm
Mai kia riêng một góc nằm
Hỏi ai còn chút lòng thăm xót thương
Một thời, một lứa đoạn trường

Một tình một sử như đường sinh ly
Làm sao em *hiếu* xuân thì?
Làm sao ta *biết* cái gì là tâm?
Tâm ơi riêng một cõi nằm
Làm sao mi *ngộ* đau ngầm là chi?

10-03 (chưa in)

Khi Nằm Bệnh

Rừng có nhớ mưa từ một buổi
Em về áo mỏng rất đơn sơ
Ta có nhớ gì từ một thuở
Lặng hồn để chín những vần thơ!

Phải chăng em vốn nguồn thi hứng
Phải chăng ta trót mộng hoang tàn
Từ ngày da thịt đau mòn mỏi
Ta hiểu: thôi rồi sinh phận tan!

Ô hay một kiếp sao mà ngắn
Em cũng manh nha sắc úa tàn
Làm gì đây hỡi người em nhỏ
Để gót ngọc còn nhịp bước vang?

01-01 (chưa in)

Hỡi Người Tóc Suối, Áo Bay

*Hingalo ich mich in grosser Sehnsucht ganz
Wie jetzt fur das Anschauen von deinem Haar.*

Hugo von Hofmansthal ()*

Có ngày xưa thật là xưa
Hình như sáng nắng chiều mưa chớ gì
Có người tóc trải đường đi
Áo bay phấp phới mỗi khi trở nhìn
Có người khếp nép lặng thinh
Tay ôm trống ngực ngó mênh mông trời
Hỏi thăm ai vậy người ơi
Tóc sao như gió xô đời long đong!

Rằng em là gái má hồng
Rằng nhà em ở bên dòng Cà Ty
Một hôm hạnh ngộ bất kỳ
Gặp người trong mộng để gì quên nhau
Kể từ mây trắng gây hao
Biển xanh chừng cũng đượm màu tà dương
Kể từ oan khuất điên cuồng
Đời ta lằm lũi trên đường bơ vơ
Quên người ôm bóng nàng Thơ
Bao nhiêu năm mới bây giờ là đây!

Bao nhiêu năm mới có ngày
Phố xưa về lại lòng đầy từ tâm
Hỡi người mái tóc xa xăm
Oi người nay đã ngàn năm mất rồi
Áo xưa đâu gió tung trời
Tóc xưa đâu gió tới bởi lòng ai
Hỡi người tóc সু, áo bay
Có hay ta trở về đây tìm người
Tìm người, người đã xa khơi
Tìm ta, ta trải một đời long đong!

Rằng em là gái má hồng
Rằng nhà em ở bên dòng Cà Ty
Một hôn hạnh ngộ bất kỳ
Gặp người trong mộng để gì quên sao?

() Trong ta dâng lên nguyên vẹn nuôi khát vọng dâng trào
Như hiện giờ nhìn thấy mái tóc em.
(trích Tuyển tập 1 Văn Chương, nxb Thanh Niên 1999)*



(Tranh Lữ Kiều)

TRANG VĂN & THƠ

(Mục Văn Học Thường xuyên)

ĐẶNG TIẾN * TRẦN LAM GIANG * PHẠM
NGỌC LƯ * HẢI PHƯƠNG * VŨ HỮU ĐỊNH *
KHÊ KINH KHA* HOÀNG XUÂN SƠN* TRẦN
MẶC HOA HUYỀN* ĐOÀN CHINH NAM*
ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ* TỪ THẾ MỘNG*
TRANG LUÂN* VÕ ĐÌNH TUYẾT* LỮ QUỲNH*
TRẦN HOÀI THƯ* KHOA HỮU* NGUYỄN CÁT
ĐÔNG* NGUYỄN ĐỨC NHƠN* ĐẠM THẠCH*
KIỀU MỘNG HÀ* TRẦN CHẤN HÒA* ĐẶNG
TOẢN* CAO VỊ KHANH*

ĐẶNG TIẾN

Mộ xuân tức sự

Nhàn trung tận nhật bế thư trai ;
Môn ngoại toàn vô tục khách lai.
Đỗ vũ thanh trung xuân hưởng lão,
Nhất đình sơ vũ luyện hoa khai.

Nguyễn Trãi (1374-1442)

Trích từ Ước Trai Thi Tập,
bản Đào Duy Anh, 1976.

Tức cảnh tàn Xuân

Phòng văn cửa khép, ngày thư nhà
Khách tục song ngoài chõ bển chân
Xuân rút cạn ngày đầy tiếng cuốc
Đầy sân mưa bụi - rộ hoa xoan.

Đặng Tiến dịch

18.3.2006

- *Cây xoan (soan) : Mélia Azedarach, còn gọi là thầu đâu, sấu đâu, sấu đông.*

Chữ Hán là xuyên luyện ; Xuyên tạo ra chữ xoan, có lẽ là một họ cây.

Việt Nam có nhiều loại xoan.

Bản chữ Hán của Nguyễn Trãi có ghi chú : hoa xoan nở vào tháng ba, mùi hương thơm nức cả sân.

- *Đỗ vũ : thường dịch là chim quỳên, cuốc. Ở đây là chim tu hú*

TRẦN LAM GIANG

Sau Cơn Thiền Định

(tặng em Tuyết)

Anh đứng dậy
hoang mang bóng Phật
Sắc không còn lao đảo tâm hư
Anh choáng váng
ngàn muôn phương trời đất
Đèn khuya
ánh sáng chần chừ.

Lãng Đãng

(tặng em Tuyết)

Đốt trầm. đọc sách. đỡ buồn
Bút tiên chẳng phải. như người thường thôi
Bạn hiền xốc xếch lại chơi,
Kẻ nghiêm như thánh. người cười như hoa.
Xuề xoà qua năm tháng
Lãng đãng mấy vần thơ
Xuân Thu đàn sáo vụng
Dòng sông đời lơ mơ.

Trăng nước còn đang lơ dờ
Ngậm ngùi
mái tóc bạc phơ.

Đời cũng chưa buồn lắm
Em tươi cười đi em
Anh cũng không buồn lắm
Ra hiên đốt thuốc đợi trăng lên.

Em vô tâm như nguyệt vô tâm
Khi vui
vui quá vui cuồng
Xôn xao hoa cỏ.
Khi buồn
Lặng lẽ sông.

Buồn vui một cuộc mộng lung
Không gian này cũng một vùng ưu du
Vấn chương như thực như mơ
Anh bây giờ
Thấy bây giờ chiêm bao.

HẢI PHƯƠNG

**Tử sinh uống cạn
Đất trời gom riêng**

Từ trong nách lá
em thơm mùi trắng cổ tích
nắng vườn đào xưa.

Từ trong tóc rối

gió đưa em mùa thu nhẹ
lay vừa
cội thơ.

Nguồn cơn
quẩy gánh tình cờ giòng sông
chở nặng
hai bờ vai trôi.

Từ trong đáy chén
mềm môi tử sinh
uống cạn
đất trời gom riêng.

Nhánh sông bữa trước Trôi buồn giòng xưa

Rũ em chiều xuống phố chơi
rốn phơi thế sự ngực cời càn khôn
chân đi hiu quạnh ngữ ngôn
dấu hưng phế mở cửa hồn rụng rơi.

Rũ rê em hát trên đời
bỏ quên dưới biển chỗ ngồi tiền thân
rũ ra rũ rã trời gần
đất se dấu bụi phong trần dặm tuôn.

Rũ ra rũ rã cội nguồn
nhánh sông bữa trước trôi buồn giòng xưa.

Khi ở San Jose
tháng giêng 2006
haiphuong68@hotmail.com

PHẠM NGỌC LƯ

Gửi một thuở tình sông

Ư ở tìm nhau đêm mộng du
Tài hoa diếc lác giai nhân mù
Ê chề hương lửa như cơm nguội
Rỗng cái tình sông lúc mãn thu

Sóng soái một hồng nhan ẩm mốc
Thườn thợt buồn nổi buồn nhọn hoắt
Em và ta tua tủa gai non
Săm soi nhìn nhau mặt đánh mặt

Nhìn xuống bóng mình nằm lạnh ngắt
Nhìn ra rần rật mây đùa mây
Nhìn quanh cửa đóng đời im ỉm
Nhân thế đi rồi bỏ ta đây?

Kìa em sống sượng chùi son phấn
Đo cái truân chuyên xem mỏng dầy
Cởi cái đa tình trau chuốt lại
Lột nổi buồn rửa gió lau mây

Thôi ghé đời nhau như quán trọ
Bồi cái trăm năm quá vội vàng
Một tấm tài hoa còn mấy tấc
Ở hờ đắp điểm mảnh hồng nhan
Ở hờ kéo áo che tâm sự
Hai nỗi lòng bốn phía hờ hang
Chiều thu xuống gió như rêu cột
Đụng cái tình suông kêu rồn rang

Tháng 11.2005

VŨ HỮU ĐỊNH

(TQBT vừa mới sưu tầm thêm một số bài thơ của nhà thơ Vũ Hữu Định. Thư Ấn Quán mới vừa hoàn thành tập thơ thứ hai gồm 40 bài sau tập thơ: Thơ Vũ Hữu Định mà TÂQ đã in trong tháng 4-2006)

Chờ một mai

Sớm mai lạnh gió thu
Mây nhạt nhòa như mộng
Ra ao nhìn cá móng
Nhớ một thời đã qua

Sớm mai lạnh gió thu
Sương giăng giăng mù mịt
Chim kêu lời tha thiết
Trong vườn cũ âm u

Thì ra ta vẫn vậy

Lòng vẫn đau từng mùa
Thu của một thời xa cũ
Đông của đời mịt mù

Đã qua thời của hạ
Quay quắt nhìn phượng hồng
Đại hồn nghe ve thổi
Ve gọi, em nghe không ?

Nay thì đã sang thu
Nửa đêm nằm chợt lạnh
Thức dậy tình cô quạnh
Nhìn trăng: Trăng đổi màu

Trăng xanh là của hạ
Trăng hoàng-lan của thu
Trăng từ em bội bạc
Là màu trắng âm u

Sớm nay lạnh gió thu
Ta một mình lóng ngóng
Chờ ai trong vô vọng
Đợi ai hoài thiên thu

Chờ ai không trở lại
Chờ em như chờ một mai

Cần một người đàn bà

Nếu có được phút ban đầu để nhớ
Có lẽ đời anh cũng bớt long đong

Chuyện trong mộng: em nào cũng rực rỡ
Sáng mai ra lòng lại hỏi lòng

Dẫu có được duyên không thành nợ
Có lẽ hôm mai còn ấm được lòng
Anh có được một nơi nào để gửi
Một chút tình nồng, một mảnh gương trong
Đời sống chảy, anh thì trôi rất chậm
Một giòng sông đâu như lăm bến bờ
Anh trôi chậm nên không bao giờ đến kịp
Suốt đời anh yêu gửi gắm trong thơ
Anh muốn nói ra cùng người tình thật
Dù đàn bà nghe cũng giống không nghe
Những đau đớn và ngọt ngào chất mật
Anh có em như chốn để về
Anh muốn có em vì cần phải có
Một mảnh gương để soi lại đời mình
Không hốt hoảng vì sẽ quen với bóng
Thời tóc còn xanh và ngày tóc phai xanh

Chưa gặp được em nên em nào cũng đẹp
Đàn bà muôn năm vẫn bí ẩn như rừng
Không cần thiết nhưng vô cùng tha thiết
Và anh đây đời cứ phải băng khuâng
Anh không có phút ban đầu để nhớ
Nên đã bao lâu lặn độn trong tình
Anh không có người đàn bà trắc trở
Nên đàn bà là một khoảng sông xanh
Soi sẽ gặp lung linh hình ảnh
Dẫu muốn không tin rồi cũng phải tin
Cứ tưởng tượng là từ lâu anh sống

Yêu một em anh biết có trong đời
Em chưa đến vì chưa phải lúc
Nên đời anh rồi cũng có khi vui
Anh đã lỡ một lần đi cần thiết
Một lần đi của thưở bước đi
Mà đã lỡ thì biết làm sao được
Hóa trăm năm đời sống có lúc vì...

(Nguyệt san Tiền Phong /QLVNCH số 95, 15-10-1973)

KHÊ KINH KHA

bướm và cánh sen

tóc ai
 như cánh bướm bay
dáng ai
 như cánh sen gầy nở hoa
sen tình
 một đóa thiết tha
bướm bay vào giữa lòng ta
 thưở nào

10.05

Chưa dám

khi không
 lại nói thương em
nói thương đôi mắt
 thương hàng mi thanh
nói thương mái tóc dịu mềm
thương bờ môi mộng,
 thương vòng eo thon
thương bàn tay nhỏ búp măng
thương làn da trắng như lan trên cành
thương chiều
 thương sáng
 thương đêm
thương luôn cây cỏ
 bên thềm nhà em

nói thương
 đến nỗi quên mình
quên ăn
 quên ngủ
 con tim đại khờ
đêm đêm ngồi viết vần thơ
đệt ngàn tơ mộng
 lời thề sắt son

anh thương thì cứ việc thương
để xem
 anh có thật lòng hay không
mấy chàng thi sĩ mơ màng
thương mưa
 nhớ nắng

mây ngàn
núi cao
thương đông lạnh
nhớ thu sâu
thương hoa
thương lá, trăng sao trên trời

tội em,
khi ấy khóc thôi
nên em chưa dám
thương người ta đâu !

HOÀNG XUÂN SƠN

Cuối năm, một đoạn ngắn

(gửi Hoài Khanh, tặng đám bạn bia bọt Tân Định)

Trăm kẻ ra đi, bắt tin . về
xuống đường lưu lạc bước vào mê
thời gian những cánh đời tôi tả
một phút bình yên chẳng gợn kẻ

Ta như con ngựa què mất cẳng
một giải yên cương bạn đã cầm
nào ai biết được đường đi thẳng

rồi cũng lui về phố tịnh tâm

Cái lạnh nơi đây dài muốn chết
nhớ những chiều mưa rượu uống càn
dầm hồ tửu cụng quên trời đất
mấy cuộc vui buồn giọng hát khan

Ta có bơ phờ thân viễn xứ
chẳng qua sinh, sử nợ ba đào
ai người chẳng muốn trời yên gió
mà lệ trùng dương vẫn gối trào

Ba năm một đoạn gửi người quen
lòng vẫn say như có bạn hiền
có phút ân cần khi gặp gỡ
cho dài tâm sự buổi tàn niên .

Cuối năm 1983

TRÂM MẶC HOA HUYỀN

Mơ về bản trạch

Đồng xanh cỏ liếm chân người
Gió chiều lồng lộng đất trời mênh mông
Tôi qua đó, ...nghe băng khuâng

Ngỡ mình lạc giữa bức tranh quê nhà!
Có dòng suối nhỏ chảy qua
Có đồng lau lách...có nhà mái xiêu
Thiếu em đứng ngóng những chiều
Thiếu đàn em nhỏ thả diều quanh sân
Thiếu mẹ gầy trúc tay lần
Bả trầu trộn lệ chờ thằng con xa!
Ở đây xứ sở người ta
Có sông, có núi...nhưng xa tình người
Ở đây cũng đất cũng trời
Hồn tôi như lạc giữa thời sơ khai
Mong ngày đất nước đổi thay
Trở về bản trạch sống ngày vui xưa...!

ĐOÀN CHINH NAM

Hương xưa

Lời Đường Thi trang trọng
Đưa anh vào cõi thơ
Người xưa bao nhiêu mộng
Đẹp xưa đến bây giờ

Hoa đào cười gió đông
Dòng biếc trôi lá hồng
Phòng khuê thiếp trang điểm
Biên cương chàng ruỗi dong

Sớm chiều trắng tóc xanh
Chim oanh hót trên cành
Bao lần tan giấc mộng

Soi hồ tơ liễu xanh
Trên sông sâu khói sóng
Rèm châu cuốn - thu về
Một đời ai đã sống
Ngàn sau còn khắc ghi

Chinh phu

Trời xưa mỗi cánh phù vân
Người đi thuở ấy phong trần trắng vai
Ngày về với tóc râu phai
Đường bên tơ liễu buông dài nét mi

ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ

Áo mơ phai

Tặng Đoàn Chinh Nam

*Chị là dy tích khung trời nhỏ
Một tuổi thơ em đã mất rồi⁽¹⁾
Em cũng là trăng, hồng nắn lụa
Mấy trời xuân chị thừa xa xôi
Ô hay, thoát đã mười năm lẻ
Em đã làm thơ, đã ngâm ngùi
Chị nửa đời tay đan tóc rối
Vườn trăng thiếu phụ, áo mơ phai
Vừa mới hôm nào, em có nhớ?
Chị cười, em khóc chuyện đầu tay
Chiều thu lá rụng trên đường vắng,
Hiệp sỹ tung mình yên ngựa say⁽²⁾*

Con ó vàng bay đi ngẩn ngơ
Đem theo hết cả chuỗi ngày thơ
Ai hay em sớm thành thi sỹ,
Chị sớm sang sông tưởng đắm đò.

Trường giang muôn thửa sóng triền miên
Bến nước mười hai vạt nổi niềm
Lá đổ muôn chiều... em vẫn nhớ?
Đời buồn chi mấy... chị nào quên!

Quy Nhơn-1973

⁽¹⁾ *thơ Đoàn Chính Nam*

⁽²⁾ *Ý mở đầu câu chuyện “Con Ó Vàng” của ĐCN, ngày học lớp 3*

TỪ THẾ MỘNG

Phượng Hồng

Hồi phượng trước trường ta đã nở
đỏ như lòng con gái rất ngây thơ
hồi ta đứng trước sân trường vắng
phượng đã như lòng bơ vơ

Mùa rộn hoàng oanh trăm điệu mới
chim khuyen vừa kéo mặt trời lên
buổi tựu trường trên môi em vừa hé
em đã đầy em trong mắt trong
Phượng hồng chưa vui bàn tay thon
sao phượng hồng xóa bao nhiêu là dấu chân
ôi dấu chân hồng em mới thẹn

trời đã mưa mà như không

Phượng hồng phượng hồng sao phượng hồng
sao trông mênh mang mà nhớ nhung
nghìn em áo trắng trong sân trắng
phượng vẫn rơi bàn tay không!

Phan Rí 71

Nỗi Buồn Thu Nhỏ

(tặng Minh Tâm)

11.12 rồi em còn nhớ không
11.12 rồi nhớ má em hồng
ngày xưa mưa bụi trôi trên tóc
mùa đã thu rồi em nhớ hay không?

11.12 thơ cài lớp học
11.12 hoa cài mái tóc
11.12 em ngồi em khóc
nắng trên trời rơi nắng xuống mưa trưa

Thơ mới vào xuân thơ lừng tiếng nhạc
hoa mới vào xuân hoa bùng hương ngát
em mới vào xuân em ngồi em hát
giọng em tròn rơi nắng xuống mưa trưa

Phượng nở rồi đây rơi đây lớp học
phượng nở rồi đây rơi đây mái tóc
phượng nở rồi đây em ngồi em khóc
hồn rưng rưng hồn đại ướt mưa trưa

Mùa đã thu rồi em còn nhớ không
mùa đã thu rồi mưa giăng mịt mù
ngày xưa mưa bụi trôi trên tóc
mùa hết thu rồi em biết hay không?

TRANG LUÂN

Lối xưa tìm về

Hiền thật không ngờ anh lại dám ra đây một mình!"

"Có gì đâu mà không dám."

Người đàn bà trạc ngoài năm mươi, có mái tóc ngả màu cùng gương mặt tái nhợt quay sang giải thích:

"Em thấy Việt kiều về nước đi đâu cũng đều có người nhà sát cánh ngay bên cạnh, chứ đừng nói tới chuyện đi xa như anh. Riêng có anh thì ngoại lệ. Dầu sao anh cũng nên cẩn thận thì hay hơn. Đi xa anh nên bảo Hòa hoặc ai nấy tháp tùng với anh cho an toàn. Anhg đừng tưởng người ta không biết đâu! Người ta tinh lắm đấy. Nhất là màu da cùng cách xử dụng tiền bạc. Vả lại, anh cũng chẳng cần ra đây làm gì! Cứ gọi điện thoại cho em thì được rồi."

"Chủ ý của anh là muốn ra thăm em. Mấy chục năm rồi còn gì nữa! Dầu sao thì anh cũng có lỗi với em rất nhiều."

Người đàn bà xua tay lia lịa:

"Dĩ vãng qua rồi, anh còn nhắc lại làm gì!"

"Hiền nói vậy! Nhưng lúc nào anh cũng cảm thấy lương tâm mình bị dày vò, ray rứt."

"Tại sao anh cứ bận tâm về cái chuyện đó mãi để làm chi! Chúng mình bây giờ ai nấy cũng đều ngoài năm mươi cả rồi. Đâu có còn bao lâu nữa rồi cũng sẽ lần lượt đi về."

"Anh hiểu! Nhưng cuộc đời Hiền trải qua quá nhiều cay nghiệt. Nó chẳng khác nào con suối cạn nằm trong thời kỳ hạn hán. Vì vậy, cứ mỗi lần hồi tưởng về dĩ vãng, về

Hiền thì y như anh lại cảm thấy xót xa, ngậm ngùi ở trong lòng. Anh hiểu chứ! Hiền yêu anh. Hiền đã âm thầm chờ anh suốt mấy năm liền. Mấy năm ấy anh chẳng hề hay biết gì cả. Cuối cùng thì em mới quyết định lên xe để về nhà chồng. Thật ra thì anh có lỗi. Nhưng có điều khiến cho anh phân vân, thắc mắc mãi, là tại sao lúc bấy giờ em cứ một mực giữ nguyên thái độ im lặng. Ít nhất em cũng nên cho anh biết về ý định của gia đình. Mãi cho đến sau này, khi anh bước chân vào quân đội, trôi dạt về đơn vị của anh Đại, nhân trong một chuyến hành quân tại vùng Mỹ Chánh nằm trong lãnh thổ thuộc tỉnh Bình Định, anh ấy vô tình dỡ cuốn album nhỏ ra khoe, anh mới giật mình thấy đau nhói ở trên ngực."

Hiền buông mắt nhìn ra xa:

"Anh nhớ kỹ lại xem. Đạo ấy đến cả mấy năm trời, em vẫn chẳng nhận được lá thư nào của anh gửi về. Hơn nữa, em lại là phận con gái. Chung qui cũng tại cái số của em như thế. Em chẳng trách cứ gì anh cả. Thôi! Bỏ qua chuyện đó đi anh."

Hiền dơ tay quơ vào khoảng không, đổi giọng trầm xuống:

"Từ nãy đến giờ mãi nói chuyện, em quên khuấy không hỏi thăm chị cùng các cháu ở bên đấy có khỏe không anh!"

"Cảm ơn Hiền. Nhà tôi cùng hai cháu vẫn bình thường. Bên Mỹ thì đời sống khác hẳn với bên đây. Cuộc sống lúc nào cũng tất bật, hấp tấp."

"Em hiểu! Nhiều người bạn về thăm gia đình vẫn thường nói với em về chuyện đó. Ráng đi anh. Bây giờ chúng ta ai nấy đều có phận riêng cả rồi. Em mong anh đừng

suy nghĩ gì cả. Hãy quên đi anh. Từ nay anh đừng gửi tiền về cho em nữa! Em ở bên này cuộc sống cũng tương đối, không đến nỗi gì eo hẹp cho lắm. Anh cứ gửi về càng khiến cho em áy náy thêm. Ngộ nhỡ chị biết được, thì lại gây ra nhiều điều rắc rối, phiền phức và đồng thời tạo ra cảnh xào xáo, bất hòa cho gia đình. Em không muốn vì em mà gia đình anh mất êm ấm. Đừng gửi nữa nghe anh! Chúng ta nhớ đến nhau là đủ rồi. Hằng đêm em vẫn thường cầu nguyện cho anh cùng gia đình được mọi điều an lành và tốt đẹp."

"Cảm ơn Hiền."

Hai người đi dọc theo bãi biển về chiều vắng lặng. Mưa lất phất bắt đầu điểm hạt. Trên cao, bầu trời xám xịt như trĩu xuống. Tiếng sóng vẫn nhịp nhàng vỗ nhẹ vào bờ, tạo thành chuỗi thanh âm êm đềm liên tục. Thịnh lắng nghe chuỗi âm thanh bất tận của biển. Chuỗi âm thanh đưa anh trôi dạt về dĩ vãng thật xa lắm. Dĩ vãng về thời còn trai trẻ. Dĩ vãng của những năm tháng khói lửa chiến tranh, trên mảnh đất nhọc nhằn, cần cỗi này. Về đời lính. Về những chuyến trực thăng chở anh cùng đồng đội xuống các vùng đèo Nhông, Mỹ Thọ, Vạn Ninh, An Lão, Phù Cũ. Về Đại, người đàn ông có nước da ngăm đen. Người đàn ông ấy đã hiến cả đời mình cho binh nghiệp. Đã có lần Đại tâm sự với anh:

"Tôi yêu đời lính ngay từ ngày còn ngồi ở ghế học đường. Lớn lên, tôi chọn binh nghiệp là hướng đi chính cho đời mình."

Anh mơ muốn trở thành danh tướng và giấc mơ ấy chẳng bao giờ anh thực hiện được. Anh đã ngã xuống và máu anh đã rướm ra, thấm luồn vào mạch đất tận vùng Lạc Sơn hẻo lánh, bởi viên đạn nóng hổi, nghiệt ngã, vô tình.

Hạnh phúc ngàn ngọc chỉ đến với anh vồn vẹn trong vòng mười lăm ngày ngắn ngủi. Mười lăm ngày trăng mật qua đi rồi kết thúc. Người vợ trẻ bước lên thang phi cơ ngày hôm trước, thì hôm sau cũng là ngày anh gục xuống, xuôi tay giả từ đời sống này.

"Anh đang nghĩ gì vậy?"

Thịnh nhún vai, điềm nhiên:

"Anh đang nghĩ về Đại. Anh ấy thật bất hạnh."

"Anh ấy hiền. Tội nghiệp. Em chỉ ghét bà chị anh ấy. Bà ấy bảo : Hôm đám cưới, tại em mặc chiếc áo màu vàng xui xẻo nên em bà ấy mới mất. Hôm em vào Qui Nhơn nhận xác anh ấy đưa về tới Đà Nẵng, bà ấy cứ lẩn lộn ra nhà rồi rửa em là đồ sát phu. Thú thật với anh, lúc đó em xấu hổ vô cùng. Có đến gần ba tuần lễ, em chẳng dám lộ mặt ra đường. Suy đi nghĩ lại cũng tại mẹ em hết. Bà cứ bắt em phải lấy anh ấy. Ngày nào bà cũng tụng. Nào, nó là thằng hiền lành, chẳng biết rượu chè, cờ bạc, hút sách hoặc trai gái. Như vậy là phúc lắm rồi. Mà còn chờ ai nữa bây giờ! Chờ cái thằng Thịnh à! Ai như cái thằng ấy. Mà biết chờ nó đến chừng nào! Nó cứ im hơi, lặng tiếng, chẳng thấy đá động gì cả. Vô lý mình phải lên tiếng trước. Thật ra, lúc đó em giận anh hết sức. Tức quá, em đành xuôi tay, bằng lòng cho mẹ em vui."

Thịnh trầm ngâm, suy tư. Anh thò tay vào túi quần, lấy ra bao thuốc, rút một điếu cài lên môi, rồi bằng động tác thật khoan thai, bật hộp quẹt châm lửa.

"Hiền cho anh xin lỗi."

"Bỏ đi anh."

Suy nghĩ giây lát. Nàng hỏi:

"Anh còn nhớ chỗ này không anh?"

Thịnh chau mày suy nghĩ. Cuối cùng anh lắc đầu:

"Anh chịu."

Hiền chỉ tay về hướng trước mặt:

"Đây chính là chỗ mà bốn mươi sáu năm về trước, mình bước lên bờ trong chuyến tàu chở mình từ Bắc vào đây."

Thịnh mở to đôi mắt. Anh nhớ ra rồi. Đạo ấy phượng còn đỏ trên bờ em nhỉ? Nghĩ đến chuyến tàu ấy càng khiến cho anh liên tưởng đến những ngày nằm chờ ở Kiến An. Tới đoàn xe nhà binh chở đầy ắp người, đậu dài trên bến cảng Hải Phòng, chờ đợi sắp xếp xuống tàu. Rồi con tàu chở cả tiểu đoàn công binh, mà trong đó có bố anh, bố em cùng gia đình nằm ngổn ngang ở trên đấy. Anh vẫn còn nhớ, gần sáu giờ chiều, con tàu mới giã từ Hải Phòng để rẽ sóng ra khơi, rồi cứ thế, lênh đênh rồng rã suốt cả mấy ngày trời trên biển. Mấy ngày trời ủ rũ, say sóng mệt nhừ. Tàu cập bến vào buổi chiều le lói, vàng úa. Tấm bửng sắt to lớn, chắc nịch được mở ra và đoàn người ảo não, lục tục, lếch thếch bước lên bờ, ngơ ngàng trước thành phố xa lạ. Lúc ấy, tự nhiên anh chạnh lòng thấy nhớ Hà Nội. Nhớ gò Đống Đa. Nhớ bọn thằng Thái, thằng Lực, thằng Luyến, nhớ đến những đêm trăng rằm vàng vạc. Những lần tập trận giả cùng những trái sấu chua nhấm mặt, chứa chất, tiềm tàng nhiều kỷ niệm khó quên ở trong đó. Thịnh lẩm bẩm:

"Mới đấy mà thoát chốc đã ngót bốn mươi mấy năm trời. Thê mới biết đời người trôi qua nhanh thật."

Hiền tiếp lời anh:

"Nhanh! Chứ sao không nhanh! Anh tính thử lại xem. Ngày ấy anh mười tuổi, còn em thì lên tám. Bây giờ nhìn lại ai nấy cũng ngoài năm mươi cả rồi. Chẳng mấy chốc..."

Hiền bỏ lửng câu nói tại đấy. Lát sau nàng mới thở thê:

"Anh về kỳ này có chuyện gì không? Nếu em nhớ không lầm, thì cách đây hơn ba năm anh có về một lần rồi. Lần ấy Hòa có gọi điện thoại báo cho em biết tin."

Thịnh cất giọng buồn buồn:

"Anh về lần này là để lo đám tang cho bố anh."

Hiền trợn mắt:

"Bác trai mất rồi hở anh? Sao chẳng thấy anh báo cho em biết gì cả."

"Tại em ở xa quá, anh thấy không tiện."

Hiền trách:

"Anh tệ thật. Thế anh Nguyễn có về không anh!"

"Có. Rất may là ba đưa con trai đều có mặt đầy đủ."

"Chắc đám tang bác trai lớn lắm anh nhỉ?"

"Cũng bình thường như những đám tang khác thôi Hiền ạ."

Bất giác Hiền chếp miệng, thở dài:

"Tội nghiệp bố mẹ em. Đám tang thật thảm não và lạnh lẽo hơn bất cứ đám tang nào khác. Sau năm bảy mươi lăm, trong hai năm liền, em phải chịu tới hai cái tang liên tiếp. Đấy, anh cũng biết. Gia đình em đơn thân độc mã sống ở ngoài này, chẳng có bà con thân thuộc nào cả. Ngày ấy em lại chưa tục huyền với nhà em bây giờ. Khổ nỗi, chỉ có mình em là con gái, mà lại là đứa con độc nhất trong gia đình. Tâm trạng em lúc bấy giờ rối bời như tơ vò, nát ra từng mảnh vụn. Rất may, nhà em ở xóm ấy lâu năm và được lòng với tất cả mọi người ở chung quanh, nên người ta cũng thương tình! Chứ kể như mình em thì chỉ có chết mất. Nhiều khi ngồi một mình ngẫm lại, em mới thấy thương bố mẹ em vô ngần. Lăm lăm, em đột nhiên nảy sinh ra ý tưởng thật ngộ nghĩnh, ước gì mình được nhỏ lại như hồi còn đi học. Chuỗi ngày

ấy chúng mình thật hồn nhiên anh nhỉ? Lớn lên, em lại thấy, sao mà cuộc đời khổ quá hử anh? Anh còn nhớ Hội An không anh! Hội An có ngôi chùa cầu tối om về ban đêm. Ngôi chùa ấy mỗi khi mình đi chơi khuya về đều bảo nhau ù té chạy. Đây là khu phố nhỏ thứ nhì mà mình đặt chân đến, kể từ khi bước xuống con tàu giã từ quê hương miền Bắc. Cứ mỗi lần có dịp xuống đây, em lại tạt qua ngôi trường Bồ Đề mà mình ngồi ở năm lớp nhất. Ngôi trường tiểu học ấy đã gây cho em nhiều nỗi bồi hồi, cảm xúc. Năm đó chúng mình thi tiểu học tại trường Nam, phải không anh? Anh đậu, em rớt, mẹ em la cho một trận nên thân. Em cũng chẳng quên ghé ngang qua khu gia binh mà mình sống ở đây gần hai năm trời. Nơi ấy hầu như thay đổi hoàn toàn. Mỗi lần trở về, em lại liên tưởng tưởng đến các trò chơi nhảy dây, bịt mắt bắt dê vào các đêm tối trời oi bức. Đạo ấy mình chẳng thấy buồn là gì anh nhỉ? Chỉ có giận hờn rồi sau đó lại làm hòa với nhau. Anh lại hay có cái tật phá đám tụi em. Mỗi lần như thế, em thường chạy đi mách bác trai. Em biết bác trai thương em lắm. Bác thường hay xoa đầu và gọi đùa em là con dâu quý. Buồn nhất là khi đơn vị phân tán đi mỗi người mỗi ngả. Gia đình anh thì dọn ra ngoài Huế. Còn bố em thì thuyền chuyển về Đà Nẵng. Tuy cách nhau ngọn đèo Hải Vân, nhưng chẳng xót năm nào mà bác trai chẳng ra thăm bố mẹ em vài ba lần. Hễ ra, thì y như như thể nào mẹ em cũng bày ra chần hoặc tổ tôm. Em còn nhớ, lần đầu tiên anh đi với bác ra nhà em. Mẹ bắt em phải ăn mặc đàng hoàng, gọn ghẽ. "Con gái phải đằm dáng đôi chút. Phải biết làm dáng. Phải ăn nói nhỏ nhẹ, từ tốn và phải giữ ý tứ trong khi đi đứng." Em chẳng hiểu gì cả. Em chiều cho bố mẹ em hài lòng. Thì

ra có anh đi với bác trai. Tình cờ hay cố ý. Sau này em nghe mẹ em nói, anh ra là để xem mắt. Có phải đúng như vậy, không anh?"

"Anh chẳng biết ắt giáp gì cả. Vừa về đến nhà được hai hôm, thì bố anh dục anh ra thăm bố mẹ em. Bố anh bảo: Hai bác quý con lắm và thường hay nhắc đến con luôn. Thú thật, lần ấy anh lúng túng vô cùng. Thì ra, hai bên có sự sắp xếp với nhau từ lâu lắm rồi."

"Nhắc đến hôm ấy thật buồn cười anh nhỉ? Sau khi hàn huyên vài câu chuyện, mẹ dục em dẫn anh đi chơi. Lần đầu tiên gặp lại, chúng mình chẳng biết nói gì với nhau. Em dẫn anh đi lang thang dưới cơn mưa buổi lạnh cuối năm. Cơn mưa ấy không bao giờ em quên! Cơn mưa ấy đối với em lúc nào cũng đẹp và em cất giữ nó một cách thật trang trọng trong cái ô kéo đặc biệt ở ký ức."

"Anh cũng vậy. Anh vẫn còn nhớ chuỗi ngày vàng son, thơ mộng đó. Chuỗi ngày mà giữa anh cùng em đều mở ra những cánh thư êm ả màu xanh, trải đầy mộng ước ngọt lịm ở trong đấy. Không khi nào anh quên! Không khi nào! Anh quả quyết với em là như thế."

Thình thình lại giấy lát, rồi đột nhiên quay sang hỏi:

"Bây giờ thì cuộc sống em thế nào?"

"Cũng tạm đủ qua ngày thôi anh ạ."

"Còn chồng em! Anh ấy đối xử với em ra sao?"

"Anh ấy đối xử với em rất chừng mực. Bốn năm sau, kể từ khi bố mẹ em qua đời, em đành nhắm mắt, đưa chân bước thêm bước nữa. Chúng em ăn ở với nhau có hai mụn con và bây giờ thì các cháu đều lớn khôn hết cả rồi."

"Mừng cho Hiền."

Hai người tiến lần lên phía trên. Cơn mưa bắt đầu nặng

hạt, lớn dần. Gió lao xao trên các tầng cây, nhẹ nhàng
luồn qua cơ thể, gây liên cảm giác lạnh lạnh ở trong anh.

Thịnh quay sang hỏi:

"Hiền lạnh không?"

Nàng gật đầu, không nói. Anh kéo cao cổ áo, đề nghị:

"Hay mình kiếm cái quán nào ngồi đi em!"

Hiền ngáp ngừng:

"Thôi! Hiền xin phép anh về. Cảm ơn anh đã cho em
một ngày thật ấm áp, thật trọn vẹn. Tiện đây em cũng
xin phân ưu với anh cùng gia đình. Anh có định ra Huế
thăm bạn bè không anh?"

Thịnh lắc đầu:

"Anh không có thời gian. Bởi vì ngày mai anh còn phải
về Sài Gòn để điều chỉnh chuyến bay."

"Anh về, cho em gửi lời hỏi thăm sức khỏe anh Nguyễn
cùng vợ chồng Hòa. Chừng nào thì anh trở lại Mỹ?"

"Tuần tới."

"Chúc anh được thượng lộ bình an. Cho em hỏi thăm sức
khỏe chị cùng các cháu."

"Cảm ơn em."

Lưỡng lự giây lát, Hiền ngáp ngừng:

"Gặp anh lần này rồi không biết có còn gặp lại nữa
không? Hãy nhớ đến nhau nghe anh! Thôi! Chào anh,
em về."

Thịnh bịn rịn, nói khẽ:

"Anh muốn tiễn em thêm một đoạn đường nữa!"

Hiền nói giọng rung rung:

"Như vậy cũng đủ rồi anh."

Nàng ngược lên nhìn Thịnh lần cuối rồi xoay lưng, lăm
lũi tiến vào đám đông. Chiều ử rữ, hấp hối trên ngọn đồi
phía xa. Tự nhiên anh cảm thấy tim mình se thắt, buồn

vô hạn.

Thịnh bước vào quán rượu gần đấy. Quán vắng, thưa người. Vài người khách xa lạ ngược lên nhìn anh bằng cặp mắt dừng đứng rồi lại cúi xuống tiếp tục câu chuyện còn dang dở, đứt quãng.

Dưới ánh sáng trong vắt của ngọn đèn nê ông, bà chủ quán có dáng dấp mảnh khảnh, lẻo loẹt trong chiếc váy đầm diêm dúa, ưỡn ẹo, nghiêng người, điểm nụ cười chào khách. Thịnh gật đầu đáp lại. Anh gọi chai bia rồi tiến thẳng đến chiếc bàn trống nằm khuất ở mãi tận phía trong, thản nhiên kéo ghế ngồi xuống. Thịnh thích ngồi chỗ hóc tối kín đáo. Anh không thích ồn ào. Anh thích im lặng. Âm thanh trầm buồn, lãng đãng của bản nhạc xa xôi thời tiền chiến, đột nhiên gợi cho anh liên tưởng đến chuổi năm thang u ám thuở nào. Chuổi năm thang nhục nhằn, hạn hẹp, đóng khung bởi bốn bức tường hôi hám, đen tối. Đầu óc anh lúc nào cũng bị căng thẳng, hồi hộp, trước những con mắt soi mói, cú vọ của những tên chấp pháp độc ác, dã man ở Tri Tôn. Từng trận đòn đau điếng, ê ẩm, rờn rã từ tuần này sang tuần khác. Nghĩ đến đấy, tự nhiên Thịnh buông nhẹ lên tiếng thở dài. Anh ném tầm mắt nhìn qua khung cửa kính. Cơn mưa vẫn rả rích, dai dẳng không ngớt. Xa xa, thấp thoáng vài ánh đèn lù mù, lung linh trên đại dương. Thịnh đem ý nghĩ về Hiền. Về thị trấn xa xôi ở quá khứ. Cái thị trấn nhỏ bé, dễ thương nằm trong cái khoảnh vườn hồn nhiên, ngây dại của một thời thơ ấu. Anh nhớ đến những buổi sáng tinh sương, anh cùng Hiền đều đặn cấp satch đến trường. Ngôi trường chỉ cách trại lính chưa đầy hai trăm thước, mà sáng nào mẹ cũng dặn đi dặn lại: "Nhớ dẫn em đi cho cẩn thận nghe con!" Ngôi trường

tiểu học xinh xắn ấy mở ra ở trong anh cả khoảng trời tươi tắn của kỷ niệm. Khoảng trời ấy cứ sống mãi với thời gian và chẳng khi nào nhạt phai ở trong anh. Thịnh nhớ đến những buổi chiều rạo rực cuối năm. Những buổi chiều mà hai đứa đi lang thang trên đường phố kín người. Những buổi chiều nồng nàn, ấp áp, lâng lâng hơn bao giờ hết.

"Có khi nào anh nghĩ rằng: Rồi đến một ngày nào đó, tình yêu mình sẽ phai không anh?"

"Anh tin rằng không có! Tình yêu mình lúc nào cũng đẹp. Nó nhẹ nhàng như tơ trời và êm đềm như tiếng thông reo mùa Hạ. Chúng ta hãy chăm bón, vun sới cho nó thành xanh ngắt, mượt mà, tươi tốt nhiều hơn nữa."

Người nữ chiêu đãi đặt chai bia cùng chiếc ly thủy tinh xuống mặt bàn. Thịnh rót đầy ly rồi nâng lên uống cạn.

"Anh muốn đi với em đến điểm cuối của cuộc đời. Cuộc đời là phù vân, là khói sương, là ngã rẽ, là sự gầy đổ ê chề, nhức nhối, phải không em? Chúng mình chẳng khác nào hai con tàu chạy ngược chiều, trôi dạt về các ga trạm xa lạ, buồn tênh. Mùa xuân chẳng khi nào về với chúng ta! Nhưng chúng ta vẫn phải gắng gượng để sống, cho những đứa con anh, con em, có hơi thở, có mạch sống để vươn lên rồi nở hoa đi vào cuộc đời. Hãy cố gắng đi cho hết chặng đường đời đầy nhàm chán, phiền toái này. Hãy gắng lên nghe em!"

Thịnh vẫy tay, gọi thêm bia. Anh muốn uống để vơi đi được phần nào nỗi xót xa, dằn vặt đang bủa vây kín mít ở trong anh. Thịnh uống say sưa. Hơi men luồn vào cơ thể gây liên cảm giác ngầy ngật, khó chịu. Chuyểnh choáng, anh mệt nhừ, nhắm cặp mắt lơ dờ nhìn ra bên ngoài.

Đêm chập chùng, mưa bay./.

VÕ ĐÌNH TUYẾT

Chia tay ở Tân Mai

Cuối tháng Ba năm 1975, tôi từ già Đà Nẵng, một Đà Nẵng hỗn loạn, một Đà Nẵng hấp hối trong cơn cùng cực trên những khuôn mặt lo âu căng thẳng. Trong căn cứ Hải Quân tôi nhìn thấy trùng trùng biển người, sóng người, xô nhau đi.

Cơn mưa bất chợt rơi xuống như những giọt lệ tháng Ba đổ ập vào đầu người trầm luân trôi dạt. Người ta đang chen lấn vào nơi có tàu bè tìm một lối đi thoát. Để làm gì? Chẳng có ai ý niệm nào về một tương lai xa gần, chỉ biết hãy đi như không thể ở lại, như không thể dừng, dù những tai ương có thể tới. Người đẩy người, người xô người, hàng hàng lớp lớp chỉ hy vọng được ra đi. Những gai góc bữa vậy, những trái pháo bắn theo, những xà lan chở đầy người trôi dạt trên biển vào nơi vô định, không thức ăn, nước uống, người với người trở thành thú trên chiếc quan tài trôi nhấp nhô

Nhà văn Mai Thảo trong “Đêm Giã Từ Hà Nội” ông viết qua ánh mắt của Phương nhìn xuống Hà Nội nhẹ nhàng hơn đêm tôi chia tay cùng với Đà Nẵng khốn khổ của tôi.

Tôi chẳng có tình yêu, hay Em nào để nói một lời chia tay, tôi chẳng có một tơ vương, người đi qua đời tôi, để nhớ. Tôi mồ côi trong ngày chia ly và khi con tàu dần dần xa trong cơn hải hùng chiến tranh nên không có thì giờ nói lời giã biệt. Vậy đó mà đã 30 năm.

Đầu tháng Tư năm 1975, tôi bước những bước xiêu vẹo lạc điệu xuống Vũng Tàu sau bốn năm xa cách. Tôi ra lính đơn vị đầu tiên tôi ở Cát Lữ, nên Vũng Tàu trở thành thân thương của thời 70, thời của những cô gái VN mặc váy ngắn cùn cởn đi ngất ngưỡng bên cạnh anh lính Mỹ viễn chinh. Anh lính trẻ có thể từ một miền Viễn Tây nào đó, hay một Đông Bắc lầy lội tuyết giá, hay những đồng cỏ khô miền Nam, được gởi qua nơi một quê hương nắng cháy da người, nghìn trùng xa xôi, để tham dự cuộc chiến. Có thể ngày mai nào anh trở về trên chiếc băng ca, trong hòm gỗ, theo chuyến bay, trở về nơi anh sinh ra. Mẹ anh cũng sẽ khóc như những người mẹ Việt Nam đã khóc con mình. Riêng tôi chẳng có mẹ để khóc vì mẹ tôi qua đời khi tôi còn nhỏ.

Tôi đến Biên Hòa một lần năm 1971 vào mùa hè. Tôi từ Bình Dương sau khi thụ huấn một khoá học nhỏ kỹ thuật của trường Công Binh tôi về Tân Mai để thăm Th. Tôi và Th quen nhau từ thuở nhỏ ở Đà Nẵng. Bố nàng người Bắc Công Giáo nên sau khi ông mãn lính, ông đem gia đình vào Tân Mai sinh sống trong những khu tân lập. Tôi với Th chỉ “Hình như là tình yêu” Cô bạn lẳng giềng chưa một lần cầm tay, lớn lên từ thời chiến, chia nhau những cuốn sách đầu đời. Th mê đọc sách. Tôi lần lượt được nàng cho mượn từ những tạp chí Bố nàng mua như Sáng Tạo hay Văn. Tôi làm quen với Doãn Quốc Sĩ, Mai Thảo, Duyên Anh rất sớm và càng lớn hình như tôi thích cô Bắc Kỳ này nhưng chẳng ai nói lời nào cho mãi tới hôm nay, từ ngày chia tay ở Tân Mai.

“Cô hợp thức hoá đời cô bằng những vì sao, làm sao nói hết những sự hoang vắng khi khung trời đã rụng đi những vì sao ngày cũ”

Hình như Th đã mớm cho tôi những lời của nhà văn Doãn Quốc Sĩ. Tôi không nhớ, nhưng tôi biết là chúng tôi sẽ xa nhau trong những ngày cuối tháng Tư năm 1975. Rồi Tân Mai vào buổi trưa ngày 27. Mẹ của Th nhìn tôi thật buồn, bà muốn tôi ở lại với gia đình bà. “Cháu ở đây đi, ngoài kia thật nguy hiểm, hãy ở lại với Th” Và tôi vẫn ra đi, không biết tại sao, khi đôi mắt của Th long lanh như hồ nước.

Vợ tôi nói: “Một ngày nào trở về Biên Hòa em sẽ đi tìm chị Th cho anh” Như cảm giác êm ái an lành khi tôi bước xuống bến xe Biên Hòa vào buổi trưa mùa hè, tiếng ve inh ỏi kêu vang, cái cảm giác thân thương, gọi cho tôi một cái gì riêng biệt, bây giờ tôi mới biết nơi đó là miền quê hương vợ tôi sinh ra đời.

Từ chia tay ở Tân Mai, tôi không hề biết Th giờ ra sao? Cuộc chiến qua đi thật xa. Bao tháng trầm trải xuống cho quê hương cho đời người. Thì thôi, hãy là những lời cầu nguyện bình an cho nhau. Dẫu mai đời có thế nào ?/.

Tháng giêng 2006.

LỮ QUỲNH

Ngày Hòa Bình Đầu Tiên

Đó là một vùng đất hoang. Những ngày chiến tranh còn khốc liệt nó từng trở thành vùng quan sát cho cả hai phía. Bên nào cũng không muốn kẻ địch chiếm nó, nhưng tuyệt nhiên cũng không một bên nào quyết tâm chiếm nó cho bằng được. Cùng một lúc họ chỉ canh chừng, nhòm ngó, và có cảm tưởng như bằng lòng khi thấy nó mãi mãi vẫn là vùng đất hoang không thuộc một sở hữu chủ nào.

Vùng đất trải rộng từ chân núi xuống đến duyên hải với cây không đủ cao, và cỏ thì màu vàng úa nhiều hơn là xanh thẫm. Một vài khu vườn héo úa, những mái nhà đổ loang lổ dấu thủng có lẽ do những lần pháo kích hay oanh tạc trước đây. Cảnh thật hoang vu, tiêu điều, nhưng cũng có đôi lúc nó mang một hình ảnh thật hùng vĩ, như cảnh mặt trời đỏ ối vào những buổi chiều mùa hạ trên đỉnh dãy Trường sơn. Cả một vùng mênh mông lúc đó, tuy không có lấy một dấu vết của con người hiện diện, nhưng lại ngập tràn sinh khí. Nhất là từ ngày cuộc chiến đã giảm hẳn mức độ giao tranh.

Giữa vùng đất hoang đó, một ngày kia bỗng xuất hiện một gia đình, gồm một ông già và đứa cháu trai nhỏ. Họ tiến từ đường cái vào. Lão già với một đôi gánh nặng trĩu còn đứa cháu thì kéo lê bọc hành trang trên mặt cổ. Lúc đó mặt trời bắt đầu đỏ ối trên đỉnh dãy Trường sơn, báo hiệu chẳng còn bao lâu nữa sẽ khuất bên kia núi. Ngày sẽ tắt. Lão già dừng lại, đặt đôi gánh xuống, chờ đứa cháu lại gần. Lão đưa cả cánh tay áo lên chùi trán.

- Nhanh lên mày. Chỉ còn một quãng đường ngắn nữa

thôi, là ông cháu mình có chỗ ngã lưng rồi.

Khi đứa trẻ vượt kịp người ông, hấn cũng ngừng lại buông bọc hành trang trên mặt cỏ. Hấn đưa mắt nhìn quanh vùng đất hoang tàn, nhưng không kém rực rỡ của cảnh ngày sắp tắt. Hấn cố giữ cho hơi thở bình thường trở lại.

- Nơi mà ông cháu mình sắp tới, có giống như con hẻm mà mình vừa rời bỏ sáng nay không, ông nhỉ?

Ông già im lặng, trong ánh mắt không dấu nổi buồn phiền. Có lẽ câu nói của đứa trẻ không làm ông yên tâm. Con hẻm nơi mà hai ông cháu vừa bỏ đi sáng nay, dù sao đối với ông chỉ là một nơi chốn tạm bợ, nhưng với đứa cháu thì cả một phần đời sống của nó, ghi dấu những kỷ niệm đẹp đẽ, khắc sâu những hình ảnh văn minh mà hấn có thể thấy được ở một thành phố. Hấn được sinh ra, và đã không đủ thì giờ để sống và nhớ hết chính nơi chôn nhau cắt rún của hấn, bởi chiến tranh đã vô hình di chuyển họ từ nơi này tới nơi khác một cách lặng lẽ, với không một điều kiện nào dành cho họ. Tuổi thơ của đứa trẻ, do đó là một tuổi thơ rộn rịp với ánh đèn điện, với không khí náo nức của xóm lao động, với những thao thức kiếm sống thường xuyên. Ông già nghĩ, không biết với những thói quen mà đứa cháu đang có ấy, liệu có làm cho hấn cảm thấy khó chịu, khổ sở khi trở về với làng mạc điêu tàn, nhưng là quê hương yêu dấu của họ?

- Chấn chấn là không rồi cháu ạ, ông già nói dịu dàng, nơi chúng ta sắp tới hoàn toàn khác biệt với con hẻm mà chúng ta vừa rời bỏ. Ngay bây giờ cháu có thể bắt đầu nhận ra rồi đây, ở đó sẽ không có cảnh sống chen chúc, không có việc kiếm miếng ăn quá vất vả, không có ánh sáng chói lòa từ trần nhà hay từ cột đèn cao, không có.

Ông già ngừng lại nhìn đăm đăm về cái đích của cuộc hành trình, nơi ánh sáng còn lấp lánh trên màu cây.

- Nhưng ở đó có đầy đủ cả, ông già nói tiếp, ở đó chúng ta có đất đai để không quá bận tâm về cái ăn, chúng ta có sẵn nhà cửa rộng rãi tránh được cảnh sống chen chúc, chúng ta sẽ có gió, có không khí để thở mát mẻ, có trăng có sao thay cho những ngọn đèn chói chang.

Ông già nói như đang trong cơn mê. Đứa trẻ đứng ngẩn ra nghe, nhưng hình như hắn chẳng nghe được gì, hắn đang nhớ thiết tha tới khung cảnh mà hắn vừa phải bỏ.

- Rồi cháu sẽ thấy, ông già nói tiếp, không một nơi chốn nào có thể đẹp và sống dễ chịu bằng chính quê hương mình cả. Cháu còn nhỏ chưa thể hiểu hết đâu, nhưng đời sống hàng ngày sẽ giúp cháu nghiệm ra những điều ông nói. Bây giờ thì phải lên đường thôi, bọc đồ đạc của cháu có nặng không?

Đứa trẻ im lặng. Hắn xốc quần, rồi ném bọc hành trang lên vai. Hai ông cháu im lặng, tiếp tục đi quãng đường còn lại.

Chiều càng xuống, cánh đồng cơ hồ như rộng ra thêm. Cuối chân trời, sương băng lãng giăng, làm cho bầu trời và mặt đất bỗng chìm hút vào nhau không còn phân biệt được. Đứa trẻ quan sát những đám rêu hai bên đường. Cảnh vật tiêu điều quá, làm hắn cảm thấy áy náy.

Mãi nghĩ ngợi mông lung, hắn quên hẳn người đồng hành già nua bên cạnh là ông nội mình lúc đó. Ông già đã bỏ hắn một đoạn đường xa. Đứa trẻ thoáng mỉm cười, rồi vội vàng rảo bước. Lúc đuổi kịp ông già, cũng là lúc hắn nhận ra một vài mái tranh vừa xuất hiện. Hắn chợt cảm thấy khoan khoái khi nghĩ cuộc hành trình sẽ chấm dứt ở đó. Đứa trẻ quên cả mệt, gọi chuyện:

- Nhà đã hiện ra rồi đấy.

Ông già thở hổn hển nhưng cũng gắng nói:

- Ồ, sắp đến nơi rồi.

Câu nói của ông tắt theo hơi thở dốc. Đứa trẻ không chú ý đến sự mệt mỏi của ông, hấn nghĩ tới sự hẻo lánh của thôn xóm trước mặt với những nguy hiểm tưởng như khó tyranh được. Chợt hấn thốt lên trong ý nghĩ hấn phải sung sướng lắm:

- Cũng may là hòa bình rồi.

Ông già nghe hấn lẩm bẩm, quay lui:

- Mà y bảo gì?

Đứa trẻ ngừng lại. Xóm nhà hiện rõ ra với những sợi khói, màu xám của mái tranh, những khung cửa u ám. Hoàng hôn đã buông kín. Ông già ngồi xuống bọc hành lý của đứa cháu vừa thả ra.

- Mà y bảo cái gì mà có hòa bình, hòa bình, khi này đó?

Đứa trẻ mỉm cười như muốn xóa đi những thắc mắc trong đầu ông nội mình. Hấn nói:

- Cháu thấy quê mình có vẻ hẻo lánh quá mà sợ, may kịp nhận ra là đã hòa bình rồi nên cũng yên tâm.

Ông già nhần mũi lại:

- Mà y đúng là thằng con nít. Không hòa bình thì tau điên gì mà mang xác về đây. Chính vì hòa bình rồi, mình mới sướng chứ. Tao tưởng hai tiếng hòa bình chỉ dành riêng cho cái hạng người như ông cháu mình thôi. Bởi chiến tranh hay hòa bình gì, thì bọn thành phố cũng vậy.

Đứa trẻ nghe trong hơi nói của ông nội niềm tin lạ lùng. Làm hấn cũng hớn hở theo. Hấn không còn tự hỏi, đây có giống con hẻm thành phố mà hấn vừa bỏ đi không nữa. Hấn nhận ra ông nội mình có lý, không chỗ nào đẹp và có thể sống yên ổn bằng chính quê hương mình. Quê

hương hai tiếng đó không chỉ là lời nói đầu môi như hần từng nghe, mà là cảm xúc, lòng yêu mến, là ổ rơm ấm áp có thật mà hần vừa cảm nhận rõ ràng.

- Đi ngay thôi ông nội, cháu muốn đến nhà ngay lập tức quá.

Hần hối thúc ông già, trong khi ông đã sẵn sàng bước tới. Căn nhà phải sửa sang ít nhiều mới có thể ở được. Mấy ngày đầu hai ông cháu hết sức bận rộn với công việc. Ít người về trước trong làng đã đến thămviếng vui vẻ giúp họ một tay. Khi căn nhà đã được sửa sang xong ông già bảo đứa trẻ:

- Tao biết rồi mày sẽ thích chỗ ở mới mà. Một trăm phố xá cũng không bằng dăm ba chiếc nhà lá này. Mày thấy đó, còn ở đâu có sự tương trợ bằng ở đây, không gì bằng tình làng nước cả.

Đứa trẻ không nói gì. Hần cũng chẳng thấy gì trục trặc trong đời sống này cả. Hần thấy sau những nếp nhăn trên khuôn mặt của ông nội là niềm hy vọng trù mến hết sức tươi trẻ. Hần nhận thấy hình như ông khỏe ra. Làm việc không biết mệt, lại có vẻ yêu thích công việc nữa.

- Hòa bình nghĩ cũng sướng thiệt. Đêm ngủ không khỏi sợ đại bác rớt trên mái nhà, khỏi lo con cháu chết sùng chết đạn chỉ tiếc cho mấy chú mày.

Ông già thở dài. Đứa trẻ hiểu câu nói lửng lơ đó của ông nội. Hần im lặng. Hần nhớ đây mấy hôm, ngay sau khi về tới, hai ông cháu đã dẫn nhau ra cái nghĩa trang xa út để tìm thăm mấy nấm mồ. Tìm mãi vẫn không ra. Cỏ ngập cao vàng cháy. Lũn thối một lúc, hai ông cháu lại kéo nhau về.

- Thôi để hôm nào ra thăm lại. Cỏ rác mọc kiểu này đi

không khéo đâm mình chết mất.

Đứa trẻ nghe ông nội nói có lý. Hấn gộp chuyện:

- Đúng đấy ông ạ, hòa bình rồi mà chết lảng nhách kiểu đó thì thật đáng tiếc.

Ngày đầu tiên khi về tới nhà, ông già sửa soạn lại bàn thờ cho mấy đứa con. Đứa trẻ được ông nội sai chùi lại mấy khung kính hoen bẩn trong đó đã lồng sẵn những tấm ảnh nước thuốc đã vàng khè. Hấn nhìn vào một tấm ảnh còn rất trẻ với mái tóc bông thật đẹp, hỏi:

- Có phải chú Toàn đây không, ông nội?

Ông già nhíu mày nhìn vào tấm ảnh đứa cháu giờ ra:

- Không phải, đó là thằng Sính, à chú Sính mày. Thằng này chết trên đồi Mai Xuân Thuồng. Lúc đó tụi Pháp phục kích sẵn ở bìa rừng, đợi chú mày lót thót nhảy về là a lê hấp. Tao điên lên vì cái chết đó mà không dám nhỏ một giọt nước mắt, bà nội mày thì chỉ khóc ban đêm, ăn rồi chỉ chờ tối xuống là khóc cho thỏa.

Đứa trẻ khó nhọc khi tưởng tượng ra cảnh chết chóc đó, nhất là hình ảnh những người Pháp. Hấn nhìn xuống tấm hình cầm trên tay rồi ngẩng lên:

- Thế còn chú Toàn?

- Chú Toàn mày còn nhỏ, mới chết đâu bảy tám năm nay. Chú mày đi quân dịch bị giết lúc họ tràn vào cái đồn gì ở giáp ranh Bồng Sơn đó. Hy sinh vì tổ quốc! Chỉ có tao là thằng nào cũng còn thơ dại cả. Tụi nó hiền tưởng không giết nổi một con chuột. Thế mà rồi cũng lính trắng.

Hôm đó đứa trẻ nghe lòng xót như xát muối, khi nhìn ông nội già nua đứng lên quì xuống, sùm sụp lạy những người trẻ tuổi trên bàn thờ. Cái cảnh tượng trông đến ứa nước mắt.

Tuy nhiên những cảm xúc tưởng quá buồn bã đó rồi cũng phai nhòa đi trong lòng họ, khi cuộc sống thực tế bắt họ phải quay về với những công việc phải làm. Họ bắt đầu khởi công vun xới lại mảnh vườn. Chắc chắn là nó phải xanh um trước mùa xuân năm nay. Bây giờ trồng những gì? Ông già nghĩ tới một vườn cải bẹ xanh, với ít chậu sồi. Chà, làm sao mà chèn cho được vài cành sồi thì tuyệt. Trong khi đó đứa trẻ chẳng tha thiết gì tới việc trồng trọt. Hẳn chỉ mơ ước có mỗi đàn gà. Hẳn thích nuôi súc vật, và ít ra như thế hẳn cũng có bạn để chơi cho hết ngày.

- Cháu muốn nuôi một bầy gà, ông có thể kiếm cho cháu những chú gà con trong lúc này không?

- Được quá chứ, một bầy gà con, thật quá dễ dàng. Ông già hăng hái nói.

- Thế là mùa xuân năm nay, chúng ta sẽ có thịt để ăn. Còn ông, ông định làm gì với khu vườn ngập cỏ kia?

Đứa trẻ bỗng lớn lên hẳn bởi hy vọng mà không biết, hẳn hỏi ông nội giọng không kém hăng say.

Ông già nhìn ra khung cửa. Khu vườn nhỏ quá, nhỏ bằng bàn tay, như lời ông vẫn thường nói, đang rậm rạp những cỏ với rác.

- Với miếng đất nhỏ như bàn tay này, tau biến thành khu vườn tốt mấy hồi. Tau sẽ trồng cải bẹ. Cải bẹ mau xanh lắm, mà bán được tiền nữa. Cái đó cũng còn dễ quá. Cái tau đang nghĩ tới lúc này là làm cách nào để chèn cho được vài cành sồi ấy. Ba ngày Tết có chén trà ướp hoa sồi uống thì tuyệt. Tau nhớ hồi còn mẹ nội mày, bụi sồi trước nhà hoa nở trắng vậy đó. Bây giờ hòa bình rồi thì chẳng bao lâu mình cũng sống trở lại cuộc đời cũ.

Ngày hôm sau, hai ông cháu ra sức dọn dẹp cỏ rác. Với

mấy chiếc cuốc con, với tấm lòng tha thiết tạo dựng một đời sống như thuở thanh bình xa xưa nào, mà bây giờ họ tin tưởng đang được sống lại, họ đã biến đám đất hoang tàn trở thành khu vườn màu mỡ trong thời gian quá ngắn. Những cơn mưa nhẹ đầu mùa đông đã giúp cho cải chong xanh, và nhánh sồi cần cỗi vàng úa đã thay lá dễ dàng. Ông già cảm thấy yên ổn lắm. Đức trẻ thì náo nức, nghĩ tới mùa xuân năm nay khi bầy gà của hắn đã lớn lên. Chắc chắn là hắn không bị cấm đoán đốt pháo như mùa xuân năm nào ở thành phố. Vì ở đây hẻo lánh, hơn nữa cũng đã hòa bình rồi.

Chỉ còn tháng nữa Tết đến. Trong sự chờ đợi của hai tâm hồn, một già một trẻ, về một mùa xuân xanh mướt như màu cải bẹ, thơm ngát như mùi hoa sồi trong chén trà đầu năm, có một điều họ không nghĩ tới, không chờ đợi, nhưng đã xảy ra: Những viên đại bác bắt đầu rơi xuống xung quanh họ

TRẦN HOÀI THU

Mùa Hạn

Mùa hạn. Cùng với lửa từ mặt trời là lửa chiến trường. Và chúng tôi cũng theo những màn lửa khói ấy mà có mặt. Và ở đó, sự hiểm nguy không phân biệt bất cứ một ai, dù kẻ ấy có súng đạn hay không súng đạn như chúng tôi. Con đường ra mặt trận không còn được xữ dụng được nữa, khiến chúng tôi càng cực khổ vô bờ. Những thân người bị những thùng đạn dưng làm oằn xuống. Hai bàn tay tươm máu. Những ngón chân cũng vậy. Phải bấu vào đất đá để giữ thăng bằng. Nếu không cả khối đạn trên người sẽ rớt xuống và có thể đè chặn ngay ống quyển cũng không chừng. Chúng tôi phải dùng đòn gánh, đòn bẩy để di chuyển những thùng lựu đạn, thùng dầu, cả những thùng hộp lương khô cho chiến trường. Và cả công việc phải chuyển những can nước để mang về Bộ chỉ huy cho ông tiểu đoàn trưởng tắm rửa.

Mùa hạn. Cái đơn vị trường giới càng khổ hơn bao giờ. Bên phía quân miền Nam, càng bung ra những cuộc hành quân càn quét vào phía sâu gần biên giới, và càng hành quân, chúng tôi càng bị trưng dụng nhiều hơn. Có đơn vị, đơn vị trưởng dễ dãi và thông cảm. Nhưng có đơn vị, họ xem chúng tôi là những kẻ tội tù cần phải canh chừng. Và họ đã xữ dụng chúng tôi tối đa như thể những tên nô lệ không hơn không kém.

Rồi đến một ngày, người ta lại điều động chúng tôi về

một thị xã miền núi. Lý do, người ta cần chúng tôi săn sóc cái dinh thự nghỉ mát - nơi những nhân vật uy thế nhất của quốc gia hay của vùng vẫn hay tìm đến, trong những dịp nghỉ hè, hay trong những mùa săn bắn.

Mùa hạn. Nhưng ở đây không có lửa chiến tranh. Chỉ có lửa từ một mặt trời hừng hực đốt. Hầu như không có một ngọn cây nào chịu mọc lên từ mặt đất khô cằn nứt nẻ. Thỉnh thoảng có một cơn gió núi thổi qua, khiến bụi đỏ tung lên mù trời quất xối xả vào mặt mày chúng tôi cùng với hơi nóng rát. Cỏ đã chết từ một ngày nào, vàng khô như bãi sa mạc. Nhưng ở đây, đằng sau cánh cổng sắt và dãy tường vôi nhạt là một thế giới khác. Ở đây, nơi những ngòi lãnh đạo, những mệnh phụ phu nhân, thỉnh thoảng ghé về, và sống như bậc vương giả. Ở đây sân cỏ xanh rì, hồ thủy tạ nước trong veo, và đàn cá vàng óng ánh lợi. Ở đây là những buổi tiếp tân linh đình, những cuộc vui, khiêu vũ thâu đêm suốt sáng... Ở đây có phi lao, giáng hương, hoa sứ, hoa giấy. Ở đây là những bậc thềm lát bằng đá thanh dẫn về một hành lang mát lạnh. Những chú chim sẻ buổi trưa đuổi nhau ríu rít dưới hành lang. Ở đây là những căn phòng đầy đủ tiện nghi, những vách tường được trang hoàng bởi những bộ da thú. Và phía sau có cả một bãi trượt tuyết đáp... Người ta đã quên những gì xảy ra ở phía rừng. Đã có những lực lượng hùng hậu nằm ngoài vòng đai bảo vệ đêm ngày.

Dù chúng tôi đã khổ sở để tưới nước suốt ngày nhưng thỉnh thoảng giữa đám cỏ xanh rì vẫn hiện ra những lốm đốm vàng. Nước cũng vẫn chịu thua. Chúng tôi đã phải làm việc quần quật để cố giữ màu xanh trở lại. Chúng tôi đã chuyển những ống dây cao su dài dặc, mang nước từ

bồn ra bốn phía. Đôi khi ống cao su bị hỏng, chúng tôi không biết cách gì hơn là phải gánh những thùng nước đi một đoạn khá xa. Người ta không muốn thấy một ngọn cỏ vàng giữa một dinh điện nguy nga như thế này. Óc mỹ thuật của họ quả thật là phong phú. Hay là họ muốn tăng công trạng lên những kẻ quyền cao chức trọng từ đâu đó.

Bởi thế ông thượng sĩ phụ trách đã lo lắng không ít. Ông đã phải hét ra lửa, một khi đi kiểm soát:

- Làm ăn cái khỉ gì để cho cỏ mỗi ngày một chết!

Bạn tôi vừa kéo ống cao su, vừa bào chữa:

- Thừa thượng sĩ, tại trời đâu phải tại chúng tôi.

Ông ta la lên:

- Tôi không biết. Đây là trách nhiệm của các ông. Các ông nên nhớ các ông ở đây là còn may. Bạn các ông phải tải đạn ngoài mặt trận!

Rồi ông tức giận bỏ đi. Ông lại đem ra chuyện sống chết để hù dọa chúng tôi nữa. Chúng tôi đã hiểu trách nhiệm và nỗi khổ tâm của ông.

Hoàng hôn đã xuống thật chậm. Dinh thự đã nhuộm một màu vàng sẫm trên mái ngói. Lũ chim sáo từ một khu rừng nào đó trở về như mọi bận, gọi nhau inh ỏi. Thỉnh thoảng tiếng ve sầu lại vang lên như một cung đàn buồn bã. Các cây sứ đã rụng đầy hoa trên bãi cỏ, trên lối đi lót bằng loại đá quý. Phía xa, một nền trời đỏ ửng và một mặt trời đỏ như huyết hiện đằng sau những nhánh phượng khô. Thật là một hoàng hôn kỳ diệu. Những cơn gió mát đầu tiên của một mùa hạ đã bắt đầu trở lại, làm lung lay những chiếc lá giáng hương. Ở chóp những cây trâm đang độ nở hoa, bướm vàng từng đàn đang dập dề

bay lượn. Tôi muốn chết ngất trong thiên nhiên tuyệt vời. Tôi muốn nằm ngay trên bãi cỏ xanh êm mà chúng tôi đã đổ xuống bao mồ hôi để gìn giữ, mà nhắm mắt lại, tận hưởng nỗi êm đềm của chiếc bánh xe thời gian đang dần lăn vào cõi tối. Tôi muốn uống trọn những giàn hoa giấy, hoa hồng, hoa sứ trong vườn. Chúng tôi đã bắt từng con sâu, con kiến, nhỏ từng cọng cỏ dại... Nhưng tôi không thể thực hiện điều mơ ước. Không ai cho tôi được quyền nằm đây để tận hưởng. Tôi chỉ biết ngồi yên trên cỏ, dưới bóng mát của cây giáng hương. Trên cao bầu trời xanh như màu ngọc bích. Có tiếng chim riu rít trên cành. Ở đây mọi sự thật bình an. Và tâm hồn tôi cũng vậy. Cũng yên tĩnh chẳng khác một thiền sư.

Giữa lúc ấy thì một người con gái từ trong dinh bước ra. Nàng trẻ trung trong chiếc quần jean và chiếc áo polo màu huyết dụ. Tóc nàng thắt bím. Cả gương mặt nàng thật rạng rỡ. Thêm đôi mắt sáng. Nàng đến bên bụi hồng cao quá đầu người. Và nàng say sưa nhìn lên những cánh hoa sung mãn trên ngọn cao. Sau đó, nàng nhón chân để níu cành hồng xuống. Rồi tôi nghe nàng la lên, tuồng như hét lên vì đau đớn. Tôi chạy lại. Thì ra vì sơ ý cả một cành hồng đầy gai móc vào da thịt của nàng. Nàng vẫn còn ôm lấy bàn tay rỉ máu.

Ồi cánh tay ngà ngọc. Cổ tay trắng, và những ngón tay mềm mại. Tôi nâng cả bàn tay của nàng lên, cố gỡ những chiếc gai nhỏ còn vướng lại trên da. Nàng ngồi bệt xuống cỏ. Tôi cũng quì xuống. Nàng để nguyên bàn tay trong lòng bàn tay tôi, miệng meo meo:

- Có sao không ông?

- Không sao đâu, thưa cô.

- Nhưng sao lại nhức quá thưa ông?

Tôi an ủi nàng:

- Chịu một lúc rồi sẽ hết. Lần sau, cô cần thì kêu tôi, tôi hái giúp cho... Hồng này nhiều gai lắm, thưa cô.

Trông nàng tội nghiệp làm sao. Nàng nắm chặt tay tôi, Nước mắt xem chừng long lanh. Tôi quì xuống cố gỡ những móc gai tàn bạo. Vâng, em đau, tôi biết. Gai hồng này là loại gai nguy hiểm. Móc như móc câu. Khi móc vào da thịt thì khó có thể cạy ra.

Sau đó, nàng cảm ơn tôi, rồi vào dinh. Còn tôi, nhìn theo nàng. Những ngón tay của tôi đã dính máu của nàng. Không hiểu sao tôi đưa lên miệng mà mút mà liếm. Máu vẫn còn tươi. Mẩn mẩn. Tôi nếm và nghĩ là mình đang nếm vào chất vị của hạnh phúc. Tôi bỗng nhiên cảm ơn định mệnh. Cảm ơn những ngày khổ nhục. Cảm ơn mùa hè. Cảm ơn bụi hoa hồng sum sê cao ngất. Tất cả đã cho tôi một cơ duyên, dù chỉ là một khoảnh khắc của đời.

Có tiếng giục của tên trưởng toán chuẩn bị về lại doanh trại. Một ngày như mọi ngày. Rồi hàng rào dây kẽm gai lại vây bọc. Rồi giờ cơm, toán trực lãnh phần từ hỏa đầu vụ. Khi thì com nhão, khi thì cơm khô. Những con cá mỗi trường kỳ. Rồi một ngọn đèn nhỏ soi mờ. Rồi ngày nắng lửa vì mái tôn, nhưng càng về đêm thì lạnh cóng vì hơi đất, khí núi, và cũng từ mái tôn thấp ấy. Đó là cái thế giới mà người ta gọi là trại trường giới thả lỏng. Vâng, chúng tôi đang trở thành những con vật người đây, trả nợ cho quân đội đây, các người hủ dạ chưa.

Kể từ ngày ấy, tôi có dịp được hái thêm những cánh hoa

hồng khác. Nàng yêu hoa ghê gớm. Và tôi đã cố lựa những cánh hoa đẹp nhất, tươi thắm nhất để hái cho nàng. Đôi khi gai nhọn làm xước da thịt tôi, nhưng đâu có hề gì. Bên tôi nàng huyền thuyên như con chim sáo, hỏi han đủ chuyện:

- Ông làm ở đây lâu chưa hở ông?

- Vâng. Bắt đầu từ mùa hè...

- Xin lỗi ông, em thấy sau lưng ông chữ LCĐB. Chữ gì thế. Tại sao ông lại mang như thế?

- Là Lao công đào binh.

- Lao công đào binh là gì hở ông ?

Tôi im lặng. Phải nói làm sao về một sự thật. Có nên đưa nàng xem những vết sẹo đã cày trên da thịt tôi. Có nên nói với nàng về một huy chương Mỹ, hai cái bạc, hai cái đồng và hai chiến thương mà một thiếu úy đã có trên mặt trận?. Có nên nói về những người như bố mẹ và ngay cả nàng nữa lúc này đang có bao nhiêu người lính hầu hạ, ngay cả việc bắt chúng tôi phải khổ cực trong dinh thự nguy nga, sang trọng này, là một trong trăm ngàn cảnh bất công bất nhẫn mà bất cứ người lính nào có suy nghĩ cũng phải phẫn nộ.

- Xin lỗi đã làm ông buồn. Ông cần em giúp gì không. Em sẽ nói với bố em...Bố thương em lắm.

Tôi cảm động. Nhưng tôi phải thú thật. Tôi đã chọn quyết định và phải chấp nhận quyết định. Tôi luôn luôn ngưỡng đầu trong mọi hoàn cảnh. Tôi bắt qua chuyện khác:

- Tôi đoán cô lên vùng này để nghỉ hè?

- Vâng. Ba tháng hè.

- Chắc cô nhớ Sài Gòn lắm phải không?

- Vâng, nhớ lắm, thưa ông. Dưới đó em có rất nhiều bạn.

Chẳng bù trên này, chỉ một mình. Bố mẹ em lại bắt em lên đây ba tháng hè. Chán ơi là chán...

- Xin lỗi, cô học lớp mấy?

- Lớp 11.

- Ban nào?

- Ban B.

- Ngày xưa tôi cũng từng dạy lớp 11. Tôi dạy về Toán Lý Hóa.

- Thế ư? Em rất dốt Toán. Ông giúp dùm em nhé.

- Lâu quá, tôi quên rồi. Tuy nhiên tôi sẽ gắng. Cô cứ đưa đề cho tôi, tối về trại tôi sẽ giải hộ cho.

Rồi một ngày tôi được lệnh trình diện viên thiếu úy tùy viên của bà vợ ông Tư Lệnh. Hắn ta nhìn tôi bằng cái nhìn kẻ cả. Tôi hiểu, dù cấp bậc thấp, nhưng cái chức tùy viên của hắn đã làm chức vụ hắn còn cao hơn cả những sĩ quan cao cấp khác. Có lẽ hắn nghĩ là hắn sắp ban cho tôi một ân huệ. Tôi sẽ phải chào tay hắn, hay phải đứng nghiêm trình diện. Còn khuya. Tôi khinh hắn thì đúng hơn. Cái con người chỉ biết xách bị và xách dép cho những phu nhân.

- Văn phòng Tổng Quản Trị cho chúng tôi biết là anh có cử nhân Toán, nguyên gốc giáo sư. Ông bà Tư lệnh cần một người kèm trẻ. Anh có thể ở ngay tại tư dinh, khỏi về trại nữa. Lát nữa ban quân trang sẽ đem đến bộ quần áo khác để anh thay. Anh khỏi mặc chiếc áo này.

Rõ ràng, hắn coi 4 chữ LCĐB sơn đen trên lưng áo của tôi như là một dấu hiệu của ô nhục. Tôi nhìn thẳng vào mắt hắn:.

- Tư lệnh ra lệnh tôi dạy thì tôi dạy. Nhưng tôi không thể ở nơi này được. Tôi phải về lại trại. Tôi phải trả nợ

những gì mà người ta bắt tôi phải trả. Nhờ thiếu úy trình lại với tư lệnh.

Tôi trả lời dứt khoát.

Phải. Tôi phải về với họ. Về với những bếp lửa hằng đêm mà chúng tôi đã đốt lên, và tiếng hát buồn buồn, những đôi mắt nhắm lại, những râu tóc rối bù, những chiếc áo ngày càng dày vì mồ hôi khổ nhục, những tiếng mơ, và đôi khi ánh trăng lọt vào trại trường giới, xanh và rất sáng như tấm đầy nền..., đến cả những đống lá khô mỗi sáng chúng tôi đốt lên, để chúng tôi càng ngồi lại gần hơn. Về cùng với cội tam tối lắm than mà chia nhau ngọn lửa, dù là ngọn lửa đốt lên từ thùng dầu hay đống lá khô. Về để chia chác với nhau nỗi ô nhục hay niềm hạnh diện thâm kín, vì họ đã dám thách đố cùng cái định mệnh của tuổi trẻ. Họ đã dám vượt ra khỏi cái móng vuốt sắc bén của bấy điều hâu.

Vâng, phải cảm ơn em, cảm ơn lòng từ tâm của một người con gái. Tôi biết chỉ cần nói một tiếng với em là tức khắc bộ đồ ô nhục này sẽ được vất đi, và tôi sẽ thành một người khác. Cấp bậc sẽ được phục hồi. Một chỗ tốt tại hậu cứ. Khởi đi tác chiến. Vâng, tôi biết thế. Nhưng tôi không thể...

Và cuối cùng, người ta cũng chịu tôi. Có nghĩa là mỗi ngày từ 9 đến 11 giờ tôi đến dinh để dạy 2 người con của viên Tư lệnh. Đó là hai chị em. Hoàng Hương là chị. Và cô em, Hoàng Thúy, mới 10 tuổi. Con bé này khác với tánh chị, là một con bé rất bướng bỉnh, khó dạy. Có lẽ bởi ông bà Tướng quá nuông chiều nó. Hay cũng có lẽ là trong đầu óc thơ ngây của nó, nó chỉ thấy cái thế giới

đầy quyền uy của bố. Tôi phải gắng nuốt nước bọt, lẫn cả cay đắng để nuốt ve, chiều chuộng hầu cho nó vui mà học. Một ngày nó đang ngồi trong phòng học, chợt nó kêu lên: Thầy ơi, có tổ chim, có chim con trên cây kia. Rồi nó chỉ cho tôi xem một tổ chim trên chóp cây giáng hương ngoài sân. Tôi không thể ngờ sau đó, nó lên ra ngoài, kêu ông trung sĩ quản gia trèo lên để mang những con chim con xuống cho nó. Sở dĩ tôi phải dài dòng ở đây, để nói về một trong những sự thật đau lòng mà tôi biết. Tôi bất mãn khi nhìn ông trung sĩ già trèo lên chóp cây. Ông đã phải làm vừa lòng một con bé. Không. Ông tuân lệnh cũng nên. Lệnh ông Tư lệnh. Lệnh bà Tư lệnh. Và lệnh tùy viên. Lệnh con cái ông Tư lệnh. Cũng như tôi đây. Tôi cũng đang tuân lệnh. Không ai dám cãi lại, chống lại. Còn nữa. Tôi cũng đã chứng kiến cảnh những ngài sĩ quan cao cấp, những ngài tỉnh trưởng, hay chỉ huy trưởng khúm núm, lưng khom đến tội tình khi họ vào dinh, những ngài mà tôi cứ nghĩ là oai phong lẫm liệt, hét ra lửa ở ngoài hàng quân.

May mà tôi có Hoàng Hương. Người học trò mà mỗi ngày tôi càng khám phá thêm một nỗi rung động mới. Ở mái tóc xỏa xuống bờ vai thon mềm. Ở những sợi tóc mây phơ phất trên vầng trán thơm. Ở đôi má ửng hồng, đôi mắt đen lay láy. Ở vẻ suy nghĩ tội tình khi nàng cố giải một bài toán. Ở cây viết chì mà nàng cắn giữa hai hàm răng trắng như hạt lựu. Ở những hình chữ nhật hình tròn tam giác cân tam giác đều tam giác vuông vô tri mà nàng vẽ ra trên trang giấy. Ở mỗi lần nàng nhìn ra ngoài sân nắng, không biết nàng mơ mộng gì ngoài kia để tôi phải nhỏ nhẹ kêu nàng trở lại cùng trang sách học.

Tôi thâm kín nhìn từng sợi lông măng, từng sợi lông mày, cái lúm đồng tiền của nàng. Hai giờ cho mỗi ngày, trừ ngày chủ nhật. Tôi ra đề. Tôi bắt nàng đọc lớn. Đọc đi đọc lại cả chục lần. Nàng đọc, nhưng cuối cùng nàng lắc đầu nói: Em không biết giải làm sao. Thầy giải cho em đi. Tôi cười: Nếu tôi giải thì em cần gì phải học nữa.

Đôi khi con bé Hoàng Thúy lên ra ngoài, và căn phòng chỉ còn lại tôi và Hoàng Hương. Lúc ấy, nàng kể lại những ngày vui ở Sài Gòn. Nàng không biết gì về những gì xảy ra ở phía rừng, mặc dù bố nàng là kẻ ở trong cuộc. Nàng say mê nói về những đứa bạn, về ngôi trường đầm, về vĩa hè Lê Lợi, Nguyễn Huệ và những ly kem... Có khi nàng lại nói về những đứa con trai con cháu của những ông bộ trưởng hay tướng lãnh nổi tiếng trong những buổi dạ hội, hay đua đòi cùng những chiếc xe mới. Tôi thì nghe, và tự biết mình đứng ở ngoài thế giới ấy. Rõ ràng, chiến tranh đồng nghĩa với tội ác, với máu và nước mắt, với tai ương, nhưng nó cũng mang đến cho một số người những lợi nhuận, những đặc quyền đặc lợi mà trong thời bình chắc họ không thể có. Hoàng Hương, em phải cảm ơn chiến tranh. Tôi muốn nói như thế. Nhưng tôi không thể nói. Nàng sẽ không bao giờ hiểu đâu. Tôi chỉ yên lặng nhìn lên gương mặt xinh đẹp và yêu đời. Tôi biết tôi đang níu kéo lại những giờ phút êm đềm hôm nay. Hãy sống cho một giờ. Và hãy chết cho một giờ.

Tôi thật sự sợ mùa hè sẽ chấm dứt.

Cuối cùng thì mùa hè cũng chấm dứt. Và cuối cùng, người con gái cũng từ biệt tôi không một lời từ giả. Ngày cuối, tên tùy viên gặp tôi trao phong bì. Hắn nói: Đây là quà của bà Tư lệnh. Tôi nhận, biết chắc là những tờ giấy

bạc mà người ta thường công. Nhưng cố sao tâm hồn tôi lại rưng rưng. Một cánh chim đã bay trở lại đồng bằng, và còn lại một cây rừng hiu quạnh cùng những cơn gió núi. Tự nhiên lại nhớ đến lời ca dao: Đoạn trường nước chảy qua cầu. Gặp nhau sông núi trở màu đắng cay...

Ngoài sân, những bụi hoa hồng rực thắm. Vài cánh hoa vươn cao, bùng rộ một màu huyết dụ...Tôi biết là nàng sẽ thích. Nhưng nàng đã xa. Làm sao tôi gửi nụ hoa hồng về phương trời dưới ấy?

oOo

Mùa hạn. Lửa càng ngày càng vây bủa thị trấn. Lửa theo đồng cỏ khô cháy nhanh, hung hãn như những trận sóng thần. Và lửa cũng theo những đầu đạn hoả tiễn, hay trọng pháo vô chụp xuống thị xã, đào thành những hố sâu, chạm vào kho xăng, dầu, bắt cháy bùng bùng. Cùng với lửa là sấm nổ. Những chớp lửa sáng loé ở bốn bề, càng lúc càng vây sát thị xã hơn bao giờ. Và người ta bỏ chạy. Người ta đào thoát. Trong khi ấy, lửa đã làm chúng tôi hồi phục lại cấp bậc nhanh chóng. Họ phát súng phát đạn, ra lệnh đơn vị trưởng giới chúng tôi làm tuyến cản ở phi trường.

A ha. Họ cần những kẻ mà họ xem là hèn nhát, sợ chết !

Lâu lắm tôi mới có dịp cầm lại khẩu súng. Những người bạn tôi cũng vậy. Thăng Tính thâm niên hơn tôi được cử làm đại đội trưởng. Và tôi là đại đội phó. Quân số 76 người. Quần áo được lấy từ kho quân trang chưa sửa lại nên đa số mang rộng thùng thình. Những thùng lựu đạn, những ống phóng M72 được lấy ra từ kho vũ khí.. Rõ

ràng, người ta đã dùng chúng tôi làm cái khiên. Dùng xác thân của chúng tôi để đỡ những tầm pháo và hỏa tiễn.

Còn chúng tôi. Nên mừng là người ta đã khoan hồng hay nên phần nộ vì lại thêm một lần bị mang ra làm những con vật thí.

Bây giờ họ ở đâu hết rồi ? Những kẻ trong dinh thự nguy nga kia, họ đang ở đâu. Sao im ắng như cõi tha ma thế này.

Đoàn xe chở đơn vị trường giới về phi trường lúc xế trưa. Chúng tôi chia nhau đào công sự và đặt mìn chống chiến xa, thêm những thùng xăng được phủ đất hay lá cây. Nếu mìn phát nổ sẽ kéo theo lửa từ can xăng. Chỉ có cách đó mới ngăn cản vết xích tàn bạo của tăng địch. Những đứa con mà mới hôm qua ô nhục với 4 chữ LCDB, nay trở thành những kẻ tử thủ để nhìn những chiếc phi cơ cuồng cuồng rời khỏi phi đạo.

Mùa hạn. Lửa. ở đâu cũng thấy lửa. Càng bỏ chạy, lửa càng hung hãn reo mừng, đùa rồn đuổi bắt. Mùa hạn hiếm gió, nhưng thật nhiều lửa. Và lửa đã đuổi em, đuổi tôi, đuổi mọi người chạy đến sức cùng lực tận. Bởi vì bão lửa đã nổi dậy cùng khắp. Thôi hết rồi một thời để mộng mị. Thôi hết rồi những bụi hồng hôm nào nở rực rỡ, và em cũng vậy, cũng rực thắm bên hoa. Lửa đã cháy cả mái nhà dinh thự, lửa đã thiêu rụi tư dinh, lửa đã đuổi em chân trần, chạy trên những động cát nóng bỏng, phỏng cả gót mềm. Tôi thấy em đẩy xe ba bánh, em con ông tướng, áo vá vai, căn chòi lá làm nơi dung thân, nước mắt cũng theo mùa hạn mà khô trên hai hồ lệ. Tôi rưng rưng

khi biết rằng em tối khuya mệt lả bị những cơn đau bầm khiến em không ngủ được. Em gào khan, tiếng gào khan cổ nhưng xé cả tim tôi

Em khổ lắm phải không. Và tôi cũng vậy. Tôi uống nước vũng trâu, nước bùn đất. Tôi thay trâu kéo cày, tôi kiệt lực gánh những thùng nước về tưới cho những ngọn mạ như ngày xưa tôi cũng đã từng gánh những thùng nước cho viên tiểu đoàn trưởng tắm.. Mùa hạn. Tôi nói với lòng, tôi thương em biết mấy. Muốn cứu em, em ơi.

Chúng ta vẫn có một nơi trồng thật nhiều hoa hồng và tôi sẽ hái cho em những bông hồng tươi đẹp nhất, rực rỡ nhất.

Phải. em ơi, chẳng lẽ cuối cùng trời lại không đổ xuống một cơn mưa ân sủng ?

KHOA HỮU

Nằm Bệnh

thân ta bạo bệnh từng giờ
áo quan quách tưởng huyết chờ đợi chôn
ngực ta nhiệt độ chiều hôm
máu ta trăm sợi nổi cồn gân xanh
sống còn hơi thở mong manh
cơn mê thổ huyết nồng tanh kiếp người.

Ngôi Bệnh

Đêm ối thuộc một mảnh da
mềm chưa, để đắp mặt ta tật nguyên
trang giấy lệch dòng chữa nghiêng
câu thơ tàn phế bút nghiêng thẳng khờ
chết đi sống lại bao giờ
đời ta cỏ bụi lau bờ đã yên...

NGUYỄN CÁT ĐÔNG

Tháng tư, nhớ Sài Gòn

Từ cơn bão dữ Tháng Tư
Đau thương mọc giữa âm u Sài Gòn
Người ra biển, kẻ lên non,
Làm thân chim cuốc mỗi mòn xứ xa
Từ quê người, nhớ quê ta
Từ muôn dặm, nhớ xót xa Sài Gòn

Nhớ niềm vui, nhớ nỗi buồn
Nhớ người cô phụ giữa đường phố xưa
Sài Gòn nắng sớm, mưa trưa
Nhớ em đầu dải nắng mưa Sài Gòn
Nhớ người dạ sắt lòng son
Cánh hoa nở giữa Sài Gòn đổi tên

Tháng Tư đất ngã, trời nghiêng
Sài Gòn vẫn một cõi riêng Sài Gòn

NGUYỄN ĐỨC NHƠN

Luật Bù Trừ

Bốn mùa xuân hạ thu đông
Nối đuôi nhau vẽ một vòng hiền khô
Một nghìn năm đội gió mưa
Mà sao vẫn thấy mình chưa hề già

Tuổi mình cộng với tuổi ta
Dường như thêm được gần ba bốn ngày!
Bây giờ ngồi lại chốn này
Lắng nghe bày trẻ tỏ bày ruột gan:

*-Lời em không mật, không đường
Mà sao nó ngọt lạ thường em ơi!
Bỗng dưng ta thấy bồi hồi
Hình như có kẻ đang cười sau lưng!*

Bày trò áo mào xên xoang
Một ngàn năm ắt vẫn còn...khư... khư...!
Thì ra cái luật bù trừ
Đứa sinh, đứa tử, còn dư...một thằng!

Cho nên cứ mãi lằng nhằng
Thôi thì thêm tớ cho bằng một trăm
Chơi trò dâu bể trăm năm
Bù qua sót lại lại chưa bằng...một em!...

Tại vì em rán để thêm...!

Dallas, 5-2006

ĐẠM THẠCH

Miết trong Ngày Về

Từ em mấy đợt phù trầm
Tôi ngồi lục soạn những năm tháng dài
Hồi em tóc tẽ làm hai
Còn tôi ba bảy đã cay đắng rồi
Theo em như nhái như mỗi
Tưởng đau tiếng phập, tưởng mỗi rị sâu
Tưởng tôi hồn vía đâu đâu
Tưởng em đã dính. Bỗng đau điếng cần
Thôi em từ đó những lần
Nỗi đau cũng đã đến gần gửi tôi

Mé bờ con nước nổi trôi
Mà đau đã liếm cuối đời hoàng hôn
Như cây còn đứng héo hon
Nhìn tôi như lá rơi mòn tháng năm
Mù em còn mãi xa xăm
Mù tôi đỏ mắt chờ tắm tích người
Liệu em bến đục cuộc đời
Liệu chừng tôi cũng pha phôi tấm lòng?
Xót xa câu hỏi bỏ không...
Xót xa rồi cũng miết trông người về.

KIỀU MỘNG HÀ

Túi Ta Bà

Mùa Xuân đến
Mùa Xuân đi
Chỉ ta hiện diện
ngồi lì cõi không

Trời cao đất rộng mệnh nông
Còn ta con kiến
lòng vòng miệng chai

Mây là mây
ta là ai ?
Bản lai diên mục
tìm hoài chưa ra

Hành trình một chuyến đi xa
Quảng. Buông.
Sao túi ta bà còn mang
Desoto, May 5-2006

TRẦN CHẤN HÒA

Một Đời Tình Nghĩa

(tặng Trần Bang Thạch & Căn nhà trên đường Bush)

Còn nhớ không em căn nhà ngày đó
Nơi quê ta khốn khó một thời
Có tiếng lá reo hàng me trong gió
Và tiếng ve buồn mùa hạ phượng rơi

Còn nhớ không em ve buồn ngày đó
Nắng bụi, mưa bùn, nước ngập đầy sân
Em thơ ngây xăn quần lội trước
Anh ngẩn ngơ nhìn quên nước dưới chân

Còn nhớ không em chiều xưa gió lộng
Cây điệp vàng sân trước nhà em
Mùa thu lá hoa rụng đầy trước ngõ
Anh lén nhìn em thơ thẩn bên thềm

Mấy mùa trời đất dần xoay chuyển

Mình lớn lên nên nghĩa vợ chồng
Con đường, hàng cây, tuổi thơ kỷ niệm
Làm hành trang trên những bước gai chông

Bao năm chia xẻ mùi gian khổ
Tình bến sông xưa nước vẫn đầy
Đời bắt anh ba chìm bảy nổi
Thương hồng nhan vất vả tháng ngày

Sóng nhồi, gió đập ta phiêu bạt
Đất lạ xứ người nhớ quê xa
Hôm sớm đi về đường nắng nhạt
Vẫn hàng me xanh bóng quê nhà

Chất chiu mua được căn nhà cũ
Nhà nhỏ cảnh như chốn địa đàng
Phía trước hoa vàng cây cầu gỗ
Sân sau rau mướt xanh một hàng

Con lớn như chim bay xa mãi
Để vợ chồng già cảnh hẩm hiu
Một mai theo bóng trăng thiên cổ
Thương người còn lạnh biết bao nhiêu

Người đi, đi mãi, đi xa khuất
Bỏ lại con đường bóng me xanh
Mũi lòng người bạn đời đứng khóc
Ai xuôi gương lược vỡ tan tành

Ôi! Tránh làm sao khỏi luật trời
Cõi đời vui khổ tạm mà thôi

Sương khói vô thường cơn trường mộng
Giật mình tỉnh lại, mây vẫn trôi !

Spring, Texas 5/2006

ĐẶNG TOẢN

Chiếc bánh lá

Tặng em chiếc bánh lá
Ăn nhớ trời quê hương
Gặp nhau nơi xứ lạ
Vui cùng chung đoạn đường

Gặp nhau nơi hành lang
Cười chào đường quá vội
Ngoài nhìn càng thêm tội
Quê người buồn thênh thang

Tặng em chiếc bánh lá
Lời cảm ơn dịu dàng
Dù đầu đông cuối hạ
Nghe như vừa xuân sang

Tặng em chiếc bánh lá
Lời cảm ơn dễ thương
Còn dịp nào không hủ?
Chắc chi, đời vô thường!

Tặng em chiếc bánh lá
Lời cảm ơn còn vương
Ra sân nhờ gió lạ
Gửi sầu về muôn phương

Bánh lá ơi, bánh lá!
Ăn quên đời tha phương
Mơ ngày nào bánh lá
Ăn bên trời quê hương...

Houston 02 - 26- 06

CAO VỊ KHANH

Mấy hồi đưa tiễn...

1.

Phi trường rộng, phi đạo dài
Tay tôi nắm đến một nhào vai em
Đường bay, bay một nỗi niềm
Mắt em khóc sao lệ chìm thân tôi

2.

Buông ra buồn đến sững sờ
Y như làm dở câu thơ nửa chừng
Còn hai con mắt rưng rưng
Thôi em nín, kéo lệ trùng chiêm bao

3.

Cầm tay thấy dấu đoạn lìa
Ngó hai con mắt đã chia biệt trùng
Người về tới tận núi sông
Tôi về tận tới náo nùng đời tôi

4.

Trẽ nhau một chuyến xe đời
Em về tới bến còn tôi lỡ đường
Quán chiều trọ mái tình sông
Đêm nghe ướt dột lệ sương nắng người

5.

Người đi tôi chẳng tiễn đưa
Sao nghe có tiếng người thưa... già từ
Rồi... trong gió bỗng hồ như
Cả mùa thu lạnh đổ ùa vào tôi

6.

Chia tay, lòng đã dãn lòng
Ơi con mắt đỏ còn hồng ... đứng đứng
Người đi đâu thể lại dừng
Mới lên tiếng gọi... dợm chừng... thất thanh

ĐỌC SÁCH
Tập Thơ Ô Cửa
Của Trần Hoài Thư

TRẦN HOÀI THƯ

Ô CỬA

Tuyển thơ toàn tập



THƯ AN QUAN
2005

PHẠM VĂN NHÀN

**Trần Hoài Thư: Cuộc Đời và Sự Nghiệp Thơ Văn như
chất keo dính chặt qua Ô Cửa**

1/

Tập thơ Ô Cửa của Trần Hoài Thư dày 380 trang, gồm 247 bài thơ. Có lẽ đây là tập thơ mà anh “ tâm huyết” nhất, sau khi đã “tổng hợp” lại tất cả những bài anh đã làm trong suốt ba mươi năm (?), lấy cái mốc tháng tư,

một chín bảy mươi lăm. Tháng có nhiều nguyệt ngã và bạc bẽo (chữ của anh Đặng Tiến).

Mở đầu tập Ô Cửa, THT viết: “ *Thấm thoát hơn ba mươi năm tôi xa bạn, và 25 năm tôi ở xứ người. Tôi bây giờ như con ốc mang hồn đi hoang. Vỏ tôi đó nhưng hồn tôi trôi dạt...Hồn tôi xin được gọi trên những trang chữ nghĩa của tập thơ này. Xin được gọi đến bạn như là một món quà văn nghệ của một người bạn cũ từ lâu xa cách.*”

Lời mở cho một tập thơ dày 380 trang chỉ bằng đó con chữ. Theo tôi: vừa đủ nhưng cũng không thiếu những ý, những từ mà anh đã trải lòng mình trong tập thơ để gọi đến bạn bè ngày hôm nay.

Với 247 bài, tập Ô Cửa chia làm 6 phần:

- * Dưới Trời Khói Lửa (80 bài)
- * Tình Si (61 bài)
- * Lao Khổ Rừng Chàm (6 bài)
- * Quê Nhà Bỏ Lại (23 bài)
- * Bạn Bè (7 bài)
- * Cõi Riêng (70 bài)

Tôi nhận được 2 tập Ô Cửa do anh gửi tặng. Tập đầu xuất bản tháng 10 năm 2004. Và, một năm sau, đúng vào tháng 10 năm 2005 tái bản lần thứ hai. Nhưng với tập tái bản lại lần thứ hai, người đọc dễ dàng tìm đọc những bài thơ nào trước, nào sau (theo ý thích) hơn tập xuất bản đầu tiên. Tôi viết bài này khi nhận tập Ô Cửa mà anh tái bản (tháng 10-2005)

Tại sao anh chọn đề cho tập thơ là Ô Cửa? Theo tôi, có lẽ hình ảnh những ô cửa từ trong ngôi trường cũ ngày nào; mà nơi ấy: thầy, bạn bè đã một lần hay nhiều lần vẫn mãi mãi hiện diện trong tâm thức của anh.

“Ngôi trường cũ có bao nhiêu ô cửa

*Để tôi về đếm những đám mây
Tôi sẽ gọi một bầy chim sẻ nhỏ
Những con chim từ xa vắng lạc bầy*

.....

*Tôi sẽ về để biết mình bé dại
Hôm nào đây chạy đuổi cuộc hành trình
Sông núi ấy hai bên bờ ngăn cách
Đứa nào còn, nào mất giữa đao binh*

*Tôi sẽ nhớ một người tôi yêu dấu
Người nào đâu về lại giữa đêm qua
Dấu chân nhỏ như vết hài vạn cổ
Đôi mắt nào theo dõi cuộc đời ta*

.....

(Ô Cửa- trang 235)

Vâng. “*Những con chim từ xa vắng lạc bầy*” ấy đã mãi mãi còn lại trong tâm thức của anh, để anh hình thành nên một tập thơ “đồ sộ” với 380 trang.

Trích vài đoạn trong bài Ô Cửa, có lẽ, tôi hiểu được lòng anh: bạn bè, người yêu, chiến tranh, quê hương sông núi mà “đã theo anh” trong suốt chặng đường dài gian khổ. Chặng đường chông gai, mất mát (tuổi trẻ) trong chiến tranh, mất mát hay nói cách khác là quá “uổng phí” trong những trại cải tạo. Cũng vì những tháng năm nghiệt ngã ấy, mà anh chỉ thấy: *Bốn năm ở Trà Tiên/ Trăm xanh mờ lên mắt/ Mênh mông đầm lau lách/ Bèo lớp lớp ngụy trang.* hay: *Chỉ thấy đám tù binh/ ngoi ngóp cùng nước lũ...*Để rồi, sau những năm cải tạo anh cũng như bao nhiêu người khác ra đi để tìm cho mình một “lối thoát” mà “tứ bề” đang vây bủa. Thoát, không có nghĩa là anh chối bỏ quê hương. Rõ ràng: bụi chuối bên đường tình cờ

anh bắt gặp, thì...hình ảnh quê nhà trong máu huyết của anh trôi dạt trên quê người:

....

*Có một ngày giữa tiểu bang mệnh mông
Chúng tôi đã bàng hoàng dừng xe, thẩn thớt
Bụi chuối nhà ai bên đường đã mọc
Chuối mẹ chuối con, trời hồi quê nhà
Có điều gì rưng rức trong tim ta
Khi cả một quê hương bỗng nhiên trở lại
Thấy cả vườn sau cây xoài cây mận
Bụi chuối sau hè, lu nước, mương con
Chiếc gáo dừa còn để đầy héo hon
Thấy cả bụi chuối con nép mình nhỏ bé*

....

(Bụi Chuối Bên Đường- trang 244)

Hình ảnh một “ thôn dã” mà anh đã đánh mất. Bỗng nhiên : *Có điều gì rưng rức trong tim ta.* Một điều gì vậy? Cây chuối mà anh đã bắt gặp trên đường đi làm nơi xứ người. Ai rồi cũng phải có một quê hương trong ngăn trí nhớ của mỗi người. Nó trừu tượng lắm. Nhưng cũng mãnh liệt lắm khi có ai nhắc đến tên một con đường, một con sông, một khu phố cũ, một cây đa bến nước mà mỗi chúng ta đã trải qua...chỉ có ai đó nhắc đến thôi, ta cũng quay quắt rồi...huống chi anh đã bắt gặp hình ảnh quê hương của anh qua “ cây chuối”

Để rồi qua hình ảnh “ cây chuối” mà anh đã bắt gặp, dù chỉ gì là vô tình, anh đã xúc động mạnh: “ *Chúng tôi đã ngồi trong lòng xe, lệ ứa/ Giữa muôn trùng tiếng gọi của quê hương*” Đối với một người bình thường cho dù chỉ bắt gặp một cây chuối hay một vườn chuối đi chăng nữa thì cũng chỉ ...“ a” lên một tiếng mà thôi. Còn với một người làm thơ như anh...thì khác. Khác ở chỗ anh đã “lệ ứa ”

khi bắt gặp một hình ảnh thực cũng đủ để cho lòng anh thổn thức và quay quắt. Hình ảnh đó đã “trỗi dậy” để anh nhớ về một thời thơ ấu trên quê nhà: Nha Trang, Đồn Dương, và ...Huế.

....

*Da tôi sạm đen ngâm hoài nước bể
Tóc vàng hoe vì nắng lửa rừng Dương
Hồn tôi xanh, xanh rau muống Sinh Trung
Mắt dư dật, mây Hà Ra Xóm Bóng
Mười mấy năm rồi, tôi không về thăm
Cơn sóng biển đã trở thành sóng nhớ
Nha Trang ơi trái bàng khô vỏ
Đi đâu rồi cũng thương nhớ Nha Trang..
(Tuổi Ấu Thơ Tôi Ở Nha Trang – 271)*

Hay, khi anh về Huế:

...

*Bao năm đi biển biệt
Mang nỗi buồn cách xa
Con đế mền đã ngủ
xanh xao mùa trăng xưa*

...

*Ôi một ngày về lại
Chắc sẽ buồn ứa thêm
(Đường Lá Me- trang 153)*

Khi viết về Huế, tuổi ấu thơ đã đánh mất : *con đế mền đã ngủ* . Nhưng phải nói bài: Huế Gọi Ta Về đọc nghe thật dễ thương. Nhưng buồn quá đỗi. Có lẽ: Huế đã buồn rồi. Buồn từ con đường góc phố. Buồn trên những đọt cây. Buồn từ những giọng rao hàng của các O trong những đêm khuya khoắt. Buồn từ những giọt sương đêm rơi trên

lá. Buồn từ ngôi nhà kín cổng, kín rào. Buồn! Phải nói như thế, cho nên, tôi đọc Huế Gọi Ta Về- trang 253 rõ ràng buồn thật. Xin trích:

*Có một dòng sông mềm như dải lụa
Có hai ngôi trường như hai tình nhân
Có một con đường mỗi ngày hai bận
Anh theo em về , qua bến qua sông*

*Có một chiếc cầu bắc qua thành phố
Thành phố mù sương, phố cổ mù sương
Có anh tội tình như loài cỏ thụ
Em đậu trên cành làm anh băng khuâng*

.....

Nhưng tuổi thơ của anh lớn lên, cũng có thể nói lớn lên từ: giữa một vùng đầy nhạc đế xênh xang....nơi rộc rau muống, ấp Hà Thanh, Nha Trang (anh vẫn nhắc nhiều về địa danh này trong Ra Biển Gọi Thầm). Khi anh viết về tuổi thơ, tôi vẫn thích.

*Con đế nào của tuổi dại u mê
Cứ than vãn giữa đêm hè xứ Mỹ
Hay chú đế của một thời ủy mị
Đang gọi những mùa hè đã mất trong ta
Đang gọi những cánh đồng xưa bao la
Những cánh đồng ngập tràn rau muống
Ôi những ruộng đường
Những bước chân luống cuống
Giữa một vùng đầy nhạc đế xênh xang*

....

*Đứa nhỏ thời nào của xứ Nha Trang
Của thời Sinh Trung chưa bồi chưa lỡ
(Rộc Rau Muống- trang 262)*

Rộc rau muống, nơi đây, cũng là nhà của người bạn tôi, anh Nguyễn Huy Hoàng. Anh có tiệm sách trên đường Độc Lập. Mỗi lần về NT là ngủ lại nhà anh. Nằm trên căn gác, đêm nghe tiếng đế gáy vang dưới rộc rau muống. Ấp Hà Thanh ngày xưa. Bây giờ chắc có nhiều đổi thay. Với THT, hình ảnh nào anh bắt gặp cũng gợi lên cho anh “quê nhà” trong “ngăn nhớ” của anh, bằng bạc, nhẹ nhàng những kỷ niệm.

Cũng như nhà thơ Vũ Hữu Định, công tác một nơi nào đó, khi nhìn những cánh cò bay, ông có những vần thơ:

Buổi chiều đứng ngắm dăm dăm

Mấy thân cò dạt xiêu tầm mắt xa

Thấy gì không giữa bao la?

Mà nghe tâm động nổi nhà quanh hiu

(Nhìn Cò Bay, Nhớ Nhà. Thơ Vũ Hữu Định- trang 25-
Thư Ấn Quán 2006)

Hay, khi nhà thơ VHD nghe tiếng còi tàu thổi, lòng ông cũng “khao khát và rướm máu”

“ Nhà anh ở gần ga

đêm thao thức nghe còi tàu giục giã

giữa đêm vắng chợt thấy lòng xa lạ

mấy năm không di trời đất nhỏ dần

ôi tiếng còi tàu như một nhát gươm

rướm máu lòng khao khát.

(Đêm Nghe Còi Tàu- Thư Ấn Quán 2006)

Với Trần Hoài Thư hay với một nhà thơ nào khác, tôi nghĩ cũng “rất nhạy cảm” khi nhìn một “ngoại cảnh”... mà thấm đẫm vào lòng.

2/

Với độc giả khi đọc Ô Cửa của nhà thơ Trần Hoài Thư, tôi nghĩ, đọc để cảm nhận cái hay những bài thơ trong tập thơ ấy. Với những con chữ bình dị. Với lối gieo vần tự nhiên không gò bó trong khi đi tìm vần...thơ anh dễ đọc và dễ gieo vào lòng người. Còn đối với tôi thì khác, Giữa tôi với anh như có một “ thiện duyên” gắn bó. (!). Cái “duyên” ấy kéo dài từ ngày mà tuổi trẻ chúng tôi “ được hay bị” ném vào cuộc chiến (thập niên 60) trên chiến trường Bình Định. Chiến trường, không phân biệt ai, “bạn cũ hay mới”. Gian khổ chia cho nhau, vui sướng cũng chia cho nhau. Mà nói thật khổ nhiều hơn là sướng đối với những người lính như chúng tôi. Nhất là tuổi trẻ của chúng tôi lúc bấy giờ chỉ biết “ thắng hướng” ra chiến trường. Gặp nhau nơi phố thị ngày nào, là vui ngày nấy...Cho mãi đến hôm nay, tôi không nghĩ ra là khi nào, do ai... mà tôi với anh gặp nhau trong cùng....một chí hướng (lính trận- và khổ).

Trong phần đầu viết “ dưới trời khói lửa” tôi bắt gặp ngay nơi trang 7 bài thơ Qui Nhơn.

Đã la cà vỉa phố đến mòn chân

Đã lê la đến mòn rách đáy quần

Đã quen thuộc từng tên đường nẻo ngõ

Mai lỡ chết cũng quay đầu về thành phố

Để nhớ về những ngày thuốc lá cà phê

Để nhớ về một vũng máu hôm tề

Đã nhuộm đỏ cây xăng Ông Tề

Trong ngày tái chiếm

(Qui Nhơn)

Vâng. Vĩa phố/ mòn chân/ rách đáy quần/ thuốc lá cà phê. Và cây xăng Ông Tề...Những con chữ trong bài Qui

Nhơn làm sao tôi không nhớ được. Đã lâu, 37 qua mà hình ảnh đó như ngày nào, đọc lại những con chữ trong bài thơ ấy tôi nhớ như in. Vâng: “ để nhớ về một vùng máu hôm tê/ đã nhuộm đỏ cây xăng Ông Tề” Tôi biết, và những người lính thám kích 405 biết. Sáng hôm sau, mừng một tết (năm 1968) tôi lại vào thăm anh nơi quân y viện Qui Nhơn. Gặp nhau...cười méo xẹo; và mong “cậu” sớm bình phục để còn về phố la cà “ thuốc lá, cà phê” với bạn bè, rong chơi được ngày nào vui ngày nấy để biết bọn mình “thoát vòng tử sinh”.

Bởi vì, có lẽ, Qui Nhơn là nơi...hấp dẫn đám “ lính trẻ” chúng tôi thời bấy giờ. Khi mà, nơi ấy dù gì cũng là chỗ ...vui hơn là “ lội ” ngoài chiến trường. Vì nơi ấy:

....

*“ Thành phố nọ trở về vui một bữa
Đám cô hồn mấy đứa buồn như nhau
Tiếng hát Khánh Ly, quán mờ đèn lu
Ai nức nở xoáy hồn ta, đau nhói
Mắt mỗi đứa nhắm nghiền,
u hồn khói thuốc
Đêm bên ngoài, hay
đêm cửa thanh xuân
Giọt cà phê đen, quạnh đặc linh hồn
Đôi mắt bạn bè chao ơi, buồn quá đôi..
(Về Với Phố – trang 68)*

Và, thật tình mà nói: “Đôi mắt bạn bè chao ơi, buồn quá đôi” ấy như vẫn còn hiện diện với tôi, khi những kỷ niệm ngày nào trở về, khi tôi đọc bài thơ: Căn Nhà Trong Khu Sáu (phần 5- Bạn bè)

...

“ nhắc nhở chuyện trò huyền thuyên bất tận

*Kể lại một thời gian hồ áo trận
Căn nhà xưa, bạn cũ quây quần
Chiếc áo cơ hàn bao đứa đặt lưng
Nghe như đầu dây mùi hôi ẩm mốc
Phòng để cửa mùa đông tối đặc
Đêm về khuya nghe sóng vỗ Quy Hòa*

...

(trang 286)

Làm sao tôi không nhớ được bạn bè trong ngôi nhà ấy, mà anh đã nhắc đến: Phạm Cao Hoàng, Lê Văn Trung, Mường Mán, Thái Ngọc san, Mai Khế, Lê văn Ngăn. Vâng, còn nữa. Cả nhà thơ Nguyễn Ngọc Loan (pháo binh- chết trên komtum) cả nhà báo Huy Hoàng- đã mất- một thời đến ở chơi trong căn nhà khu sáu này. Ngôi nhà ấy: *chiếc mền đắp ba bốn thằng dơ bẩn/ những chén cơm khô chưa rửa/ Và cửa đôi khi mở ra/ Một gương mặt ló vào/ Để không bao giờ tìm gặp lại.*

Những bạn bè ngày nào còn ai, ở đâu khi tuổi trẻ chúng tôi, nói thật, lúc bấy giờ chán chường trong cuộc chiến. Trong số những bạn bè ấy, hôm nay, còn có người ngoài nước, như tôi, THT và Phạm Cao Hoàng... Nhưng, như tôi đã nói, hình như tôi với anh có cái duyên . Mà cái duyên này phải là “ thiện duyên”. Do đó, cũng trong bài “Căn Nhà Trong Khu Sáu” ấy, anh đã viết:

...

*“ Bạn còn nhớ không những ngày ở Phan Rang
Ta trở về để tóc để râu
Những toa tàu đen, và con đường sắt
Bỗng nhớ vô cùng hoa quỳ Đơn Dương
Thương tội tình toa sắt trống trơn
Dưới chân đèn trong mùa tiêu thổ
Khi núi sông đau màu cách trở*

Thì xá gì những kẻ xa nhau.

....

(trang 288)

Cái duyên ấy kéo dài cho mãi đến hôm nay, tôi với anh gặp lại nhau, hỏi thăm nhau. Anh viết thay tôi: hỏi người làm gì- đóng tủ đóng bàn/ Hỏi ta làm gì- hành nghề điện toán/ Cười ha ha, ngày xưa cầm súng/ Giờ làm thêm ba thứ lạ đời/ Thôi còn chút tình bằng hữu chia đôi/ cho ấm chút lòng quê người đất khách.

Cái “ ấm lòng một chút nơi quê người đất khách” đó không phải mới có ngày hôm nay, phải không THT? mà nó đã có từ những ngày đầu anh mới ra khỏi quân trường đã bị “ viên đạn AK” bắn vào ngực anh nơi cây xăng Ông Tề. Qui Nhơn. Để rồi, với 247 bài thơ anh vẫn còn nhớ... đêm ngủ trong chuồng ngựa Pasteur/ Nha Trang mà viết:

*“Lính trận về thành, không chỗ ngủ
May viện Pasteur còn chuồng ngựa
Hai thằng tuổi ngựa nhờ qua đêm
Nằm nghe sóng biển ru buồn tênh*

*Tuổi ngựa thì ngủ chuồng cũng xứng
Quen rồi mả mương hầm thức trắng
Ngủ đi, hãy cố ngủ đi con
Để mai còn về Quân Khu Năm
Chọc đám hậu cần trên An lão*

Bài thơ ghi lại những kỷ niệm của ba người, nhưng chỉ còn hai (tôi và anh) còn một người bạn nữa, ký giả Lê Minh (trong nước) thì đã ra người thiên cổ.

Đọc lại bài thơ Đêm Tiếp Cứu Chợ Huyện trang 28. Tôi

bồi hồi nhớ lại kỷ niệm khi quận bị những người bên kia tấn công vào, quận trưởng bị giết (thiếu tá Tùng), và một cô giáo sinh sư phạm bị bắn chết, một cô khác bị thương. Những chiếc xe nhà binh 10 bánh, mở đèn “mắt mèo” chạy trong đêm đưa tôi với một toán lính đến để giữ an ninh lúc ấy. Nửa khuya, THT cho tôi biết, toán quân anh sẽ tiến vào, và tôi hãy cẩn thận vì họ đang chuẩn bị tập kích quận lần nữa. Có đơn vị anh vào, tôi an tâm để “rút quân” ra. Và, có lẽ, chính THT cũng không ngờ một cô giáo sinh sư phạm bị thương ngày nào đó lại đang định cư ở Houston. Chị Tiểu Lan (người Huế) là bạn với gia đình chúng tôi.

Ta nghe THT viết:

*Điều hâu đã về như một lũ âm binh
Kẻ trước người sau lao vào địa ngục
Đêm không thấy đường, giữ dây khỏi lạc
Chúng tôi băng đồng nước ngập
giải cứu quê em*

*Ta đã về, giành lại quê hương
Giành lại quận đường hoang tàn đổ nát
Giành lại ngôi trường lời ca tiếng hát
Nhưng ta lại không giành được em gái ta yêu*

*Ta đã về nhìn bấy chim nhỏ cút côi
Chúng ủ rũ, như lòng ta ủ rũ
Lũ bé quì bên xác người cô trẻ
Đặt vòng hoa, mếu máo gọi cô về
Cô không về, cô bỏ dạy, cô đi
Cô bỏ chúng con cô về xứ khác
Ta cần bầu môi, em ơi, ta khóc
Em không về em cũng bỏ thanh xuân*

*Em bé quê ơi, cho ta nhành bông
Một nhành bông quì vàng như màu áo
Ta đặt lên em. Trống trường ảo não
Như những hồi mặc niệm em tôi*

Ta đã về, và đã trở, em ơi...

Và, hôm tôi về Houston, Tiểu Lan có đến thăm. Và chị cho biết mới làm giỗ anh Tùng, Quận trưởng quận Tuy Phước (chợ Huyện) trong đêm quận bị tấn công ấy. Và, hôm nay, chính chị Tiểu Lan cũng không ngờ, đêm ấy lại có tôi và cả THT đã đưa quân vào quận trong đêm mà có cô giáo sinh Sư Phạm bị bắn chết, và chị Tiểu Lan bị thương. Gần bốn mươi năm qua, đọc bài thơ của anh : Đêm Tiếp Cứu Chợ Huyện, rồi gặp lại gia đình chị Tiểu Lan ở Houston...thử hỏi lòng tôi sao không bồi hồi?

3/

Dù gì với tập thơ đầy cộm mang tên Ô Cửa của anh, đã gợi lại trong tôi bao kỷ niệm; vì trong Ô Cửa tôi đã thấy bạn bè và những kỷ niệm không thể nào quên. Ở Phan Rang (Tháp Chàm) mấy tháng với tôi, rồi lên cao nguyên :

*“ Khi chuyển xe sáu giờ khởi hành
Hôm nào ta bỏ Nha Trang lên miền cao
Nhớ vô cùng người ở xa
Điều thuốc mỗi chung, ướm nhòa con mắt*

*Người gởi cho ta chiếc jacket
Xe lên đèo mù, mặc áo bạn trao*

*Có phải người đỡ ta như chiếc phao
Khi ta bấp bênh biển đời nổi sóng*

...

(Căn Nhà Trong Khu Sáu – trang 285)

Đâu phải chỉ có tôi, có anh , mà còn những người bạn rất chân tình nữa. Trong đó có cả Lữ Quỳnh (nam cali). Chính Lữ Quỳnh lái chiếc jeep để đưa anh vượt Cù Môn. Từ đó anh mới về được Nha Trang. Và từ NT về chơi vài tháng với tôi ở Tháp Chàm.

Và, với những người bạn chân tình ngày nào trong nhóm Ý Thức như sống lại của những tháng ngày còn “ lặn độn” binh đao trong căn nhà vách tôn, mái tôn nóng kinh hồn bên đường rầy xe lửa gần ga Tháp Chàm ấy.

....

*Những toa tàu đen, và con đường sắt
Bỗng nhớ vô cùng hoa quỳ Đơn Dương
Thương tội tình toa sắt trống trơn
Dưới chân đèn trong mùa tiêu thổ
Khi núi sông đau màu cách trở
Thì sá gì những kẻ xa nhau
(trang 288)*

Rồi cũng từ Tháp Chàm này anh lên miền cao, rồi về miền Tây - vào khoảng năm 1970 (?) -. Anh miệt mài nơi miền sông nước, tôi miệt mài nơi Dục Mỹ/ Nha Trang sương lam chướng khí của ngày xa xưa. Tháng tư năm 1975, mỗi người chúng tôi đều có chung một đáp số. Chẳng biết cuộc sống của anh thế nào và bạn bè ra sao ? Bởi vì cuộc sống hằng ngày của tôi khép kín hơn 7 năm trong các trại, và đường thì bị “ ngăn sông cách ngăn” vì nhiều lí do...

Từ năm 1970 năm ấy, anh về miền Tây, mới biết:

“ Cảm tạ em. Người em Cần Thơ

Anh theo em bỏ xứ. Bao giờ

Bao giờ. Như thể tiền thân trước

Một kẻ lưu dân trở lại nhà

Và:

“ Cảm tạ em người em Cửu Long

Em cho anh hơi thở đồng bằng

Từ trong lòng dậy nguồn ân lượng

Của chấp chùng cam khổ tiền nhân

....

(Cảm Tạ Đồng Bằng – trang140)

Đã rồi, sau bốn năm trong trại cải tạo trở về, anh: *lăn chiếc phuy dầu lên cá lớn/ Trời ơi ta từ biệt Việt nam/ Việt nam. Đêm ấy đêm trừ tịch/ Có những con người lại cách ngăn* (Đêm Từ Biệt Việt Nam). *Cảm tạ em, người em Cần Thơ*. Khi gặp lại nhau trên xứ người. Ngoài nụ cười “ sáng khoái” của anh ra, tôi hỏi: người em Cần Thơ là chị Y...không? Vẫn nụ cười dù trong gian khổ ngày nào ở chiến trường Bình Định, anh nói: đúng. Tôi cười vui...biết rồi, khi chúng tôi còn ở trong căn nhà tôn gần ga Tháp Chàm. Tên chị làm sao tôi quên được, dù chưa gặp chị lần nào trước đó...nay thì đã biết “ người em gái Cần Thơ” đã một thời ...*“Tôi quá nghèo, chỉ bộ đồ xanh/Đẫm nắng bạn quen nhau thời khốn khó/ Nàng thì thảo bên tôi cần gì thứ đó/ Miễn tình anh vô lượng như thơ anh”*

Tôi vui biết mấy khi đọc dòng thơ này: *miễn tình anh vô lượng như thơ anh*. Rõ ràng là như thế. Trong thơ THT rất “vô lượng” tâm, chẳng mang một chút hận thù nào; dù

máu anh đã nhiều lần đổ ra cùng với những người lính trong đơn vị anh, hay bạn bè anh đã nằm xuống. Tôi chưa thấy những câu thơ nào của anh trong tập Ô Cửa (phần: Dưới Trời Khói Lửa) nói lên những câu đầy hận thù và đầy ... máu. Với anh, tôi biết: anh không dùng thơ để gây kích động tâm lý hận thù “phi nghĩa” mà thơ anh như “giải tỏa” một tâm sự của thế hệ anh, và thế hệ của chúng tôi: Thế Hệ Chiến Tranh. Có lẽ vì thế, cho nên:

*Thế hệ chúng tôi đã mang đầy vết sẹo
Vết sẹo ngoài thân và vết sẹo trong hồn*
hay:

*Quá khứ tương lai, chuỗi ngày vô vọng
Chúng tôi xóa bờm, không biết về đâu*
(trang 105)

Chẳng biết về đâu khi tuổi còn thanh xuân. Hận thù không phải là cứu cánh của những người lính như chúng tôi. Cho nên trong bài: Một Ngày Không Hành Quân (trang 34) ta thấy được tấm lòng của người lính qua những dòng thơ rất đẹp và đầy “Phật tính” :

*Cô hàng ơi cho một ly không
Tôi rót mời một người lính Bắc
Hắn nằm banh thay dưới hầm bí mật
Trên người vẫn còn sót lại bài thơ*

*Trên đồi cao mây vẫn xanh lơ
Có con bướm vàng diêu dàng dưới nắng
Tôi với hắn đâu có gì thống hận
Bài thơ nào cũng viết để yêu em*

Và, trong phần đầu của tập thơ Ô Cửa: Dưới Trời Khói Lửa đã nói lên được phần nào lính miền Nam, mà anh là một:

....

*Ta lính miền Nam hể, vận nước ngửa nghiêng
Ta cũng lênh đênh cùng cơn mạt kiếp
Ta trèo lên cây hỏi rừng có biết
Có một nơi nào hơn ở Việt Nam?
Có người lính nào bi tráng hơn lính miền Nam
(Ta Lính Miền Nam- trang 25)*

Hay trong bài Đồi Xưa nơi trang 32 anh viết về một trận chiến đã qua. Trận Phù Cũ. Hình như xảy ra vào năm 1966 (?) thì phải. Người lính nào đi ngang qua đó mà không nhớ trận đánh năm xưa. Nhưng với THT, anh không trút cái hận thù lên trên ngọn đồi đó khi có những bạn bè của anh ngã xuống. Mà, ta nghe:

*Tôi qua đèo xám, mây mờ núi
Thương về đâu, một lũ sáo rừng
Hôm qua đồi ngập hàng trăm xác
Đạn pháo đào sâu bãi chiến trường*

....

*Có ai dưới lớp mồ hoang dã
Nằm xuôi chân mắt mở trợn trừng
Chiều nay sao mọc về phương Bắc
Sao ruột lòng vắt đỏ phương Nam*

Hay:

*Những xác hôm qua vàng rám mỡ
Những anh hùng, ngụy tặc, nằm chung*

(những anh hùng, ngụy tặc- chữ của những người bên kia thường dùng) . Với anh trong chiến đấu, thơ cũng vẫn nhẹ nhàng, rõ ràng không vẩn đục hận thù bởi khách quan chính trị.

Nói cho cùng những địa danh anh đã đi qua- chiến trường Bình Định- ít nhiều tôi đã đến. Anh đã gọi lên trong tâm

thức tôi những hình ảnh của một thời gian khổ hành quân, của những ngày cơm chan hòa nước mưa dưới vành nón sắt, dưới bóng dừa Tam Quan, An Lão , Hoài Ân, An Thường và bên dòng Lại Giang. Của những ngày “ nuốt đau” vuốt mắt cho người bạn vừa trút hơi thở ở một “địa danh” mà dân “ phố thị” chẳng ai biết đến; vì rõ ràng: *có một nơi nào hơn ở Việt Nam?...*

Chiến trường Bình Định đã lùi xa. Nhưng làm sao chúng tôi quên được những địa danh mà một thời, ít nhiều tuổi trẻ chúng tôi đã đến. Khói lửa chiến tranh, chết chóc, điêu tàn ... đã chạnh lòng nhà thơ Phạm Triều Nghi (*) khi đi qua đền Bình Đê đã viết:

...

Tháng tư

Lửa bùng lên đầu chợ

Lửa cháy quanh sông

Lửa vây Đệ Đức

Lửa đốt Bồng Sơn

Người người tan xác giữa đồng

....

Ngó về đâu không rợn màu tang tóc

Ngó Nam ngó Bắc

Nuốt tiếng thở dài

Ai đến Tam Quan thương vay?

Ai đến Sa Quỳnh khóc mướn?

Có nghe những oan hồn vất vưởng

Than van trên ngọn cờ bay

Kêu đòi thân thế hình hài

Trăm năm cát bụi...miệt mài cơn đau.

(TQBT 20- trang 96)

Nhà thơ Phạm Triều Nghi là một nhà giáo, khi đi ngang

qua đèo Bình Đê vào khoảng năm 1973 thấy Bồng Sơn tan hoang, làm sao mà anh không chạnh lòng? Còn nhà thơ THT dù trực diện với cuộc chiến thì anh vẫn xem nhẹ như mây trời để lòng anh lúc nào cũng thanh thản.

Thì ta ra trận, ta ra trận

Trăm lần, thì cũng chuyện rong chơi

Vẫn chuyển bốc quân vào buổi sáng

Vẫn chuyển trở về không buồn vui.

...

(Nhảy Trục Thăng Ở Phước Lý – trang 30)

Với 247 bài thơ trong tập Ô Cửa của anh đã làm cho tôi càng thích thú khi đọc. Thích, không phải giữa tôi với anh quen biết nhau từ lúc máu anh đã đổ xuống nơi cây xăng Ông Tề trên phố Qui Nhơn trong năm Mậu Thân (1968); mà thơ anh gần... rất gần với bạn bè một thời rong chơi. Khi mà: *Giờ thì già, ngựa đã nã chân bon.*

Amarillo, ngày 27 tháng 5 năm 2006

(*) Bút hiệu của nhà văn Phạm Ngọc Lữ

Nhóm chủ trương:

Phạm Văn Nhân, Trần Hoài thư, Trần Bang Thạch (Hoa kỳ), Cao Vị Khanh (Canada), NG~ (Việt Nam)

Bài vở gửi về:

Phamvannhan1942@yahoo.com

tranhoaiithu@verizon.net

hay:

TQBT

P.O.Box 58

South Boud Brook

NJ 08880

Thành thật xin lỗi

Vì bài vở nhiều. Có những bài chúng tôi không thể đi trong số này. Sẽ lần lượt đi vào những số sau.

